|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH CAO BẰNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**NGÂN HÀNG TÊN ĐƯỜNG, PHỐ VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CAO BẰNG**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

**A. Lựa chọn địa danh, danh nhân vào Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

1. Tên địa danh nổi tiếng, có ý nghĩa và có giá trị tiêu biểu về lịch sử - văn hóa của đất nước hoặc địa phương; địa danh đã quen dùng từ xa xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân; tên địa phương kết nghĩa hoặc có mối quan hệ đặc biệt.

2. Danh từ có ý nghĩa tiêu biểu về chính trị, văn hóa, xã hội.

3. Tên di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh có giá trị tiêu biểu của quốc gia hoặc địa phương và đã được xếp hạng theo quy định của Luật Di sản văn hóa.

4. Tên phong trào cách mạng, sự kiện lịch sử, chiến thắng chống xâm lược có giá trị tiêu biểu của quốc gia hoặc địa phương.

5. Tên danh nhân bao gồm cả danh nhân nước ngoài. Danh nhân đó phải là người nổi tiếng, có đức, có tài, có đóng góp to lớn cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cũng như của địa phương hoặc có đóng góp đặc biệt cho đất nước, có công lớn trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật, khoa học, kỹ thuật, phát triển tình hữu nghị giữa các dân tộc, được Nhân dân suy tôn và thừa nhận.

6. Ngoài lựa chọn các tên đã có trong danh mục Ngân hàng tên, có thể lựa chọn tên các huyện, xã, phường, thị trấn trong tỉnh đã được cấp có thẩm quyền quyết định thành lập để xem xét đặt tên đường, phố và công trình công cộng.

Những nhân vật lịch sử còn có ý kiến đánh giá khác nhau hoặc chưa rõ ràng về mặt lịch sử thì chưa xem xét đặt tên cho đường, phố và công trình công cộng.

**B. Danh mục tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng: 259 tên**

**I. Tên địa danh nổi tiếng, có ý nghĩa và giá trị tiêu biểu về lịch sử - văn hóa; địa danh đã quen dùng từ xa xưa, tên địa phương kết nghĩa hoặc có quan hệ đặc biệt: 77 tên**

| **TT** | **Tên** | **Địa bàn** | **Tóm tắt nội dung, sự kiện, địa danh** |
| --- | --- | --- | --- |
| **(1)** | **Thành phố Cao Bằng** | |  |
| 1 | **Bản Phủ** | Xã Hưng Đạo | Bản Phủ là tên gọi dân gian về tòa thành cổ gắn với truyền thuyết “Cẩu chủa cheng vùa” (Chín chúa tranh vua) từ thời Thục Phán, thủ lĩnh người Tày Cổ (Tây Âu, tương truyền là con Thục Chế - vua nước Nam Cương, cùng thời với nước Văn Lang). Những dấu tích về tòa thành đến nay là tường thành, Bó Phủ (giếng Ngọc), hồ Sen... |
| 2 | **Cao Tiên** | Phường Hợp Giang | Đền Cao Tiên thờ công chúa thứ hai của Vua Mạc Kính Vũ là Mạc Thị Cao Tiên. Sau khi nhà Mạc bị nhà Lê đánh bại, để giữ khí tiết và lòng trung thành với nhà Mạc, khi bị quân nhà Lê truy đuổi hoàng hậu và hai công chúa của nhà Mạc đã trẫm mình xuống sông, xác của công chúa thứ 2 đã trôi theo dòng sông Mãng, Nhân dân thương xót đã đem chôn cất và lập miếu thờ.  *(Nguồn: Nguyễn Xuân Toàn, Vương Triều Mạc ở Cao Bằng một thời hưng thịnh.*  *Nxb Dân Trí, năm 2011)* |
| 3 | **Cao Bình** | Xã Hưng Đạo | Là tên gọi quen thuộc của khu vực xã Vu Tuyền, châu Thạch lâm, nay thuộc xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng. Năm 1435, địa danh Cao Bằng (Cao Bình), lần đầu tiên xuất hiện trong sách Dư địa chí của Nguyễn Trãi. Theo Nguyễn Trãi, hồi bấy giờ Cao Bằng đã ở hàng cấp lộ. Trong Quốc sử quán triều Nguyễn, khi chép về diên cách Cao Bằng ghi rõ: "Đời Hùng Vương xưa là bộ Vũ Định, đời Tần thuộc Tượng Quận, đời Hán thuộc quận Giao Chỉ... đời Lý về sau là đất Thái Nguyên. Đời Lê năm Thuận Thiên thứ nhất (1428) thuộc Bắc đạo, năm Quang Thuận thứ 7 (1466) đặt thừa tuyên Thái Nguyên gọi là phủ Bắc Bình, năm Quang Thuận thứ 10 (1469) đổi làm Ninh Sóc thừa tuyên; đời Hồng Đức (1470- 1497) lại đổi làm Thái Nguyên thừa tuyên, gọi là phủ Cao Bình gồm 4 châu là: Thái Nguyên, Lộng Nguyên Thượng, Lang, Hạ Lang...  Đến đầu thế kỷ XVI, triều Lê suy yếu. Năm 1527, Mạc Đăng Dung phế truất triều Lê, lập nên triều Mạc. Năm 1592 nhà Mạc bị đánh bật khỏi Thăng Long và chạy lên Cao Bằng cố thủ. Năm 1594, Mạc Kính Cung tự xưng Vua là Càn Thống Hoàng Đế, đặt Vương phủ ở Cao Bình.  Dưới thời Tây Sơn, năm 1789, để tránh tên huý của vua Quang Trung là Nguyễn Quang Bình, các vùng đất có tên là Bình đều phải đổi tên, trấn Cao Bình đổi thành Cao Bằng. Vào đầu triều Nguyễn đặt lại tên cũ là Cao Bình, nhưng do thói quen kiêng kỵ nên sử sách và dân gian cho đến nay vẫn gọi là Cao Bằng.  *(Nguồn: Tổng tập Dư địa chí Việt Nam, Nxb Thanh niên, năm 2012; Nguyễn Xuân Toàn, Vương Triều Mạc ở Cao Bằng một thời hưng thịnh. Nxb Dân Trí, năm 2011)* |
| 4 | **Đà Quận** | Xã Hưng Đạo | Tên gọi quen thuộc của làng Đà Quận thuộc châu Thạch Lâm xưa, nay thuộc xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng. Địa danh này đã có từ lâu đời, trong minh chuông chùa Đà Quận (tên chữ: Viên Minh tự) có đoạn: Trời mở Nam Việt/đất lập Cao Bằng/ Ở giữa Bản Phủ/ đất vững thành vua/Thạch châu kiên cố/ Đà Quận đất thiêng...  (Nguồn: Hồ sơ bảo vật quốc gia, Bảo tàng tỉnh Cao Bằng, 2017) |
| 5 | **Đồi Mát** | Phường Tân Giang | Đồi Mát là tên gọi cũ khu dân cư thuộc Nà Phía trước kia (nay thuộc tổ dân phố số 15 của phường Tân Giang). |
| 6 | **Đồng Tâm** | Phường Sông Hiến | Đồng Tâm là tên gọi khu dân cư thuộc phường Sông Hiến, tiếp giáp với khu dân cư Bản Mới của xã Đề Thám trước kia; một khu dân cư văn hóa có truyền thống đoàn kết, gắn bó, anh em hàng xóm luôn đùm bọc lẫn nhau. |
| 7 | **Đức Chính** | Xã Vĩnh Quang | Đức Chính là tên gọi khu dân cư thuộc khu vực xóm 1 hiện nay; đây là địa danh truyền thống về địa chỉ chăn nuôi lợn giống của Thành phố và Tỉnh. Trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đơn vị - Xóm dân cư số 1 sẽ trở thành xóm điểm nông thôn mới với việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lấy phát triển nông nghiệp gắn với du lịch sinh thái bền vững |
| 8 | **Gia Cung** | Phường Ngọc Xuân | Gia Cung là tên gọi quen thuộc của người dân thị xã Cao Bằng (làng Gia Cung) - khu dân cư bên bờ sông Bằng trải khá dài từ đầu cầu Gia Cung lên đến cầu Nà Cáp.  Trong giai đoạn 1933 - 1936: Gia Cung là nơi xây dựng cơ sở cách mạng, chỉ đạo các hoạt động cách mạng; là trạm đón tiếp và cất giấu tài liệu (hòm thư bí mật đặt dưới gốc cây đầu làng và thường xuyên liên lạc với xứ ủy Bắc Kỳ); Nơi thành lập chi bộ Gia Cung (1932) |
| 9 | **Khuổi Ngùa** | Xã Chu Trinh | Tên gọi hai xóm dân cư thuộc xã Chu Trinh; nơi có tuyền đường liên xóm kết nối các xóm dân cư số 3, số 4 và số 5. (“Khuổi Ngùa” tiếng Tày nghĩa là “suối tép”; “Nà Dìa” là “ruộng chia/ruộng để dành”do ông cha để lại). |
| 10 | **Khau Cuốn** | Phường Sông Hiến | Khau Cuốn là tên gọi khu vực dân cư này; còn có tên Kho Cuốn gắn với Kho lương thực thời kháng chiến của Nhân dân thị xã Cao Bằng. |
| 11 | **Khau Roọc** | Phường Đề Thám | Xóm dân cư Khau Roọc, phường Đề thám, nơi có di tích lịch sử Miếu Khau Roọc (Tiếng Tày, Nùng nghĩa là “Khe núi”): Nơi Hồ Chủ Tịch nói chuyện với cán bộ, lãnh đạo tỉnh Cao Bằng về Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II (2/1951).  Năm 2001, Miếu Khau Roọc được xếp hạng là di tích cấp tỉnh. |
| 12 | **Khau Thúa** | Phường Ngọc Xuân | Khau Thúa là tên gọi khu dân cư liền kề khu vực Trụ sở Bộ đội Biên phòng tỉnh Cao Bằng; nơi có trường học (Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Ngọc Xuân) cùng với số cơ quan thuộc Sở Nông nghiệp, Chi Cục kiểm lâm tỉnh trước kia. |
| 13 | **Mỏ Muối** | Phường Tân Giang | Mỏ Muối là tên gọi dân gian quen thuộc với người dân khu vực này; tính từ ngã ba đền Ngọc Thanh đến dốc lên ngã tư Công an Tỉnh thuộc tổ dân phố số 8 và tổ 9 phường Tân Giang. |
| 14 | **Nà Cạn** | Phường Sông Bằng | Nà Cạn là tên gọi dân gian quen thuộc của Nhân dân thị xã Cao Bằng đối với toàn bộ khu vực sân bay trước kia, trải dài từ chân cầu Bằng Giang đến chân cầu Hoàng Ngà. (“Nà Cạn” tiếng Tày, Nùng nghĩa là “ruộng khô”). |
| 15 | **Nà Cáp** | Phường Sông Hiến, | Tên gọi dân gian quen thuộc khu dân cư thuộc phường Sông Hiến. |
| 16 | **Nà Hoàng** | Phường Hòa Chung | Tên gọi khu dân cư bên bờ sông Hiến thuộc phường Hòa Chung; kết nối từ đường liên tổ dân phố sang đường tránh quốc lộ 3 - 4. |
| 17 | **Nà Lủng** | Phường Duyệt Trung | Nà Lủng là địa danh khu mỏ sắt trước đây; sau khi khai thác xong, đã hoàn thổ, giao lại cho Nhân dân canh tác. (Nà Lủng tiếng Tày, Nùng nghĩa là ruộng trong thung lũng). |
| 18 | **Nà Thỏ** | Phường Duyệt Trung | Nà Thỏ là tên gọi khu dân cư bên đường Quốc lộ 4 (Đường Đông Khê), gần đến khu vực Nhà máy xi măng Cao Bằng; đây là khu đất tái định cư. |
| 19 | **Nước Giáp** | Phường Duyệt Trung | Tên gọi khu dân cư thuộc ngã ba sông, nơi hợp lưu sông Hiến và sông Bằng, từ cầu treo bắc qua phường Ngọc Xuân đến bờ sông Hiến; nơi có Sân vận động tỉnh - di tích lịch sử cách mạng (Tại đây, ngày 21/02/1961, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói chuyện với cán bộ, chiến sĩ và đồng bào Nhân dân các dân tộc Cao Bằng). |
| 20 | **Pháo đài** | Phường Tân Giang | Pháo đài quân sự được Quân đội viễn chinh Pháp xây dựng. Năm 1950, ngay sau khi Cao Bằng giải phóng (03/10), Bác Hồ cùng với chỉ huy Mặt trận và lãnh đạo tỉnh quan sát toàn cảnh thị xã Cao Bằng, trực tiếp chỉ đạo công tác tiếp quản, đảm bảo an ninh - trật tự (Pháo đài quân sự tỉnh trực thuộc Bộ Chỉ quân sự tỉnh Cao Bằng quản lý, được công nhận là di tích lịch sử cấp tỉnh). |
| 21 | **Phố Thầu** | Phường Hợp Giang | Tên gọi tuyến phố bên bờ sông Bằng, khu dân cư sầm uất bậc nhất Trấn Cao Bằng xưa và thành phố hôm nay; Trung tâm Thương mại - Dịch vụ đô thị hiện tại và tương lai của Thành phố. |
| 22 | **Sloóc Nàm** | Xã Hưng Đạo | Sloóc Nàm là tên gọi cây cầu treo bắc qua dòng sông Mãng kết nối khu dân cư Nam Phong với xóm Đà Quận trên địa bàn xã Hưng Đạo; đây là tên gọi dân gian quen thộc. |
| 23 | **Sông Mãng** | Phường Đề Thám | Sông Mãng, một tên gọi xưa của sông Bằng Giang, đây là cách gọi dân gian quen thuộc của người dân về khúc sông Bằng chảy từ xã Hoàng Tung (huyện Hòa An) qua xã Hưng Đạo đến phường Đề Thám (Thành phố Cao Bằng). |
| 24 | **Suối Củn** | Phường Sông Bằng | **Tên gọi dân gian quen thuộc về dòng suối (xưa gọi là Sông Củn hoặc sông Cổn), bắt nguồn từ địa phận xã Ngũ Lão, huyện Hòa An (tương truyền có mạch ngầm từ Hồ Thăng Hen, thuộc Trà Lĩnh, huyện Trùng Khánh), một trong những hợp lưu của sông Bằng.** |
| 25 | **Tam Giang** | Thành phố Cao Bằng | Theo sách *Đại Nam nhất thống chí*, địa thế Cao Bằng có ghi: “Phía Bắc có sông Mãng, phía Đông có sông Hiến, phía Tây có sông Củn, tục gọi là tam giang, ba mặt lượn quanh ôm lại, như hình đai bạc”.  *(Nguồn: Đại Nam nhất thống chí, tập IV. Nxb KHXH, Hà Nội, năm 1971)* |
| 26 | **Tam Trung** | Phường Sông Bằng | Tam Trung là tên gọi trước đây của khu dân cư phường Sông Bằng.  Theo Cao Bằng thực lục: Năm Minh Mệnh thứ 14, thổ ty Bế Văn Cận (người Bái Khê) theo Nông Văn Vân ở Châu Bảo Lạc kết đảng bao vây tỉnh thành. Bố chánh Bùi Tăng Huy, án sát sứ Phạm Đình Trạc làm kế ứng phó, Lãnh binh là Phạm Văn Lưu dựa vào thế hiểm yếu lùi giữ kho thành, lương cạn, lực kiệt, tiếp tế của triều đình không đến kịp nên đã bị Nông Văn Vân chiếm thành. Khi thành bị phá, ba vị quan coi giữ thành đã tự vẫn để giữ khí tiết, tỏ lòng trung thành với vua Minh Mệnh. Sau này nhà Nguyễn cho xây dựng đền thờ ba vị trung thần ở Cao Bằng, gọi là Tam Trung từ (đền Tam Trung).  *Nguồn: Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên, Đại Việt Sử Ký Toàn Thư,*  *soạn thảo (1272-1697), Viện Khoa Học Xã Hội Việt Nam dịch (1985-1992).* |
| 27 | **Tân An** | Phường Hòa Chung | Tên gọi khu dân cư bắt đầu từ ngã tư Công an tỉnh đến cột mốc số 0 Tỉnh lộ 209; nơi có Đoàn địa chất 105 xưa của tỉnh Cao Bằng. |
| 28 | **Thanh Sơn** | Phường Sông Hiến | Thanh Sơn tên gọi của khu dân cư xưa bên bờ sông Hiến; nơi có đơn vị nghĩa trang liệt sĩ thị xã Cao Bằng (nay là thành phố), trường học và Trụ sở của Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy thuộc Công an Tỉnh. |
| 29 | **Vườn Cam** | Phường Hợp Giang | Phố Vườn Cam là một trong những tuyến phố sầm uất của Cao Bằng xưa và thành phố Cao Bằng ngày nay. Trước đây, trong giai đoạn 1930, phố Vườn Cam là trạm liên lạc giữa Trung ủy với Xứ ủy và Trung ương.  *(Nguồn: Lịch sử Đảng bộ thị xã Cao Bằng Tập 1 (1930-1975), năm 1995)* |
| **(2)** | **Bảo Lạc** | |  |
| 1 | **Khau Cốc Chà** | Xã Xuân Trường | Đèo Khau Cốc Chà (dốc 15 tầng) - con đèo nằm trên địa phận xã Xuân Trường (Bảo Lạc), cách thị trấn Bảo Lạc 18 km theo Quốc lộ 4A. Đây là một trong những cung đường đèo quanh co, khúc khuỷu nhất khu vực Đông Bắc Bộ. Con đèo dài 2,5 km, gồm 15 tầng dốc quanh co với những khúc cua gấp, hạ độ cao nhanh, hai bên là núi cao trùng điệp. Khau Cốc Chà gần đây trở thành điểm hấp dẫn những du khách yêu thích du lịch mạo hiểm.  Con đường đèo 15 tầng như dải lụa khổng lồ uốn quanh vách núi, Cao hơn nữa là những dải mây trắng bồng bềnh sáng lấp lánh giữa trời xanh. Cảnh tượng nơi đây vừa hùng vĩ mà lại hoang sơ, hứa hẹn sẽ là điểm đến hấp dẫn trong tương lai.  *(Nguồn: Báo Cao Bằng điện tử - baocaobang.vn)* |
| 2 | **Phja Dạ** | Xã Sơn Lập | Phja Dạ(Sơn Lập): Núi Phja Dạ hùng vỹ có độ cao 1.976,7m so với mực nước biển, thuộc xã Sơn Lập (Bảo Lạc). Quanh năm mây mù bao phủ, mùa đông mây trắng như những dải lụa mềm từng lớp chồng xếp bao phủ núi. Mùa hạ mưa nhiều, đỉnh núi như thác nước khổng lồ từ trên trời tuôn xuống. Mùa thu ít mây, nắng chiếu tỏa sảng lên ngọn núi Phja Dạ như tháp lửa khổng lồ vút lên trời. Dưới chân núi Phja Dạ là đầu nguồn sông Năng, nơi đồng bào Mông, Dao sinh sống, canh tác ruộng bậc thang trên đá tạo nên những dải lụa vàng uốn lượn trên lưng núi.  *(Nguồn: Báo Cao Bằng điện tử - baocaobang.vn)* |
| 3 | **Sông Gâm** | Thị trấn Bảo Lạc | Sông Gâm là dòng sông lớn nhất huyện Bảo Lạc, bắt nguồn từ vùng núi cao gần 2.000 m thuộc địa phận Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc). Lòng sông Gâm rộng và sâu, độ dốc lớn, tốc độ dòng chảy và lưu lượng nước lớn. Chính hệ thống sông, suối nhiều nên Bảo Lạc có giá trị tiềm năng về thủy điện, thủy lợi. Sông Gâm có nhiều loài cá ngon và quý hiếm mà nhân dân thường gọi “ngũ quý hà thủy”, gồm: cá anh vũ (cá mõm lợn), cá lăng, cá bống, cá dầm xanh; đặc biệt là cá chiên - loài cá nằm trong Sách đỏ. Theo các cụ cao niên kể lại, cá chiên là loài hung dữ, thường sống ở vùng nước chảy xiết, đằm mình trong những hang ngầm dưới đáy các khúc sông lớn.  (*Nguồn: Lịch sử Đảng bộ huyện Bảo Lạc 1930 - 2005. Nxb Lao động, năm 2010)* |
| 4 | **Sông Neo** | Thị trấn Bảo Lạc | Sông Neo bắt nguồn từ vùng núi Phja Oắc chảy theo hướng Đông Bắc qua xã Đình Phùng, xã Huy Giáp, chảy xuống Nà Tồng - xã Hưng Đạo về xã Hồng Trị rồi đổ vào sông Gâm tại Thị trấn huyện Bảo Lạc. Lòng sông Neo rộng trung bình 30 mét, độ sâu trung bình 1,5 mét, lưu lượng nước và dòng chảy không ổn định.  *(Nguồn: Lịch sử Đảng bộ huyện Bảo Lạc 1930-2005. Nxb Lao động, năm 2010)* |
| **(3)** | **Hạ Lang** | |  |
| 1 | **Bá Co Ró** | Xã Đồng Loan | Đèo Bá Co Ró: Là một điểm cao trên đường 207, ranh giới giữa Bản Xà và Khau Rạ (xã Đồng Loan), cách Bản Xà 2km. Thời kỳ Việt Minh, đây là một chốt gác quan trọng bảo vệ các cơ sở Việt Minh trên địa bàn xã, bảo vệ tầm xa “căn cứ” Việt minh ở Bản Bắng. *(Nguồn: Địa chí các xã tỉnh Cao Bằng, quyển III. Nxb Chính trịQuốc gia, năm 2009)* |
| 2 | **Khau Ruông** | Xã Quang Long,  xã Việt Chu | Đèo Khau Ruông: Những năm 1930-1945 là con đường mòn, thoai thoải lên dốc, từ xóm Nà Mần đến đỉnh đèo Khau Ruông, xuống dần gặp xóm Bản Khau, là ranh giới giữa xã Quang Long và xã Việt Chu. Trong thời kỳ thực dân Pháp cai trị, cán bộ ta thường luồn sâu dưới những lùm cây xanh um tùm, rậm rạp, qua lại hoạt động cách mạng. Đèo Khau Ruông cũng là nơi kẻ địch thường phục kích để giết hại cán bộ cách mạng. Trong chuyến đi công tác của ông Nông Thạch Lâm, cán bộ chỉ huy quân sự huyện Hạ Lang và các ông Nông Văn Điềm (tức Lý Quốc), Lục Văn Lá (tức Lục Sỹ Hòa) xóm Bó Mực xã Quang Long, Lâm Điền Hinh, xóm Lũng Luông, địch đã phục kích chặn đường, bắn chết ông Lục Sỹ Hòa. Cũng tại Khau Ruông, địch phục kích bắn chết ông Nông Văn Điềm (tức Lý Quốc). Sau hòa bình lập lại năm 1954, Nhân dân và nhà nước mới mở rộng con đường này, đi lại được dễ dàng hơn. *(Nguồn: Địa chí các xã tỉnh Cao Bằng, quyển III. Nxb Chính trị Quốc gia, năm 2009)* |
| 3 | **Kéo Nộc** | Xã Đức Quang | Đèo Kéo Nộc thuộc xã Đức Quang, huyện Hạ Lang. Từ xưa, Nhân dân Đức Quang đã xây lấp cửa này bằng một bức tường đá hộc vững chắc, chỉ để cửa đủ cho người va gia súc qua lại và đặt ở đây một trạm gác để ngăn chặn bọn phỉ đến cướp bóc  *(Nguồn: Địa chí các xã tỉnh Cao Bằng, quyển III. Nxb Chính trịQuốc gia, năm 2009)* |
| 4 | **Phja Vẹn** | Xã Thái Đức | Hang Phja Vẹn, thuộc làng Bản Đâu, xã Thái Đức, huyện Hạ Lang là nơi tổ chức học võ, luyện tập quân sự cho các thanh niên bảo vệ xóm làng. Nơi đây đã từng đón các cán bộ cách mạng về hoạt động trong xã nhà.  Thời chưa có Đảng lãnh đạo, chỉ có hai người dân ở làng Lũng Nưa, cùng với hai khẩu súng tại hang này đã kiên cường chống lại 50 tên phỉ Sắn Sình.  *(Nguồn: Địa chí các xã tỉnh Cao Bằng, quyển III. Nxb Chính trịQuốc gia, năm 2009)* |
| 5 | **Ngườm Bang** | Xã Đồng Loan,  xã Lý Quốc | Ngườm Bang thuộc Bản Thuộc, tiếp giáp giữa xã Đồng Loan và xã Lý Quốc (huyện Hạ Lang) trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, ở vùng Bằng Ca đã hình thành khu căn cứ cách mạng xã Thắng Lợi để chống Phỉ. Ngườm Bang là một trong số 3 chốt canh giữ đối phó chống quân Phỉ. Chốt Ngườm Bang do đồng chí Hoàng Văn Lùng (tức Khánh Long) chỉ huy.  *(Nguồn:* Lịch sử Đảng bộ huyện Hạ Lang 1930 - 2000. Nxb Mỹ Thuật, năm 2003) |
| 6 | **Phò Sèn,** | Thị trấn Thanh Nhật | Là hai đồi dựng đứng cách nhau chừng 400m, án ngữ về phía Tây, giáp các xóm Ngườm Khang, Đỏng Hoan, Lũng Đốn (thị trấn Thanh Nhật); phía Nam giáp con đường mòn (Ba Rịn) đi lại của Nhân dân các xóm Xa Tao, Nà Tháy, Bản Ngay; phía Đông dưới chân đồi có xóm Xa Tao. Năm 1946, hai đồi đều có dựng chốt, lực lượng dân quân du kích ta hằng ngày thay phiên nhau canh gác để theo dõi và báo động những tình huống địch hoạt động trên không hoặc mặt đất phá hoại ta, để cho Nhân dân quanh vùng an tâm sản xuất sinh sống.  *(Nguồn: Địa chí các xã tỉnh Cao Bằng, quyển III. Nxb Chính trịQuốc gia, năm 2009)* |
| 7 | **Xa Xê** |
| 8 | **Khau Mòn** | Xã An Lạc | Đèo cao thuộc xóm Khuổi Mịt, đèo nhiều tầng, dốc quanh co, dài khoảng 5km. Nơi đã ghi lại thành tích chiến đấu bảo vệ biên giới năm 1979.  *(Nguồn: Địa chí các xã tỉnh Cao Bằng quyển III. Nxb Chính trị quốc gia, năm 2009)* |
| 9 | **Pò Điếm** | Xã Đồng Loan | Pò Điếm là núi đất ở phía Tây Bắc bản Mjào, xã Đồng Loan, huyện Hạ Lang, có độ cao 500m so với mặt biển. Điểm cao này án ngữ trong phạm vi quan sát rất rộng. Trong kháng chiến chống Pháp, gọi là Pò Điếm vì nơi đây đã trở thành nơi canh gác, cảnh giới, quan sát máy bay địch và nhận báo tín hiệu bằng ánh lửa, tù và giữa Pò Điếm với Pha Ma Bản Thuộc.  *(Nguồn: Địa chí các xã tỉnh Cao Bằng, quyển III. Nxb Chính trịQuốc gia, năm 2009)* |
| 10 | **Phja Pjao** | Xã Lý Quốc | Phja Pjao (núi nhọn) là ngọn núi nằm ở phía Nam xóm bản Bang, xã Lý Quốc, huyện Hạ Lang, có độ cao 732m so với mực nước biển. Đường kính chân núi khoảng 1.000m. Sườn núi thoai thoải về phía Lũng Phjô, dốc đứng về phía bản Bang và Lũng Búa. Ngọn núi này có đỉnh cao nhọn nên có tên gọi là Phja Pjao (tiếng Tày “Phja là núi, “pjao” có nghĩa là “sắc” và “nhọn”). Đây là một trong những đỉnh núi cao nhất ở khu vực Bằng Ca, đã từng là điểm cảnh giới máy bay địch trong kháng chiến chống Pháp.  *(Nguồn: Địa chí các xã tỉnh Cao Bằng, quyển III. Nxb Chính trịQuốc gia, năm 2009)* |
| 11 | **Phja Roan** | Xã Đồng Loan | Phja Roan nằm ở phía Nam sau xóm bản Lung, xã Đồng Loan, huyện Hạ Lang, cao 500m so với mặt biển. Bốn mặt đều là vách đá dựng đứng khó leo lên được. Núi này gắn liền với truyền thuyết *nàng tiên* và nàng *Tô Thị Hoạn*, là một danh lam thắng cảnh đẹp có tiếng ở địa phương.  *(Nguồn: Địa chí các xã tỉnh Cao Bằng, quyển III. Nxb Chính trịQuốc gia, năm 2009)* |
| **(4)** | **Hòa An** | |  |
| 1 | **Na Lữ** | Xã Hoàng Tung | Theo *Cao Bằng thực lục* của Bế Hựu Cung trong cuốn Cao Bằng thực lục, thành Na Lữ và thành Phục Hòa mở đầu từ đời Đường Ý Tông năm Giáp Thân, niên hiệu Hàm Thông thứ 5 (864). Năm Bính Tuất niên hiệu Hàm Thông thứ 7 (866), nhà Đường ban cho Cao Biền chức Tĩnh Hải quân tiết trấn, kiêm chư đạo hành doanh Chiêu thảo sứ. Tháng 11 cho xây thành Đại La (Hà Nội), sau đó lệnh cho xây hai thành Na Lữ và thành Phục Hòa.  Thành Na Lữ được xây qua nhiều triều đại khác nhau. Thế kỷ XVI - XVII, để đề phòng quân nhà Lê tiến đánh, nhà Mạc ở Cao Bằng đã tu bổ và sửa chữa thành Na Lữ thành một trung tâm chính trị và quân sự của vùng này. Thành Na Lữ có hình chữ nhật, chiều dài 800m; chiều rộng 600m và tương truyền có 4 cửa (cửa Đông, Tây, Nam, Bắc). Trong thành có 4 gò đất được gọi theo tên bốn con vật là: Long, Ly, Quy, Phượng. Ở giữa thành trước mặt cung điện có ao sen và ruộng bàn cờ….Thành được xây bằng loại gạch vồ, chân thành có chiều rộng 6m, được bao quanh bằng các tảng đá to, phẳng. Thành cao 5m, cổng thành được làm bằng gỗ nghiến to, dày và rất chắc chắn. Trong khoảng 80 năm, nhà Mạc đã cho tu sửa, xây thành cao lên, có cổng thành kiên cố để phòng thủ, đề phòng sự tấn công của chính quyền Lê - Trịnh. Vì vậy, thành Na Lữ thường được gọi là thành nhà Mạc, đến nay thành Na Lữ chỉ còn lại dấu tích. Vị trí thành Na Lữ ngày nay thuộc xã Hoàng Tung, huyện Hòa An.  *(Nguồn: Lịch sử tỉnh Cao Bằng. Nxb Chính trị quốc gia,năm 2009)* |
| 2 | **Pú Luông- Giả Cải** | Thị trấn Nước Hai | Trong truyền thuyết nổi tiếng Báo Luông - Slao Cải của đồng bàoTày,hai nhân vật trong truyền thuyết được suy tôn là ông tổ của người Tày cổ Cao Bằng; là thủy tổ gây dựng nền nông nghiệp ở Cao Bằng là Pú Luông, Giả Cải (khi trẻ họ là Báo Luông, Slao Cải lúc cao tuổi họ được tôn là Pú Luông, Giả Cải). Truyền thuyết giải thích về nguồn gốc con người và các hiện tượng thiên nhiên, xã hội. Đây cũng là sự tích về sự ra đời của nghề nông trên đất Cao Bằng. Sau khi ông bà mất, các con lập đền thờ trên gò đất bên suối giữa cánh đồng Bản Vạn. Hiện nay ngôi đền thờ Pú Luông - Giả Cải vẫn còn, thuộc xóm Bản Vạn, Bế Triều, Thị trấn Nước Hai. |
| **(5)** | **Nguyên Bình** | |  |
| 1 | **KOLIA** | Xã Thành Công | Tên của kỹ sư người Pháp thiết kế con đường đèo Kolia, thời Thực dân Pháp mở con đường phục vụ khai thác khoáng sản (đèo nằm ở độ cao 1.300m so với mực nước biển). |
| 2 | **Phja Oắc - Phja Đén** | Xã Thành Công | Tên gọi quen thuộc của Nhân dân, dân gian giải thích rằng: Phja Oắc mang tên gọi của cây gỗ quý mạy Oắc (gỗ Ngọc Am) với độ cao 1.931 m; Phja Đén với độ cao 1428m; ngọn núi phát sáng như ngọn đèn, có 2 luồng ý kiến giải thích, đó là do trước đây khi thực dân Pháp tiến hành khai thác khoáng sản tại khu vực Nguyên Bình, đã cho xây dựng nhà máy thuỷ điện và thắp sáng hàng đêm ở khu vực núi đèo. Hay còn cách lý giải khác là khu rừng, rừng núi nhiệt độ ẩm cao nên có nhiều lân tỉnh phát sáng vào ban đêm.  *(Nguồn: Lịch sử tỉnh Cao Bằng. Nxb Chính trị quốc gia,năm 2009)* |
| 3 | **Tà Sa** | Xã Vũ Minh | Thực dân Pháp đã xây dựng nhà máy thuỷ điện Tà Sa trên con sông De từ năm 1918, cung cấp điện cho Mỏ Thiếc Tĩnh Túc để khai thác tài nguyên khoáng sản, sau chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 dưới sự giúp đỡ của Liên Xô, nhà máy thuỷ điện được khôi phục. Năm 1956 công trình được hoàn thành và cung cấp điện cho vùng xung quanh Tà Sa, Minh Tâm.  *(Nguồn: Địa chí Cao Bằng. Nxb chính trị quốc gia, năm 2000)* |
| 4 | **Tổng Ngần** | Xã Minh Tâm | Tổng Ngần thuộc xã Minh Tâm huyện Nguyên Bình, theo tiếng địa phương nghĩa là đống bạc. Đây là thành lập chi bộ Đảng châu Nguyên Bình (15/11/1935) - chi bộ gồm 4 đồng chí: Dương Mạc Thạch (Bí thư); Trương Nam Hiến; Ma Văn Phái; Đoạn Văn Tằng.  Di tích Tổng Ngần được xếp hạng di tích cấp tỉnh, năm 2009.  *(Nguồn: Lịch sử tỉnh Cao Bằng. Nxb Chính trị quốc gia, năm 2009; Lý lịch di tích - Bảo tàng tỉnh)* |
| **(6)** | **Quảng Hòa** | |  |
| 1 | **Bắc Vọng** | Thị trấn Tà Lùng | Bắc Vọng là tên con sông bắt nguồn tại Trung Quốc, chảy qua một số huyện phía Đông tỉnh Cao Bằng rồi tạo thành biên giới tự nhiên giữa Việt Nam-Trung Quốc trước khi hợp lưu với sông Bằng tại thị trấn Tà Lùng. |
| 2 | **Bó Tờ** | Thị trấn Hòa Thuận | Bó Tờ là một tên làng nghề đường phên đã được tỉnh công nhận năm 2019; là một điểm di sản nằm trong tuyến du lịch thứ 4 trong vùng Công viên địa chất Non nước Cao Bằng (đang xây dựng). |
| 3 | **Đoỏng Lèng** | Thị trấn Tà Lùng | Đoỏng Lèng là tên gọi xóm, khu dân cư biên giới từ lâu đời, được Nhân dân địa phương quen gọi và lưu truyền đến ngày nay. |
| 4 | **Hồng Đại** | Xã Bế Văn Đàn | Là tên đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Phục Hòa cũ, hiện nay xã Hồng Đại đã sáp nhập hành chính với xã Triệu Ẩu đổi tên thành xã Bế Văn Đàn. |
| 5 | **Hưng Long** | Thị trấn Tà Lùng | Hưng Long là tên gọi địa danh 1 xóm tại thị trấn Tà Lùng từ lâu đời. Là một xóm theo đạo Thiên chúa giáo |
| 6 | **Hữu Nghị** | Huyện Quảng Hoà | Hữu Nghị: Tính từ mang ý nghĩa chỉ mối quan hệ tình bạn, tình đoàn kết thân thiết giữa hai quốc gia: Quan hệ Hữu nghị. |
| 7 | **Lương Thiện** | Thị trấn Hòa Thuận | Là tên đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Phục Hòa cũ, hiện nay xã Lương Thiện đã sát nhập hành chính với xã thị trấn Hòa Thuận. |
| 8 | **Pò Tập** | Thị trấn Tà Lùng | Pò Tập là tên gọi xóm, khu dân cư biên giới từ lâu đời, được nhân dân địa phương quen gọi và lưu truyền đến ngày nay |
| 9 | **Phố Mới; Phố Cũ** | Huyện Quảng Hoà | Gọi theo tên tuyến mới và tuyến cũ |
| 10 | **Phục Hòa** | Thị trấn Hòa Thuận | Phố Phục Hòa (Háng Sléng, Háng réng) - là một khu phố cũ được hình thành từ cuối đời nhà Mạc (khoảng những năm 1927), Sléng hay Réng là một sảnh của cung đình, nhà Mạc đi đến đâu thì đặt chợ ở đó; đến nay mặc dù trải qua nhiều biến cố lịch sử nhưng Phố Phục Hòa vẫn là nơi trung tâm giao lưu buôn bán, trao đổi hàng hóa của nhân dân; mang đậm nét văn hóa đặc trưng của vùng biên giới. |
| 11 | **Tân Thịnh** | Thị trấn Tà Lùng | Tuyến đường trong khu tái định cư 47.1 được xây dựng, hoàn thành vào năm 2005. Sau khi tuyến đường hoàn thành, Nhân dân xóm Pò Tập, Phia khoang - Thị trấn Tà Lùng đã di cư đến xây dựng nhà cửa, sinh sống dọc 2 bên đường, tạo thành một khu phố nhỏ nhộn nhịp.Đặt tên đường phố Tân Thịnh có nghĩa là đường phố mới được hình thành, và đặt kỳ vọng trong tương lai khu phố sẽ phát triển thịnh vượng. |
| 12 | **Triệu Ẩu** | Xã Bế Văn Đàn | Là tên đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Phục Hòa cũ, hiện nay xã Triệu Ẩu sáp nhập hành chính với xã Hồng Đại đổi thành tên xã Bế Văn Đàn. |
| **(7)** | **Thạch An** | |  |
| 1 | **Cạm Phầy** | Thị trấn Đông Khê | Cạm Phầy là nơi thực dân Pháp xây dựng các đồn bốt, trong chiến dịch Biên giới 1950, tại trận đánh cứ điểm Đông Khê đây là nơi diễn ra các trận đánh cứ điểm ngoại vi của quân dân ta. |
| 2 | **Khau Khoang** | Xã Thái Cường | Tên gọi con đèo theo đặc điểm hình dáng của con đèo, đèo nằm trên quốc lộ 4 cũ, thuộc xã Thái Cường huyện Thạch An tỉnh Cao Bằng. |
| 3 | **Phja Khoá** | Thị trấn Đông Khê | Thuộc thị trấn Đông Khê, huyện Thạch An, đồng thời đây cũng là nơi thực dân Pháp xây dựng các đồn bốt, trong chiến dịch Biên giới 1950, tại trận đánh cứ điểm Đông Khê đây là nơi diễn ra các trận đánh cứ điểm ngoại vi của quân dân ta. |
| 4 | **Pò Đình** | Thị trấn Đông Khê |
| 5 | **Pò Hẩu** | Thị trấn Đông Khê |
| 6 | **Tu Hin** | Thị trấn Đông Khê | Theo tiếng địa phương nghĩa là cửa đá, tên gọi đường cũ từ Đông Khê vào xã Đức Long, gọi theo đặc điểm tự nhiên của địa điểm này. |
| **(8)** | **Trùng Khánh** | |  |
| 1 | **Cảnh Tiên** | Xã Đức Hồng | **Là tên đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Trùng Khánh, hiện nay xã Cảnh Tiên sáp nhập với xã Đức Hồng lấy tên xã Đức Hồng.** |
| 2 | **Co Sầu** | Thị trấn Trùng Khánh | Thị trấn Trùng Khánh được hình thành trước thế kỷ XVIII, từ xưa được gọi là phố Co Sầu, xã Lăng Hiếu, tổng Lăng Yên, Thượng Lang tỉnh Cao Bằng. Phố Co Sầu là đầu mối giao lưu giữa các xã trong huyện và các huyện Trà Lĩnh, Hạ Lang, Quảng Uyên (Quảng Hòa), thành phố Cao Bằng và tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc). Tương truyền xưa kia, đây là nơi hội tụ nhiều người ở các vùng, miền qua lại trao đổi hàng hóa, nơi hẹn hò của tình yêu đôi lứa, nên kinh tế phố Co Sầu phát triển. Chợ Co Sầu họp 5 ngày một lần, người đến chợ phải đi từ chiều hôm trước, họ chờ đợi, hẹn hò nhau, góp tiền mua thực phẩm “hắt co kin sầu" - nghĩa là góp cỗ ăn cơm chiều, rồi cùng nhau hát sli, lượn đối đáp… dần dần tạo thành thói quen nên phố nhỏ có tên “Co Sầu" .  *(Nguồn: Đài phát thanh và Truyền hình Cao Bằng)* |
| 3 | **Cô Mười** | Xã Quang Hán | Cô Mười trước đây thuộc xã Ngoại Trung của huyện Hà Quảng. Theo Quyết định số 127, ngày 05 tháng 04 năm 1965 của Bộ trưởng Bộ Nội Vụ, xã Ngoại Trung được chia thành 4 xã: Trong đó xã Cô Mười. Đến tháng 10-1981, xã Cô Mười được sáp nhập vào huyện Trà Lĩnh.  **Là tên đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Trà Lĩnh cũ, xã Cô Mười sáp nhập hành chính với xã Quang Hán lấy tên xã Quang Hán.**  *(Nguồn: Địa chí các xã tỉnh Cao Bằng, quyển II. Nxb chính trị quốc gia, năm 2008)* |
| 4 | **Đình Minh** | Thị trấn Trùng Khánh | **Là tên đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Trùng Khánh, hiện nay xã Đình Minh đã sát nhập với thị trấn Trùng Khánh** là một nhân vật hoạt động cách mạng và cũng là địa danh quen thuộc với quần chúng nhân dân.  Đình Minh là một nhân vật hoạt động cách mạng quê ở xóm Thang Lý - xã Đình Minh cũ. Từ năm 1938 - 1939. Đồng chí cùng đồng đội xây dựng được một số cơ sở quần chúng yêu nước, trên nền tảng những cơ sở cách mạng do đồng chí Đình Minh phụ trách nhóm Thang Lý. Tháng 9/1941 đồng chí tham gia hoạt động tuyên truyền cách mạng, gây cơ sở theo hướng Đông, trên tuyến đường Trùng Khánh - Bằng Ca. Đến tháng 10/1941 do yêu cầu cách mạng, nhằm củng cố tổ chức và hành động để nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng đồng chí đã được kết nạp vào Đảng cộng sản Việt Nam.  *(Nguồn: Lịch sử Đảng bộ huyện Trùng Khánh 1930 - 2005. Nxb Chính trị quốc gia, năm 2011)* |
| 5 | **Lăng Yên** | Xã Lăng Hiếu | Trước Cách mạng Tháng Tám 1945, địa phận xã Lăng Yên trước kia là xã Hảo Lệ, tổng Lăng Yên, châu Thượng Lang. Tháng 9/1945, hai xã Hảo Lệ và Hiếu Lễ nhập làm một gọi là xã Lăng Hiếu. Từ năm 1946-1947 đổi tên thành xã Trung Phúc. Trung Phúc là bí danh của đồng chí Triệu Trung Nhật, ông hy sinh khi đi tiễu phỉ (8/1945).  Từ năm 1949 đến tháng 9/1958 mang tên xã Lăng Hiếu. Từ tháng 10/1958 – 1981, xã Lăng Hiếu tách thành ba xã: Lăng Hiếu, Lăng Yên và thị trấn.  Năm 2020, xã Lăng Hiếu và Lăng Yên sáp nhập lại thành xã Lăng Hiếu.  *(Nguồn: Lịch sử Đảng bộ huyện Trùng Khánh (1930 - 2005. Nxb Chính trị quốc gia, năm 2011); Địa chí xã Lăng Yên)* |
| 6 | **Phja Khoang** | Thị trấn Trùng Khánh | Phja Khoang là tên gọi của khu dân cư Phja Khoang cũ, sau quá trình sáp nhập và đổi tên đã không còn tên gọi nữa. |
| 7 | **Phja Phủ** | Thị trấn Trùng Khánh | Núi Phja Phủ là ngọn núi hình bát úp giữa phố chợ Co Sầu, trong núi có hang sâu, rộng rãi, thoáng mát, bằng phẳng. Theo truyền thuyết thì đây là nơi các trai tráng trong vùng tụ họp, luyện võ để chống giặc “cờ vàng”. Núi Phja Phủ còn gắn liền với đền Quán Thánh - Năm 2014, di tích đã được xếp hạng là di tích lịch sử cấp tỉnh.  *(Nguồn : Lý lịch di tích Đền Quán Thánh - Bảo tàng tỉnh)* |
| 8 | **Trấn Biên** |  | Giữa năm 1942, thực dân Pháp tách tổng Trà Lĩnh ra khỏi phủ Trùng Khánh, lập thành Châu Trấn Biên gồm 4 tổng: Ngọc Quản, Tà Lệnh, An Ninh, và Bắc Lục.  Thực hiện Sắc lệnh số 148-SL ngày 25/3/1948 của Chính phủ Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về việc bãi bỏ các danh từ phủ, châu, quận; cấp trên xã và cấp dưới cấp tỉnh thống nhất gọi là cấp huyện. Châu Trấn Biên đổi tên thành huyện Trấn Biên, gồm 4 xã: Cao Chương, Quang Hán, Lưu Ngọc và Quang Trung. Năm 1958, huyện Trấn Biên được đổi tên thành huyện Trà Lĩnh.  *(Nguồn: Lịch sử Đảng bộ huyện Trà Lĩnh 1930-2015)* |
| 9 | **Ngọc Chung** | Xã Khâm Thành | **Là tên đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Trùng Khánh, hiện nay xã Ngọc Chung sáp với xã Khâm Thành lấy tên xã Khâm Thành.** |
| **II. Tên di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh có giá trị tiêu biểu của quốc gia hoặc địa phương và đã được xếp hạng theo quy định của Luật di sản văn hóa: 7 tên** | | | |
| **TT** | **Tên** | **Địa bàn** | **Tóm tắt nội dung, sự kiện, địa danh** |
| 1 | **Bản Giốc** | Xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh | Tên Bản Giốc đựơc gọi theo làng Bản Giốc, cái tên địa danh lịch sử đã có từ lâu đời. Thác nằm ở xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, là một trong những điểm tham quan du lịch chính của Cao Bằng, thác Bản Giốc được xếp hạng Danh thắng quốc gia, theo Quyết định 989/QĐ-BVHTTDL, ngày 20/05/1998 của Bộ VHTTDL.  Bản Giốc còn được mệnh danh là thác lớn và đẹp thứ tư thế giới trong số các thác nước ở biên giới giữa các quốc gia, nằm trong vùng Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng. Thác Bản Giốc gồm thác chính và thác phụ, rộng tổng cộng khoảng 300m. Thác chính nằm giữa biên giới Việt - Trung, rộng khoảng 50m, cao khoảng 35m và gồm ba tầng. Thác phụ, nằm hoàn toàn trong địa phận Việt Nam, dài150m gồm một tầng cao khoảng 30m. Phía trên thác là cảnh quan quan karst từ trưởng thành đến già với địa hình dạng cụm đỉnh - lũng kết hợp với địa hình dạng tháp độc lập trên bề mặt san bằng 400 - 600m. Phía dưới thác là thung lũng đứt gãy sông Quây Sơn phát triển theo hướng Tây Bắc - Đông Nam kéo dài hàng km với các vách đứt gãy và cánh đồng karst. Rừng dày cả phía trên và dưới thác, cùng với dòng nước sạch tung bọt trắng xóa quanh năm và các hoạt động sống của con người, chắc chắn sẽ cho du khách những trải nghiệm không thể nào quên.  *(Nguồn: Lý lịch di tích danh thắng Thác Bản Giốc - Bảo tàng tỉnh, caobanggeopark.com)* |
| 2 | **Phja Nọi** | Xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng | Ngày 20/6/1931, tại hang Phja Nọi, xóm Cốc Sâu, xã Sóc Giang (nay là xóm Sóc Giang xã Sóc Hà), Chi bộ Đảng cộng sản đầu tiên của Hà Quảng ra đời, gồm ba đồng chí: Hoàng Tô (Bí Thư); Đào Đức và Phúc Kiến. Đây là một sự kiện quan trọng trong phong trào đấu tranh các mạng của đồng bào các dân tộc Hà Quảng. Ngay sau khi ra đời, Chi bộ Đảng đã đặc biệt coi trọng xây dựng và phát triển các cơ sở cách mạng, từng bước giáo dục, vận động, tổ chức quần chúng đấu tranh.  Tháng 5/1935, cũng tại hang Phja Nọi đã thành lập Ban Châu ủy Hà Quảng gồm năm đồng chí: Hoàng Tô (Bí Thư); Đào Đức và Phúc Kiến, Lê Quảng Ba, Quý Quân.  Năm 2004, di tích hang Phja Nọi được xếp hạng là di tích cấp tỉnh.  *(Nguồn: Lịch sử Đảng bộ huyện Hà Quảng. Nxb Chính trị quốc gia, năm 2010).* |
| 3 | **Đông Bó Lình** | **Xã Chí Thảo, huyện Quảng Hòa** | Chi bộ Đảng cộng sản đầu tiên của liên Châu Quảng Uyên - Phục Hòa (chi bộ Đảng cộng sản đầu tiên ở miền Đông tỉnh Cao Bằng) được thành lập năm 3/1932 tại Đông Bó Lình, xóm Cốc Coóc, xã Chí Thảo do đồng chí Ma Trung Lâm làm Bí thư Chi bộ. Năm 2005, di tích Đông Bó Lình được xếp hạng là di tích cấp tỉnh.  *(Nguồn: Lý lịch di tích Đông Bó Lình - Bảo tàng tỉnh)* |
| 4 | **Ngườm Mạ** | Thị trấn Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh | Hang Ngườm Mạ là di tích lịch sử cách mạng có ý nghĩa quan trọng. Ngày 16/ 9/1939 tại Ngườm Mạ, Bản Đà, xã Đình Minh đã diễn ra sự kiện thành lập Chi bộ Đảng cộng sản đầu tiên ở Trùng Khánh. Tại buổi lễ, đồng chí Nguyễn Thanh Cao tuyên bố kết nạp đảng viên Nguyễn Văn Mân (bí danh Chí Viễn), Nông Quốc Nghĩa (bí danh Ái Quốc, về sau đổi thành Minh Tâm) chuyển đảng viên dự bị Hoàng Thị Đáo thành đảng viên chính thức. Ngườm Mạ là nơi thành lập Chi bộ Đảng đầu tiên của huyện Trùng Khánh. Năm 2008, Hang Ngườm Mạ được xếp hạng là di tích cấp tỉnh.  *(Nguồn: Lịch sử Đảng bộ huyện Trùng Khánh (1930 – 2005.Nxb Chính trị quốc gia, năm 2011)* |
| 5 | **Thăng Hen** | Xã Quốc Toản, huyện Quảng Hòa | Hồ Thăng Hen thuộc xã Quốc Toản, huyện Trà Lĩnh (nay là xã Quốc Toản, huyện Quảng Hòa) là một trong những điểm du lịch sinh thái nổi bật, hấp dẫn của tỉnh. Hồ Thăng Hen được xếp hạng Danh thắng Quốc gia, theo Quyết định số 53/QĐ-BVHTT, ngày 28/12/2001 của Bộ Văn hóa Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).  Hồ Thăng Hen nằm trong vùng Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng, là một quần thể gồm 36 hồ nước ngọt tự nhiên với những tên gọi độc đáo như: Thăng Vạt, Nà Ma, Thăng Loỏng, Thăng Hoi… có bờ ngăn riêng nhưng đều thông nhau qua hang động ngầm trong lòng núi đá, khoảng cách giữa các hồ từ vài chục đến vài trăm mét. Đến với Hồ Thăng Hen là đến với quần thể hồ - sông - hang, với nhiều phong cảnh đẹp và kỳ bí thu hút du khách đến tham quan.  *(Nguồn: Lý lịch di tích Hồ Thăng Hen - Bảo tàng tỉnh; Báo Cao Bằng điện tử - baocaobang.vn)* |
| 6 | **Trông Nhìa Hậu** | Xã Hồng An, huyện  Bảo Lạc | Ngày 15/4/1945 tại hang Trông Nhìa Hậu, xóm Lũng Sâu, nay thuộc xã Hồng An, huyện Bảo Lạc. Địa diểm hang có vị trí chiến lược quan trọng cho việc lãnh dạo chỉ đạo cánh mạng tại địa phương. Tổ chức cộng sản đầu tiên ở châu Bảo Lạc ra đời, đánh dấu thời kỳ phát triển mới của phong trào cách mạng tại địa phương. Chi bộ gồm 03 đảng viên: Nông Thị Triểu (tức Tương Nhân), Lê Long, Đỗ Quang Soan (tức Đỗ Quang Thắng). Do đ/c: Nông Thị Triểu làm Bí thư. Di tích được được xếp hạng Di tích lịch sử cấp tỉnh, Theo quyết định số 428/QĐ-UBND, ngày 25/3/2010 của UBND tỉnh Cao Bằng.  *(Nguồn: Lịch sử Đảng bộ huyện Bảo Lạc 1930 - 2005. Nxb Lao động 2010)* |
| 7 | **Vân An** | Thị trấn Bảo Lạc, huyện Bảo Lạc | Chùa Vân An được dựng trên một quả đồi cao, cạnh Quốc lộ 34, thuộc thị trấn Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng. Chùa có kiến trúc "Nội công ngoại quốc". Trải qua thời gian và biến cố lịch sử, hiện tại chùa chỉ còn lại hai gian: Tiền đường và hậu cung. Các cột cái trong gian tiền đường được xây bằng gạch thời Nguyễn, hiện nay chùa chỉ còn lại 9 câu đối sơn son thiếp vàng ở gian tiền đường, hệ thống vì kèo, cột và các tảng đá kê chân cột được chạm khắc hoa văn trang trí.  Chùa Vân An có vị trí cảnh quan đẹp, với chức năng thờ Phật, chứa đựng nhiều giá trị tinh thần quý giá. Với những giá trị về lịch sử, văn hóa, Chùa Vân An được xếp hạng Di tích cấp tỉnh năm 2006.  *(Nguồn: Lý lịch di tích Chùa Vân An, Bảo tàng tỉnh)* |
| **III. Tên phong trào cách mạng, sự kiện lịch sử, chiến thắng chống xâm lược có giá trị tiêu biểu của quốc gia hoặc địa phương: 15 tên** | | | |
| **TT** | **Tên** | **Tóm tắt nội dung, sự kiện, địa danh** | |
| 1 | **Nặm Lìn** | Tên một khe suối nhỏ tại xóm Hào Lịch, xã Hoàng Tung, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng (Nặm Lìn - nghĩa tiếng Tày là khe nước).  Thực hiện chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam, đầu năm 1930, Chi bộ Hải ngoại Long Châu cử đồng chí Hoàng Văn Nọn (Hoàng Như) về Cao Bằng hoạt động để chuẩn bị tiến tới thành lập tổ chức Đảng ở Cao Bằng. Sau một thời gian tiếp tục tuyên truyền rèn luyện, qua kiểm tra phong trào và thử thách cán bộ, ngày 01/4/1930, tại khe suối Nặm Lìn, xã Hoàng Tung, đồng chí Hoàng Văn Nọn thay mặt Chi bộ Long Châu, kết nạp hai đồng chí Lê Đoàn Chu, Nông Văn Đô vào Đảng, tuyên bố thành lập Chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của Cao Bằng (do đồng chí Hoàng Văn Nọn làm Bí thư). Chi bộ đảm nhiệm chức năng như một Tỉnh ủy lâm thời, lãnh đạo phong trào cách mạng toàn tỉnh. Sự ra đời của Chi bộ Đảng ở Cao Bằng đã đánh dấu bước ngoặt quan trọng trên con đường đấu tranh giải phóng.  Từ đây, phong trào đấu tranh giải phóng quê hương, đất nước, giành độc lập dân tộc, Nhân dân các dân tộc Cao Bằng nói riêng và Nhân dân cả nước nói chung được đặt dưới ngọn cờ vinh quang của Đảng Cộng sản Việt Nam, đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Chi bộ đã đề ra 2 nhiệm vụ hàng đầu là: Tích cực phát triển cơ sở Đảng, đặc biệt là ở Mỏ thiếc Tĩnh Túc và thị xã; đẩy mạnh phong trào chống thuế, chống bắt phu ngày mùa, đi phu phải được cấp tiền, gạo. Sự kiện thành lập Chi bộ Nặm Lìn - Chi bộ Đảng cộng sản Việt Nam đầu tiên ở Cao Bằng, đã tạo nền móng vững chắc cho phong trào cách mạng và sự phát triển thành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng sau này.  Năm 1995, di tích lịch sử Nặm Lìn được xếp hạng di tích cấp quốc gia.  *(Nguồn: Lịch sử Đảng bộ tỉnh Cao Bằng (1930 - 2020). Nxb Chính trị quốc gia sự thật, năm 2020)* | |
| 2 | **01 tháng 04** | Ngày 01 tháng 4, ngày thành lập Chi bộ Nặm Lìn (01/4/1930) - Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam đầu tiên ở Cao Bằng | |
| 3 | **Cờ Đỏ** | Tháng 7/1933, Ban lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương công nhận Ban Chấp hành Đảng bộ Cao Bằng do đồng chí Hoàng Như làm Bí thư; các ban Châu ủy lần lượt được thành lập ở Hòa An (1933), Hà Quảng (1935).  Để đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động quần chúng, Đảng bộ đã xuất bản tờ báo Cờ đỏ, cơ quan ngôn luận của Đảng bộ tỉnh (tiền thân của Báo Cao Bằng ngày nay) tại hang Tốc Rù, xã Hồng Việt, châu Hòa An…bí mật lưu truyền cả trong và ngoài tỉnh nên đã có tác dụng giúp Đảng bộ củng cố cả về mặt tổ chức lẫn tư tưởng. Đây là điều kiện để tiến tới việc thành lập các tổ chức cách mạng của quần chúng.  *(Nguồn: Lịch sử tỉnh Cao Bằng. Nxb Chính trị quốc gia, năm 2009)* | |
| 4 | **Cột mốc 108** | **Cột mốc 108, gắn với sự kiện lịch sử quan trọng đó là: Ngày 28/01/1941 - Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc vượt qua Cột mốc 108 trở về Tổ quốc sau 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước.**  **Cột mốc 108 là một trong 314 cột mốc biên giới Việt - Trung được thành lập theo Công ước hoạch định biên giới ký kết giữa Chính quyền Pháp ở Đông Dương và Triều đình Mãn Thanh (Trung Quốc) năm 1887 (Ký kết vào đời vua Đồng Khánh). Cột mốc 108 được tạc từ đá tự nhiên, một mặt được chế tác bằng tay tương đối phẳng để khắc chữ, mặt còn lại vẫn giữ nguyên phần đá tự nhiên. Mặt có khắc chữ hướng sang phía Việt Nam. Ở giữa có dòng chữ Pháp: Biên giới Trung Hoa, An Nam số 108.**  **Hai bên mép cột có 2 dòng chữ Trung Quốc:**  **Mép bên trái có dòng chữ: Đức nghiệp kha tây tự nhất bách linh bát (Sự nghiệp, công sức mở mang bờ cõi biên giới phía Tây số 108).**  **Mép bên phải có dòng chữ: Trung Quốc Quảng Tây giới (Biên giới Quảng Tây Trung Quốc).**  **Phía bên địa phận của Việt Nam là dãy núi Nỉu Vài, Lũng Vẩn xóm Pác Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Phía bên kia cột mốc thuộc địa phận xóm Mạnh Ma, trấn Thiện Bàn, thành phố Tĩnh Tây, Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc).**  **Năm 2001, hai nước Việt Nam và Trung Quốc phân giới cắm mốc lại. Bên cạnh cột mốc 108 là cột mốc mới mang số hiệu 675. Hiện nay, cột mốc 675 là cột mốc có giá trị về mặt pháp lý.**  ***(Nguồn: Lý lịch di tích Mốc 108,*** *BQL các di tích Quốc gia đặc biệt tỉnh Cao Bằng****)*** | |
| 5 | **Cốc Bó** | Hang Cốc Bó, là nơi Bác ở và làm việc sau khi trở về Tổ quốc. Hiện nay, trong hang vẫn còn nội dung dòng bút tích âm Hán Việt như sau: Nhất cửu tứ nhất niên, nhị nguyệt bát nhật (tức ngày 8/02/1941) - để đánh dấu ngày Bác chuyển vào hang ở.  Hang Cốc Bó theo tiếng địa phương nghĩa là: “Miệng nguồn hay Đầu nguồn” nằm ở ngay phía trên gần đầu nguồn suối (cách khoảng 100m) hang nằm ở lưng chừng núi, giáp liền với đỉnh núi là biên giới Việt - Trung, xung quanh cây cối um tùm. Đường lên hang phải leo lên một đoạn núi đá tai mèo lởm chởm đầy những lá han, cửa vào hang không rộng lắm nhưng đủ cho người đi vào không mấy khó khăn, cách cửa hang khoảng 10m là bếp sưởi ở phía bên phải; trong lòng hang trũng sâu, hẹp và ẩm ướt; đi tiếp vào khoảng 2m là là bộ phản kê để Bác nằm nghỉ và làm việc. Bộ phản gồm có 4 tấm ván dài ngắn khác nhau, được kê cách mặt đất khoảng 0,5m;  Trong hang có nhiều đá mấp mô, và trên nóc có một khoảng trống, ban ngày ánh sáng có thể lọt vào hang.Cách giường Bác nằm nghỉ khoảng 5m có một nhũ đá cao, giống hình người, Bác dùng dao khắc thêm và đặt tên là tượng Các Mác - để tưởng nhớ đến vị tiền bối cách mạng vô sản thế giới. Trong hang còn có một ngách nhỏ ở phía sau, nếu động có thể ẩn nấp khá an toàn.  ***(Nguồn: Lý lịch di tích hang Cốc Bó,*** *BQL các di tích Quốc gia đặc biệt tỉnh Cao Bằng****)*** | |
| 6 | **Khuổi Nặm** | Sau khi rời hang Cốc Bó, Chủ tịch Hồ Chí Minh ở hang Lũng Lạn một thời gian, vì hang trống trải, lạnh buốt, rắn rết nhiều nên Bác chuyển ở và làm việc tại khu vực Khuổi Nặm. Thời gian Chủ tịch Hồ Chí Minh ở đây khoảng từ tháng 3/1941 đến tháng 8/1942. Thời gian đầu Bác ở trong lán dựng ngay bên bờ suối Khuổi Nặm, cửa ngõ đi vào rừng sâu. Còn gọi là lán Khuổi Nặm I. Lán do đồng chí Lê Quảng Ba và đồng chí Dương Đại Lâm tổ chức anh em thanh niên địa phương làm. Lán làm bằng gỗ tạp dựa vào cây Mạy Mạ làm cột, mái lợp gianh. Sàn lát Vầu và vách thưng bằng lá Cáp Tao, xung quanh có nhiều cây Mạy Mạ và Mác Phầy (cây Dâu Da) che kín. Lán rộng khoảng 2 chiếc chiếu, vừa để ngủ, để làm việc, tiếp khách vừa là bếp nấu ăn. Đầu hồi có một cửa sổ vừa để lấy ánh sáng đồng thời để theo dõi, quan sát bên ngoài. Lán Khuổi Nặm có địa thế rất thuận lợi, nằm ngay cửa rừng nhưng lại được che kín nhìn bên ngoài vào không phát hiện được nhưng trong quan sát ra thì rất rõ, khi động có thể rút theo ngược suối qua khỏi mốc 109 sang Trung Quốc.  Tại lán Khuổi Nặm, Người chủ trì Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ VIII. Hội nghị có ý nghĩa lịch sử quyết định đến vận mệnh của nước ta. Tại Hội nghị, thay mặt Quốc tế cộng sản, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã phân tích tình hình thế giới và trong nước vạch cho mọi người thấy rõ triển vọng của cách mạng Việt Nam. Hội nghị đã xác định hai nhiệm vụ trọng tâm của toàn Đảng toàn dân lúc này là đánh đuổi Phát xít Nhật giải phóng dân tộc.  Hội nghị diễn ra từ ngày 10 - 19/5/1941. Tại Hội nghị đã quyết định các vấn đề lớn:  - Chính thức thành lập Việt Nam độc lập Đồng minh tức Mặt trận Việt Minh thay thế cho Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế và cử đồng chí Hoàng Quốc Việt phụ trách Tổng Bộ Việt Minh.  - Tiếp tục xác định và phát triển lực lượng vũ trang, bán vũ trang và tăng cường có các căn cứ địa du kích Bắc Sơn, Võ Nhai... Đồng thời xúc tiến chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa.  - Tịch thu ruộng đất của địa chủ phản động, Việt gian chia cho dân cày, triệt để giảm tô, giảm tức, chia lại ruộng đất công, tiến tới thực hiện người cày có ruộng.  - Bầu Ban chấp hành trung ương mới, cử đồng chí Trường Chinh làm Tổng Bí thư.  ***(Nguồn: Lý lịch di tích lán Khuổi Nặm,*** *BQL các di tích Quốc gia đặc biệt tỉnh Cao Bằng****)*** | |
| 7 | **Lam Sơn** | Lam Sơn, Hồng Việt, Hòa An - Khu di tích lịch sử gắn với thời kỳ tiền khởi nghĩa. Tên gọi Lam Sơn xuất hiện từ khi Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc chuyển từ Pác Bó về đây để thuận lợi trong việc xây dựng và phát triển phong trào Việt Minh, chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa Tháng Tám. Do đó, đây là nơi hội tụ của những người cộng sản trung kiên nhất, mác xít nhất, sẵn sàng xả thân để cùng toàn dân đứng lên đập tan gông xiềng của chủ nghĩa thực dân, đế quốc, mang lại độc lập cho dân tộc, cơm no, áo ấm cho Nhân dân. Tại đây, các cộng sự thân thiết của Người cho rằng, nơi này cũng có những nét đặc thù như Lam Sơn (Thanh Hoá), nơi tụ nghĩa của những người yêu nước, cùng bàn mưu, tính kế đánh đuổi quân Minh ra khỏi bờ cõi, mang lại thái bình cho sơn hà, xã tắc.  Vậy là, Lam Sơn vừa có ý nghĩa kế thừa và phát huy tinh thần quật cường của ông cha ta, vừa có tác dụng lôi cuốn, tập hợp các tầng lớp Nhân dân trong vùng đi theo Việt Minh làm cách mạng. Và nói đến căn cứ Lam Sơn là phải nói đến phong trào cách mạng của cả các xã: Hồng Việt, Hoàng Tung (Hoà An), Minh Tâm (Nguyên Bình). Hồng Việt là nơi để lại nhiều dấu ấn sâu đậm nhất về những năm tháng *nếm mật, nằm gai* của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và các cộng sự thân thiết của Người, như: Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Vũ Anh, Đặng Văn Cáp...  Nói đến Lam Sơn là phải nói tới xưởng đúc vũ khí Lê Tổ do cụ Đặng Văn Cáp phụ trách và công việc xuất bản Báo Việt Nam Độc Lập với những di tích cách mạng, như: Lũng Phầy, Lũng Chung, Nặm Giái, hang Lũng Sa, Ngườm Slưa.. Những tên đất, tên làng, tên núi ấy là địa chỉ đỏ, là niềm tự hào của lớp lớp cháu con Cao Bằng.  *(Nguồn: Lịch sử tỉnh Cao Bằng. Nxb Chính trị quốc gia, năm 2009)* | |
| 8 | **Việt Minh** | Tại Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ Tám ở Khuổi Nặm, Pác Bó (từ 10 - 19/5/1941). Căn cứ vào kết quả xây dựng thí điểm các hội cứu quốc ở Hà Quảng, Hoà An, Nguyên Bình, theo sáng kiến của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, Hội nghị Trung ương Đảng đã quyết định chính thức thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Mặt trận Việt Minh).  *(Nguồn: Đảng bộ tỉnh Cao Bằng; Lịch sử Đảng bộ huyện Hà Quảng. Nxb Chính trị Quốc gia, năm 2010)* | |
| 9 | **Rừng Trần Hưng Đạo** | Cụm di tích rừng Trần Hưng Đạo - nơi diễn ra sự kiện thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân ngày 22/12/1944 (tiền thân của Quân đội Nhân dân Việt Nam. Cụm di tích rừng Trần Hưng Đạo gồm 4 điểm di tích: Địa điểm thành lập Đội VNTTGPQ; Địa điểm Lán nghỉ và bếp ăn của Đội VNTTGPQ; Địa điểm mỏ nước phục vụ nước sinh hoạt đội VNTTGPQ; Đỉnh Slam Cao – Nơi đồng chí Võ Nguyên Giáp và Ban chỉ huy đội đặt trạm quan sát.  - Đồn Phai Khắt - nơi diễn ra trận đánh thắng đầu tiên của Đội ngày 25/12/1944.  - Đồn Nà Ngần - nơi diễn ra trận đánh thắng thứ hai của Đội ngày 26/12/1944.  - Hang Thẳm Khẩu, nơi tập trung quân của đội VNTTGPQ chiều ngày 24/12/1944, để chuẩn bị đánh đồn Phai Khắt - Nà Ngần.  - Di tích Vạ Phá - nơi Tổng bộ Việt Minh tỉnh Cao Bằng mở lớp huấn luyện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho tỉnh tháng 02/1944 do đồng chí Võ Nguyên Giáp và đồng chí Lê Thiết Hùng phụ trách.  Khu rừng Trần Hưng Đạo thuộc núi Dền Sinh, dãy Khâu Giáng, nơi có địa thế hiểm trở, có nhiều cây cổ thụ và đỉnh Slam Cao - cao nhất trong các dãy núi xung quanh. Khu di tích lịch sử RừngTrần Hưng Đạo được phân bố trên địa bàn 02 xã: Tam Kim và Hoa Thám, huyện Nguyên Bình. Khu di tích bao gồm 5 di tích đã được xếp hạng:  Với những giá trị đặc biệt của Khu di tích, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định xếp hạng Di tích lịch sử Rừng Trần Hưng Đạo (huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng) là di tích quốc gia đặc biệt (Quyết định số 2383/QĐ-TTg ngày 09/12/2013).  *(Nguồn: Đội Việt Nam Tuyên Truyền Giải Phóng Quân. Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội-2004; Lý lịch di tích Khu di tích lịch sử Rừng Trần Hưng Đạo, Bảo tàng tỉnh; Cục Di sản văn hóa - dsvh.gov)* | |
| 10 | **Phai Khắt, Nà Ngần** | **Đồn Phai Khắt (xã Tam Kim, huyện Nguyên Bình):** Nằm ngay sát tỉnh lộ 202, giữa trung tâm làng Phai Khắt. Đây là nơi diễn ra trận đầu ra quân của đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân (25/12/1944). Đồn này vốn là nhà của đồng chí Nông Văn Lạc, xây dựng năm 1940, với diện tích 210m2, gồm 4 gian, tường xây gạch, sàn làm bằng gỗ nghiến. Từ đây, có ba đường đi các ngả: về phía Nam đi Ngân Sơn, về phía Đông Bắc đi Nà Ngần và một con đường độc đạo ra châu lỵ Nguyên Bình. Vì vậy, đầu năm 1944, địch đã chiếm ngôi nhà này để làm đồn. Hiện nay, Đồn Phai Khắt đã được tu bổ và được sử dụng làm nhà trưng bày bổ sung của khu di tích. Tại đây, có trưng bày hình ảnh, hiện vật tái hiện buổi Lễ thành lập, những hoạt động của Đội và tình cảm chân thành, gắn bó, giúp đỡ về vật chất cũng như tinh thần của Nhân dân các dân tộc địa phương với cán bộ, chiến sĩ Đội ngày ấy. Bốn phía Đồn có hàng rào bảo vệ; phía trong, hai bên khuôn viên trồng cây cảnh và một số cây ăn quả khác; phía sau, dựng mô phỏng trạm gác bảo vệ Đồn.  **Đồn Nà Ngần (xã Hoa Thám, huyện Nguyên Bình):** là nơi ghi dấu trận đánh thứ 2 giành thắng lợi của Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân (26/12/1944). Đồn Nà Ngần vốn là nhà của ông Nông Văn Pảo (tức phó lý Pảo), nằm trên một đồi cao, địa thế hiểm trở, thuộc địa phận xóm Nà Ngần, xã Hoa Thám, huyện Nguyên Bình, vì thế địch biến thành một đồn lính. Đây là ngôi nhà sàn 3 gian, 2 chái lợp ngói máng kiên cố nhất trong bản, có hàng rào kín mấy lớp xung quanh. Sau khi ta chiếm đồn, vài tháng sau ông Phó lý Pảo đã chuyển hẳn ngôi nhà này sang một quả đồi khác. Hiện nay ngôi nhà cũ không còn, tại địa điểm này, đã được xây dựng một nhà bia ghi dấu chiến công oanh liệt của Đội.  Chiến thắng Phai Khắt - Nà Ngần là chiến thắng đầu tiên của Đội dưới sự tổ chức chỉ đạo của Đảng, đánh dấu bước trưởng thành của lực lượng vũ trang, làm tiền đề cho các trận đánh sau này; mở màn cho truyền thống đánh là chắc thắng, thắng ngay từ trận đầu của Quân đội nhân dân Việt Nam.  *(Nguồn: Lý lịch di tích Khu di tích lịch sử Rừng Trần Hưng Đạo, Bảo tàng tỉnh)* | |
| 11 | **Đồng Mu** | Đồn Đồng Mu thuộc thôn Pù, xã Đồng Mu, huyện Bảo Lạc. Cuối năm 1940 đầu 1941, trước sự phát triển của phong trào cách mạng ở Cao Bằng nói chung và Bảo Lạc nói riêng, thực dân Pháp đã cho xây dựng đồn để tăng cường tuần tiễu, bắt bớ cán bộ cách mạng, kiểm soát gắt gao hơn nhân dân ở khu vực này.Nơi đây diễn ra trận đánh của Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân đêm 4/2, rạng sáng 5/2/1945.  Theo kế hoạch đã định, đội bí mật đột nhập chiếm nhà chỉ huy, sau đó các hướng đánh vào cùng phối hợp với nội ứng tiêu diệt địch. Đêm 4 tháng 2 năm 1945, bộ đội xuất kích....Trận này ta tiêu diệt 20 tên, thu 5 súng trường mútcơtông và một số đạn, bắt 3 tù binh. Riêng đồng chí Đàm Quang Trung một mình dùng súng và tiêu diệt 5 tên. Đồng chí Xuân Trường (tên thật là Hoàng Văn Nhủng) đã anh dũng hy sinh, là liệt sỹ đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam.  Năm 1995, Di tích đồn Đồng Mu đã được Bộ Văn hoá - Thông tin nay là Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch xếp hạng Di tích lịch sử Quốc gia. Hơn 70 năm qua, di tích lịch sử đồn Đồng Mu luôn là chứng tích quan trọng, là dấu ấn lịch sử cách mạng của địa phương và dân tộc.  *(Nguồn: Đội Việt Nam Tuyên Truyền Giải Phóng Quân. NXB Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2004; Trang Thông tin điện tử tổng hợp Đài Phát thanh - Truyền hình Cao Bằng - caobangtv.vn)* | |
| 12 | **Đông Khê** | Cụm cứ điểm Đông Khê được phân bố tại thị trấn Đông Khê, huyện Thạch An, cách thành phố Cao Bằng khoảng 40 km, cụm cứ điểm Đông Khê nằm trong hệ thống phòng thủ Cao - Bắc - Lạng, trực thuộc phân khu Thất Khê.Đông Khê là vị trí quan trọng của địch trên tuyến phòng thủ đường số 4, nằm lọt trong thung lũng và chiếm gần toàn bộ thị trấn là khu trung tâm, trong đó quan trọng và vững chắc nhất là đồn Đông Khê (đồn to). Đồn nằm sát ngay cạnh quốc lộ 4A ở trung tâm thị trấn Đông Khê.  Đúng 6 giờ ngày 16/9/1950, quân ta nổ súng pháo kích vào cứ điểm Đông Khê, mở màn cho Chiến dịch Biên giới. Cũng trong sáng sớm 16/9/1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh lên đài quan sát theo dõi và chỉ đạo trận đánh cứ điểm Đông Khê - trận đánh mở màn cho Chiến dịch Biên giới 1950.  10 giờ ngày 18/9, quân ta tiêu diệt hoàn toàn cứ điểm Đông Khê, làm chủ thị trấn Đông Khê, Trải qua 54 giờ chiến đấu, trận đánh cứ điểm Đông Khê - trận đánh mở màn cho Chiến dịch Biên giới giành thắng lợi to lớn, tiêu diệt hơn 120 lính Pháp, bắt hơn 200 tên, bắn rơi 1 máy bay, phá hủy và tịch thu  một số vũ khí và quân trang quân dụng. Trận đánh cứ điểm Đông Khê là trận đánh đầu tiên tiêu biểu của Quân đội Nhân dân Việt Nam áp dụng thành công chiến thuật công kiên cấp trung đoàn. Thắng lợi của trận đánh cứ điểm Đông Khê đã tạo điều kiện quan trọng cho Chiến dịch, đồng thời mở ra một giai đoạn chiến đấu mới: Chuyển từ cách đánh du kích sang đánh chính quy.  Trận đánh cứ điểm Đông Khê giành thắng lợi đã chặt đứt một mắt xích quan trọng trong hệ thống phòng thủ của địch trên đường số 4. Tuyến phòng thủ của địch trên đường số 4 bị chặt làm đôi giữa phân khu Cao Bằng và phân khu Thất Khê. Là trận đánh lớn đầu tiên của Quân đội Nhân dân Việt Nam có sự hiệp đồng giữa các binh chủng, tập trung tiêu diệt một cứ điểm lớn của Pháp bố trí phòng ngự trong công sự kiên cố, hỏa lực mạnh, quân số đông ở địa hình vùng núi hiểm trở.  *(Nguồn: Đường số 4 rực lửa, Nxb Thanh Niên; Lý lịch di tích các địa điểm di tích lịch sử chiến thắng biên giới 1950, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng)* | |
| 13 | **Cốc Xá - 447** | Điểm cao 447, nằm trên địa bàn xã Trọng Con, huyện Thạch An, trong dãy núi Quang Liệt gồm 17 mỏm từ Nậm Nàng xuống đến Bản Ca. Điểm cao 447 cách Đông Khê về phía Đông Bắc khoảng 8km. Địa điểm trong chiến dịch Biên giới năm 1950, trong 5 ngày đêm chiến đấu (từ ngày 4 - 8/10/1950) trận Cốc Xá - 477 đã kết thúc thắng lợi, ta xóa sổ 2 binh đoàn Lơpagiơ và Sác Tông gồm 6 tiểu đoàn Âu Phi và 1 tiểu đoàn ngụy, loại khỏi vòng chiến đấu 3.316 tên, thu được gần nghìn súng các loại. Các trận then chốt Đông Khê và Cốc Xá - 447 thực sự là nhân lõi và góp phần quyết định tạo nên thắng lợi vang dội của chiến dịch Biên giới năm 1950.  *(Bộ Quốc phòng, Viện lịch sử quân sự Việt Nam, 2006; Lịch sử nghệ thuật trận đánh then chốt chiến dịch của Quân đội nhân dân Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ (1945 -1974). Nxb Quân đội Nhân dân)* | |
| 14 | **03 tháng 10** | Trong Chiến dịch Biên giới năm 1950, quân ta giành thắng lợi trong trận đánh cứ điểm Đông Khê, buộc quân Pháp phải rút khỏi thị xã Cao Bằng vào ngày 03/10/1950 - là ngày sạch bóng quân xâm lược thực dân Pháp - ngày giải phóng Cao Bằng. Từ đây, Đảng bộ và Nhân dân các dân tộc Cao Bằng đi vào xây dựng cuộc sống mới phát triển về mọi mặt, ổn định đời sống nhân dân, xây dựng hậu phương vững mạnh, chi viện sức người, sức của cho cuộc kháng chiến toàn quốc đi đến thắng lợi hoàn toàn.  (*Nguồn: Lịch sử tỉnh Cao Bằng. Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, năm 2009*) | |
| 15 | **Vằng Ngà** | Tên gọi khúc sông Bằng gắn với sự kiện “Ngày 28/4/1951, tướng Hác-tơ-man, Tư lệnh không quân Pháp ở Đông Dương trực tiếp đáp máy bay đi kiểm tra phòng tuyến khu Đông - Bắc (gồm các tỉnh Hải Phòng, Quảng Ninh, Lạng Sơn và Cao Bằng). Khi bay qua vùng trời thị xã Cao Bằng, lúc 15giờ đã bị Đại đội 372 bộ đội địa phương của ta bắn rơi xuống khu vực Vằng Ngà, toàn bộ sĩ quan cùng đi trên máy bay bị chết.  Sự kiện này đã gây xôn xao dư luận các chính giới tư sản Pháp, buộc Chính phủ Pháp phải điều đình với Chính phủ ta để nhận xác Hác-tơ-man... Lợi dụng yêu cầu này, Chính phủ ta ra điều kiện buộc Pháp phải ngừng ném bom trên toàn tuyến quốc lộ 3A trong thời gian 5 ngày để ta chuyển hài cốt Hác-tơ-man từ thị xã Cao Bằng đến sân bay Đồng Bẩm (Thái Nguyên) trao trả cho chúng. Chính phủ Pháp đã chấp nhận. Nhân dịp này ta đã huy động tất cả các phương tiện: Xe cơ giới, xe thô sơ, xe đạp làm việc cả ngày và đêm vận chuyển hàng nghìn tấn vũ khí, lương thực từ Cao Bằng về xuôi phục vụ cho các chiến dịch trung du và đồng bằng.  *(Nguồn: Lịch sử Đảng bộ Thành phố Cao Bằng (1930-1912). Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật năm 2012)* | |
| **IV. Tên danh nhân: 147 tên** | | | |
| **4.1** | **Lãnh đạo tiền bối tiêu biểu, lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Cách mạng Việt Nam: 10 tên** | | |
| 1 | **Võ Nguyên Giáp** | Đại tướngVõ Nguyên Giáp (1911 - [2013](https://vi.wikipedia.org/wiki/2013)), tên khai sinh là Võ Giáp.  Quê quán: Làng An Xá, thuộc xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.  TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG:  Từ năm 1925 - 1926, đồng chí tham gia phong trào học sinh ở Huế.  Năm 1927, Tham gia Đảng Tân Việt cách mạng.  Tháng 6/1940, đồng chí được kết nạp vào Đảng cộng sản Đông Dương và được cử sang Trung Quốc hoạt động.  Năm 1941, đồng chí về nước tham gia công tác chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang ở căn cứ địa Cao - Bắc - Lạng.  Năm 1944, ông được Lãnh tụ Hồ Chí Minh giao nhiệm vụ thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân (tiền thân của Quân đội Nhân dân Việt Nam). Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, ông được cử làm Bộ trưởng Nội vụ trong Chính phủ lâm thời. Tháng 11 năm 1946, ông là Bộ trưởng Quốc phòng kiêm Tổng Chỉ huy quân đội. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, ông được cử làm Tổng chỉ huy Quân đội quốc gia và dân quân tự vệ. Ngày 20/01/1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 110/SL phong quân hàm Đại tướng cho Võ Nguyên Giáp.  Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Võ Nguyên Giáp đã trực tiếp chỉ huy nhiều chiến dịch lớn mang ý nghĩa chiến lược như: Chiến dịch Biên giới (1950), Điện Biên Phủ (1954)…  Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đại tướng Võ Nguyên Giáp với cương vị Tổng tư lệnh, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đã cùng với Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương chỉ đạo cuộc kháng chiến của quân và dân ta trên cả hai miền Nam, Bắc và làm nhiệm vụ quốc tế, chỉ đạo nhiều chiến dịch lớn ở miền Nam Việt Nam, trong đó có Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, chỉ đạo chiến tranh Nhân dân chống chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của Mỹ ở miền Bắc Việt Nam.  Cuộc đời và sự nghiệp của Đại tướng Võ Nguyên Giáp gắn liền với sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam, những hoạt động của Đại tướng gắn liền với nhiều địa phương trong cả nước, trong đó có Cao Bằng. Suốt gần 5 năm lăn lộn với phong trào cách mạng ở Cao Bằng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp hầu như có mặt ở tất cả những điểm nóng tại núi rừng Cao - Bắc - Lạng. Nhiều hoạt động, nhiều sự kiện mà đồng chí Võ Nguyên Giáp thực hiện ở Cao Bằng giai đoạn 1941 - 1945 đã góp phần xây dựng căn cứ địa cách mạng đầu tiên của cả nước. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp và sáng suốt của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Võ Nguyên Giáp đã thể hiện rõ khả năng, năng lực toàn diện của mình và thực hiện đúng đắn, sáng tạo, phù hợp ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số ít người.  Tại Cao Bằng có một hệ thống di tích gắn liền với hoạt động của đồng chí Võ Nguyên Giáp, trong đó có 03 di tích quốc gia đặc biệt:Pác Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng; Rừng Trần Hưng Đạo, Tam Kim, huyện Nguyên Bình; Địa điểm chiến thắng chiến dịch Biên giới năm 1950, huyện Thạch An. Nhiều di tích cấp quốc gia, cấp tỉnh:Tại xã Hồng Việt, Hòa An có các di tích: Nền nhà ông Mã Văn Hản, xóm Lũng Hoài; Vách núi Lũng Sa; Hang Ngườm Bốc, xóm Bản Nưa, Thôn Lam Sơn; Hang Bó Hoài, xóm Lũng Hoài. Các di tích Hang Ghị Rằng, Ngườm Mác Men, Ngườm Poóng xã Nam Tuấn, huyện Hoà An.Khu di tích lịch sử cách mạng Lũng Dẻ, Bản Chang, xã Trương Lương, huyện Hòa An;Hang Kéo Quảng, làng Thôm Phát; Lũng Tàn; Lũng Diển xã Minh Tâm, huyện Nguyên Bình. Di tích Nhà ông Lã Văn Ho, thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa; Địa điểm Đồn Đồng Mu, xã Xuân Trường, huyện Bảo Lạc;...  Đại tướng Võ Nguyên Giáp không chỉ là một vị tướng cầm quân giỏi mà còn là một nhà lý luận quân sự uyên thâm; ông là tác giả của nhiều tác phẩm quân sự nổi tiếng được xuất bản trong và ngoài nước. Ông đã từng là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng từ khóa II đến khóa VI; Ủy viên Bộ Chính trị từ khóa II đến khóa V; đại biểu Quốc hội từ khóa I đến khóa VII; ông đảm trách nhiều cương vị như Bí thư Quân ủy Trung ương, Tổng Tư lệnh QĐND Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Phó Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch danh dự Hội khoa học lịch sử Việt Nam… Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã được Nhà nước tặng thưởng: Huân chương Sao Vàng; hai Huân chương Hồ Chí Minh; hai Huân chương Quân công hạng Nhất; ngoài ra, ông còn được tặng nhiều Huân chương, Huy chương cao quý khác của nhiều nước trên thế giới.  *(Nguồn: Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân. Nxb QĐND, năm 2003; Lý lịch di tích Bảo tàng tỉnh)* | |
| 2 | **Trường Chinh** | Đồng chí Trường Chinh (1907- 1988), tên khai sinh Đặng Xuân Khu, tên gọi khác: Anh Nhân, Trường Chinh.  Quê quán: Làng Hành Thiện, xã Xuân Hồng, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định  TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG:  Năm 1927, đồng chí gia nhập Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên, một tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Đông Dương.  Năm 1929, đồng chí tham gia cuộc vận động thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương ở Bắc Kỳ.  Từ cuối năm 1936 đến năm 1939, đồng chí là ủy viên Xứ ủy Bắc Kỳ và đại biểu của Đảng Cộng sản Đông Dương trong Ủy ban Mặt trận Dân chủ Bắc Kỳ.  Năm 1940, đồng chí là chủ bút báo “Giải Phóng”, cơ quan của Xứ ủy Bắc Kỳ. Tại Hội nghị lần thứ 7 của Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, đồng chí được cử vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng.  Năm 1941, tại Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ VIII, tổ chức tại lán Khuổi Nặm, Pác Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, đồng chí được bầu làm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương.  Tháng 8 năm 1945, đồng chí được Hội nghị toàn quốc của Đảng cử phụ trách Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc.  Năm 1951, tại Đại hội lần thứ II của Đảng, đồng chí được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương, là Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (ở Đại hội này, Đảng Cộng sản Đông Dương được đổi tên là Đảng Lao động Việt Nam) đến tháng 10-1956.  Năm 1958, đồng chí làm Phó Thủ tướng Chính phủ kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học nhà nước.  Năm 1960, tại Đại hội lần thứ III của Đảng, đồng chí được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương và ủy viên Bộ Chính trị.  Năm 1976, tại Đại hội lần thứ IV của Đảng, đồng chí được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (ở Đại hội này, Đảng Lao động Việt Nam được đổi tên là Đảng Cộng sản Việt Nam). Đồng chí là ủy viên Bộ Chính trị.  Năm 1976, đồng chí được bầu làm Chủ tịch Ủy ban dự thảo Hiến pháp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; là đại biểu Quốc hội các khóa II, III, IV, V, VI, VII. Từ khóa II đến khóa VI là Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội.  Năm 1981, đồng chí được Quốc hội bầu làm Chủ tịch Hội đồng Nhà nước và Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.  Năm 1982, tại Đại hội lần thứ V của Đảng, đồng chí được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam và là ủy viên Bộ Chính trị.  Tháng 7-1986, tại Hội nghị đặc biệt Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, đồng chí được bầu lại làm Tổng Bí thư của Đảng.  Tháng 12-1986, tại Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng, đồng chí được cử làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.  *(Nguồn: Tiểu sử đồng chí Trường Chinh tại Hệ thống Tư liệu - Văn kiện Đảng của Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam)* | |
| 3 | **Phạm Văn Đồng** | Đồng chí Phạm Văn Đồng (1906- 2000), tên gọi khác: Tô.  Quê quán: Xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.  TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG:  Năm 1926: Gia nhập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.  Cuối năm 1927: Về nước, tham gia hoạt động cách mạng ở Sài Gòn.  Tháng 7/1929: Bị thực dân Pháp bắt, kết án 10 năm tù, đày ra Côn Đảo.  Tháng 7/1936: Ra tù về Hà Nội tiếp tục hoạt động cách mạng.  Tháng 5/1940: Sang Côn Minh (Trung Quốc) gặp Nguyễn Ái Quốc; tại đây, được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (năm 1940) và được Nguyễn Ái Quốc giao nhiệm vụ về nước xây dựng căn cứ cách mạng ở Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn.  Tháng 8/1945: Tại Đại hội Quốc dân Tân Trào, được bầu vào Ủy ban Thường trực gồm 5 người thuộc Ủy ban Dân tộc giải phóng, chuẩn bị cho Cách mạng Tháng Tám.  Năm 1945: Sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thành lập, giữ chức Bộ trưởng Tài chính, Phó Trưởng Ban Thường vụ Quốc hội (khóa I).  Tháng 6/1946: Trưởng phái đoàn Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hòa tại Hội nghị Fôngtenơblô (Fontainebleau) Pháp.  Năm 1947: Được bầu làm Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (Uỷ viên chính thức từ năm 1949). Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng (7-1949).Tại Đại hội lần thứ II Đảng Cộng sản Đông Dương (năm 1951), được bầu làm Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng.  Năm 1954: Trưởng phái đoàn Chính phủ Việt Nam tại Hội nghị Giơnevơ (Geneve) về Đông Dương.  Từ tháng 09/1954 đến tháng 02/1961: Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.  Từ 1955 - 1981: Thủ tướng Chính phủ.  Năm 1981 - 1987: Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.  Đồng chí Phạm Văn Đồng là người có nhiều công lao trong xây dựng và quản lí nhà nước. Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (1947), ủy viên chính thức (1949). Ủy viên Bộ Chính trị các khóa II, III, IV, V (2/1951-1986). Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng (từ tháng 12/1986 đến năm 1997). Đại biểu Quốc hội các khóa I, II, III, IV, V, VI, VII (từ năm 1946 - 1987).  Hiện nay, tại Cao Bằng có nhiều di tích gắn liền với hoạt động của đồng chí Phạm Văn Đồng. Đặc biệt là ở khu vực Hòa An, Hà Quảng, Nguyên Bình như: Hang Bó Hoài, Hồng Việt, Hòa An; di tích hang Ngườm Poóng, Ngườm Mác Men, xã Nam Tuấn; di tích Nhà ông Đàm Nhật Chảnh, xã Bình Long (nay là Hồng Việt); di tích Khuổi Slấn, xã Đào Ngạn (nay là Ngọc Đào), Hà Quảng; di tích hang Kéo Quảng, Minh Tâm, Nguyên Bình.  *(Nguồn: Tiểu sử đồng chí Phạm Văn Đồng tại Hệ thống Tư liệu - Văn kiện Đảng của Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam;*  *Lý lịch di tích Bảo tàng tỉnh)* | |
| 4 | **Vũ Anh** | Đồng chí Vũ Anh, bí danh Trịnh Đông Hải, ông là một trong những cán bộ ưu tú của Đảng đã đến Cao Bằng thực hiện các nhiệm vụ chiến lược do Trung ương Đảng và Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đề ra.  TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG:  Cuối tháng 02/1940, Nguyễn Ái Quốc đến liên hệ với Trịnh Đông Hải (tức Vũ Anh) tại hiệu dầu cù là Vĩnh An Đường ở Côn Minh, Trung Quốc. Người hỏi về tình hình trong nước, những hoạt động ở Côn Minh... và bắt liên lạc với Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng (Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng lúc ấy có các đồng chí Phùng Chí Kiên, Vũ Anh... )*.*  Cuối tháng 5/1940: Tại Côn Minh, Nguyễn Ái Quốc quyết định cho rải truyền đơn dọc tuyến đường sắt từ Côn Minh đến biên giới Việt - Trung, vạch trần tội ác của giặc Pháp, Nhật và kêu gọi quần chúng ủng hộ Nhân dân Trung Quốc chống Nhật (Đồng chí Vũ Anh được giao nhiệm vụ này, đã xin nghỉ ba ngày để mang truyền đơn (in bằng kính) để đi rải ở các ga lớn).  Đầu tháng 12/1940: Nguyễn Ái Quốc đến Tĩnh Tây, Người được bố trí ở nhà của một cơ sở vốn là một gia đình Trung Quốc nghèo. Người giao nhiệm vụ cho đồng chí Vũ Anh về nước tìm một địa điểm bí mật, có hàng rào quần chúng bảo vệ và có đường rút lui. Đồng chí Vũ Anh nhận nhiệm vụ trở về nước tìm cơ sở cho đoàn.  Đồng chí Vũ Anh về Cao Bằng đến cột mốc 108, đến làng Pác Bó, đi vào một số cơ sở cách mạng, Nhân dân giác ngộ cách mạng khá cao. Địa thế hiểm trở, từ Pác Bó có nhiều đường đi qua Trung Quốc, nếu được Nhân dân che chở nhất định ta có thể tránh được địch. Sau khi chuẩn bị cơ sở xong đồng chí trở lại Tịnh Tây, sau một thời gian Bác lại cử đồng chí Vũ Anh về Pác Bó để chuẩn bị thêm cơ sở để đón Bác và đoàn có thể về nước.  Trong khoảng thời gian hoạt động tại Cao Bằng đồng chí Vũ Anh luôn là người thân cận được Bác giao nhiều nhiệm vụ quan trọng, là đại diện Trung ương Đảng bên cạnh Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.  Ngay từ đầu năm 1941 theo chỉ thị của Bác nhiều cán bộ ưu tú của Đảng: Phạm Văn Đồng, Vũ Anh, Phùng Chí Kiên... được điều đến Cao Bằng kết hợp với các đồng chí đang hoạt động tại địa phương tham gia công tác đào tạo cán bộ thực hiện các nhiệm vụ chiến lược do Trung ương Đảng đề ra. Các đồng chí đã trực tiếp mở các lớp huấn luyện chính trị và quân sự khác ở địa phương trong tỉnh, giai đoạn 1941 - 1945.  *(Nguồn: Hồ Chí Minh Biên niên tiểu sử tập 2. Nxb Chính trị Quốc gia sự thật; Đầu nguồn,*  *Nxb Văn học - 1977)* | |
| 5 | **Hoàng Quốc Việt** | Đồng chí Hoàng Quốc Việt (1905 - 2015), tên thật là Hạ Bá Cang.  Quê quán: Đáp Cầu, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh (ngày nay là phường Đáp Cầu, thành phố Bắc Ninh).  TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG:  Năm 1928, ông được kết nạp vào Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.  Ngay từ khi Đảng mới được thành lập, Hoàng Quốc Việt với tư cách đại diện của Đảng bộ Nam kỳ đã là một trong 6 Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng Cộng sản Việt Nam.  Vào khoảng tháng 4/1930, sau chuyến đi công tác sang Pháp ông trở lại Sài Gòn. Bí thư Xứ ủy Nam kỳ Ngô Gia Tự cử ông ra Bắc với tư cách đại diện cho Đảng bộ Nam kỳ cùng Trung ương lâm thời chuẩn bị cho Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ nhất họp vào cuối năm. Ra đến Hải Phòng được trên dưới một tháng Hoàng Quốc Việt bị bắt và bị địch kết án tù khổ sai chung thân đày ra Côn Đảo từ 1931 đến cuối 1936.  Cuối năm 1936, trở về đất liền, Hoàng Quốc Việt ra Bắc. Đảng phân công ông cùng Trường Chinh phụ trách các báo chí của Đảng xuất bản công khai trong thời kỳ vận động dân chủ tại Hà Nội.  Năm 1937, Hoàng Quốc Việt là Bí thư Xứ ủy Bắc kỳ của Đảng cộng sản Đông Dương.Tháng 9/1937, tại Hội nghị Trung ương họp ở Bà Điểm (Hoóc Môn-Gia Định), Hoàng Quốc Việt được bầu bổ sung vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng.  Năm 1941, Hồ Chí Minh về nước. Tại Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ VIII, lần đầu tiên Hoàng Quốc Việt được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh (từ đó, cho đến năm 1969, ông luôn làm việc cùng Người và trở thành một trong những cộng sự và học trò xuất sắc của Người);tại Hội nghị ông được bầu vào Ban Thường vụ Trung ương Đảng (Ban Thường vụ lúc đó có 3 người: Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt).  Tháng 8/1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp tại Tân Trào,ông được bầu vào Ban Thường vụ để cùng Trung ương lãnh đạo cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước. Sau khi cách mạng Tháng Tám thành công, Nhà nước dân chủ nhân dân được thành lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp giao Hoàng Quốc Việt phụ trách (về mặt Đảng) công tác mặt trận, công tác công vận và công đoàn. Từ đó cho đến cuối đời, ông dành hết tâm sức để giúp Đảng chăm lo xây dựng và lãnh đạo công tác công vận và tổ chức công đoàn.  Năm 1951, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng bầu ông vào Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương. Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, kháng chiến chống Mỹ cứu nước và những năm đầu sau thống nhất Tổ quốc, Hoàng Quốc Việt vẫn được Đảng giao trọng trách tham gia Bộ Chính trị.  *(Nguồn: Trang thông tin điện tử Bảo tàng Lịch sử Quốc gia - baotanglichsu.vn ngày 27/5/2015)* | |
| 6 | **Hoàng Đình Giong** | Đồng chí Hoàng Đình Giong (1904 - 1947), tức Hoàng, Lầu Voòng, Nam Bình, Văn Tư, Võ Văn Đức, Vũ Đức, Lê Minh, cụ Vũ…  Quê quán: Làng Thôm Hoáng, xã Hạ Hoàng, sau chuyển sang làng Nà Toàn, xã Xuân Phách, châu Hòa An (nay là phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng).  TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG:  Ngay từ lúc còn nhỏ, Hoàng ĐìnhGiong là một học sinh thông minh, hăng say học tập, sớm có tư tưởng yêu nước, căm thù giặc cướp nước.  Những năm 1923 - 1924, đồng chí đã bí mật tuyên truyền tư tưởng yêu nước trong học sinh các trường tiểu học ở thị xã Cao Bằng, châu Hòa An và Hà Quảng, làm cho không khí ghét Tây ngày càng lan rộng.  Cuối năm 1925, đầu năm 1926, đồng chí học ở Trường Bách Nghệ (Hà Nội); tích cực tham gia phong trào bãi khóa của học sinh Hà Nội, tham gia tổ chức lễ truy điệu nhà yêu nước Phan Châu Trinh và bị đuổi học. Sau một thời gian hoạt động ở Hà Nội, đồng chí trở về Cao Bằng vận động một số thanh niên và học sinh ở châu Hòa An, thị xã Cao Bằng vào Hội thanh niên yêu nước, sau phát triển lên Hà Quảng, sang Quảng Uyên và các châu khác trong tỉnh.  Mùa Thu năm 1927, Đồng chí Hoàng Đình Giong ra nước ngoài hoạt động, đến ngày 19/6/1928, được kết nạp vào tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên; tháng 12/1929, được kết nạp vào Đông Dương Cộng sản Đảng và được bầu làm Bí thư Chi bộ hải ngoại Long Châu (Trung Quốc).  Với tư cách là Bí thư Chi bộ, Đồng chí Hoàng Đình Giong được Đảng trực tiếp giao nhiệm vụ chỉ đạo việc tổ chức, gây dựng và phát triển phong trào cách mạng ở Cao Bằng và Lạng Sơn. Đồng chí chỉ đạo thành lập Chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của tỉnh Cao Bằng vào ngày 01/4/1930, tại Nặm Lìn, xã Hoàng Tung, châu Hòa An. Chi bộ Nặm Lìn ra đời đã đảm nhiệm chức năng như một Tỉnh ủy lâm thời, lãnh đạo phong trào cách mạng toàn tỉnh Cao Bằng.  Những năm 1932 -1935, đồng chí Hoàng Đình Giong như một “con thoi”, đi lại hoạt động tích cực ở Cao Bằng, Hải Phòng, Quảng Ninh và nước ngoài, trực tiếp lãnh đạo khôi phục tổ chức đảng ở các địa phương. Đồng chí đã có nhiều đóng góp trong việc chắp nối các mối liên lạc với các cơ sở đảng ở Bắc Kỳ và việc khôi phục phong trào cách mạng sau thời kỳ bị địch khủng bố trắng. Với những đóng góp cho sự nghiệp cách mạng, tại Đại hội Đảng lần thứ I (họp tại Ma Cao, Trung Quốc), cuối tháng 3/1935, Hoàng Đình Giong được bầu vào Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng, trực tiếp phụ trách Xứ ủy Bắc Kỳ.  Năm 1936, đồng chí Hoàng Đình Giong được phân công trở lại vùng duyên hải Bắc Bộ (Hải Phòng, Quảng Ninh) để hoạt động nhằm củng cố đường dây liên lạc từ ngước ngoài về nước chỉ đạo phong trào đấu tranh cách mạng.  Từ tháng 2/1936 đến tháng 10/1944, đồng chí bị thực dân Pháp bắt giam, cầm tù và chịu nhiều cực hình tra tấn tại các nhà tù Cao Bằng, Hỏa Lò (Hà Nội), Sơn La, Bắc Mê (Hà Giang) và bị đày đi biệt xứ tận Mađagatxca (châu Phi). Đồng chí đã đề ra sách lược khôn khéo nhằm tranh thủ lực lượng đồng minh và cùng các bạn tù chính trị trở về Tổ quốc an toàn. Trở lại Cao Bằng, đồng chí trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng và là Trưởng ban khởi nghĩa trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Cao Bằng.  Nam Bộ bước vào cuộc kháng chiến chống Pháp, đồng chí Hoàng Đình Giong được cử làm chỉ huy trưởng Bộ đội Nam tiến vào Nam Bộ đánh thực dân Pháp với tên mới do Bác Hồ đặt cho là Võ Văn Đức (cái tên mang nhiều ý nghĩa, thể hiện sự trọn vẹn những phẩm chất cần thiết phải có của một nhà lãnh đạo), đồng thời Bác cũng căn dặn: “Chú cầm quân ra chiến trường, văn, võ đều cần, nhưng phải chú trọng cái đức của người cán bộ cách mạng”.  Đồng chí đã được Đảng cử giữ những chức vụ quan trọng: Chủ nhiệm Chính trị Bộ (Chính ủy) Giải phóng quân Nam Bộ, Khu Bộ trưởng (Tư lệnh) đầu tiên Khu 9, Khu Bộ trưởng (Tư lệnh) Khu 6. Năm 1947, tại Chiến khu 7 (Ninh Thuận), đồng chí đã chiến đấu đến hơi thở cuối cùng và đã hy sinh anh dũng.  Ghi nhận những cống hiến và công lao to lớn của đồng chí Hoàng Đình Giong đối với sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và dân tộc,đồng chí đã được Đảng, Nhà nước truy tặng nhiều phần thưởng cao quý: Huân chương Hồ Chí Minh (1998);Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân (2009); Lãnh đạo tiền bối tiêu biểu của Đảng và cách mạng Việt Nam (2018).  Để tưởng nhớ và ghi tạc công lao to lớn của đồng chí Hoàng Đình Giong, Đảng bộ và Nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng đã dựng tượng đài, xây dựng Địa điểm lưu niệm đồng chí Hoàng Đình Giong tại phường Đề Thám (thành phố Cao Bằng). Tên của Đồng chí đã được đặt cho Trường Chính trị tỉnh Cao Bằng và tuyến đường ở trung tâm phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng.  *(Nguồn: Tỉnh ủy Cao Bằng, Đồng chí Hoàng Đình Giong với cách mạng Việt Nam và quê hương Cao Bằng)* | |
|  |  |  | |
| 7 | **Hoàng Văn Thụ** | Đồng chí Hoàng Văn Thụ (1906 - 1944),tên khai sinh là Hoàng Ngọc Thụ, lúc nhỏ là Hoàng Hảo Do, trong những năm tháng hoạt động cách mạng đồng chí mang các bí danh: Lô Minh Hạ, Lý, Giáo, Vân… ông sinh ra trong một gia đình nông dân dân tộc Tày có truyền thống yêu nước và hiếu học.  Quê quán: Làng Phạc Lạn, tổng Nhân Lý, châu Văn Uyên (nay là thôn Nhân Hòa, xã Hoàng Văn Thụ, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn).  TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG:  Thời thanh niên, đồng chí tham gia phong trào yêu nước, kết bạn với Hoàng Đình Giong và Lương Văn Tri. Năm 1926, đồng chí cùng Lương Văn Tri thành lập nhóm thanh niên yêu nước ở Lạng Sơn.  Cuối năm 1929, đồng chí được kết nạp vào Đông Dương Cộng sản Đảng, hoạt động ở vùng biên giới Việt - Trung và được phân công phụ trách Lạng Sơn.  Năm 1930 thực hiện nhiệm vụ do Chi bộ Long Châu phân công, đồng chí Hoàng Văn Thụ đã nhiều lần bí mật về nước hoạt động. Để đảm bảo bí mật, đồng chí đã gây dựng cơ sở cách mạng ở Lũng Nghịu làm nơi liên lạc với trong nước và phát triển cơ sở cách mạng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.  Năm 1932, đồng chí Lê Hồng Phong về nước hoạt động, đã bắt liên lạc với Ban liên Tỉnh ủy Cao - Lạng, nhờ sự giúp đỡ tích cực của Ban liên Tỉnh ủy trong đó có đồng chí Hoàng Văn Thụ mà đồng chí Lê Hồng Phong nhanh chóng nắm được tình hình và chắp được mối với các đảng bộ, chuẩn bị cho cuộc hội nghị giữa Ban lãnh đạo của Đảng ở ngoài nước và các đại biểu đảng bộ trong nước họp vào tháng 6 năm 1934.  Cuối năm 1934, đồng chí Hoàng Văn Thụ cùng các đồng chí trong Ban liên Tỉnh ủy lâm thời tổ chức Hội nghị cán bộ liên tỉnh, kiểm điểm tình hình và cử đại biểu đi dự Đại hội Đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ nhất ở Ma Cao, Trung Quốc. Sau Đại hội, đồng chí được Trung ương giao nhiệm vụ in Văn kiện Đại hội chuyển về trong nước để tuyên truyền.  Cuối năm 1937, đồng chí được Trung ương triệu tập sang Hồng Kông để học tập chủ trương, chính sách mới của Đảng do đồng chí Lê Hồng Phong và đồng chí Phùng Chí Kiên hướng dẫn.  Đầu năm 1938, đồng chí được Trung ương cử về nước bắt liên lạc với Xứ ủy Bắc kỳ để truyền đạt chỉ thị của Trung ương và nhận công tác ở Xứ ủy. Sau đó không lâu, đồng chí về Hà Nội để báo cáo công tác và được bổ sung vào Xứ ủy và tham gia Ban vận động công nhân.  Tại Hội nghị Xứ ủy Bắc Kỳ mở rộng (9/1939) do Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ triệu tập và chủ trì ở Vạn Phúc, Hà Đông,đồng chí Hoàng Văn Thụ được Trung ương Đảng phân công làm Bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ, trực tiếp phụ trách phong trào cách mạng khu vực Hà Nội, vùng phụ cận và báo “Giải phóng” - cơ quan ngôn luận của Xứ ủy Bắc Kỳ.  Cuối tháng 12/1940, Hoàng Văn Thụ sang Trung Quốc liên lạc với Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Nhận chỉ thị của Người, đồng chí về làm việc với Tỉnh ủy Cao Bằng, chuẩn bị địa điểm đón Người về nước và tổ chức Hội nghị Trung ương lần thứ tám.  Đầu năm 1941, đồng chí dự Hội nghị mở rộng của Ban Chấp hành Trung ương ở Bắc Ninh và được cử đi dự hội nghị Trung ương tám ở Cao Bằng.  Tại Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ VIII (5/1941), đồng chí được bầu vào Ban Thường vụ Trung ương, phụ trách công tác Mặt trận và binh vận.  Từ năm 1943, đồng chí Hoàng Văn Thụ được Trung ương giao nhiệm vụ giác ngộ binh lính địch ở khu vực Hà Nội.  Ngày 25/8/1943, giữa lúc phong trào cách mạng đang trên đà phát triển, đồng chí Hoàng Văn Thụ bị địch bắt ở khu Tám Mái, Hà Nội, sau đó đưa về giam tại nhà tù Hỏa Lò.  Cuối tháng 01/1944, thực dân Pháp đưa đồng chí Hoàng Văn Thụ ra xét xử tại Tòa án binh. Sáng ngày 24/5/1944, đồng chí Hoàng Văn Thụ bị giải ra pháp trường xử bắn.  Cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí Hoàng Văn Thụ là tấm gương sáng về người cộng sản kiên cường, bất khuất.  *(Nguồn: Tạp chí của Ban Tuyên giáo Trung ương - tuyengiao.vn)* | |
| 8 | **Lê Hồng Phong** | Đồng chí Lê Hồng Phong (1902 - 1942), tên gọi khác: Lê Huy Doãn, Vương Nhật Dân, Hải An, Lítvinốp, Trí Bình. Quê quán: Xã Hưng Thông, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.  TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC  Từ năm 1924 đến 1931: Sau khi sang đến Thái Lan một thời gian, Lê Hồng Phong cùng một số bạn bè tìm đường sang Quảng Châu, Trung Quốc. Thời gian ở Quảng Châu, Lê Hồng Phong cùng một số bạn như: Phạm Hồng Thái, Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Sơn, Lâm Đức Thụ trong nhóm Tâm Tâm xã đã tích cực khôi phục lại phong trào yêu nước đang bị suy yếu.  Cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu. Lê Hồng Phong là một trong những học trò đầu tiên của Người, được Người giác ngộ đi theo chủ nghĩa Mác - Lênin và cách mạng vô sản.  Từ tháng 8/1924 đến năm 1925, Lê Hồng Phong tốt nghiệp Trường Quân sự Hoàng Phố của Chính phủ dân quốc. Đồng chí được chuyển sang Trường Hàng không ở Quảng Châu. Tại đây, tháng 2/1926, đồng chí được kết nạp vào Đảng Cộng sản Trung Quốc.  Từ 10/1926 - 12/1927, đồng chí được Chính phủ Quảng Châu và Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc cử sang Liên Xô học và tốt nghiệp Trường Lý luận quân sự không quân ở Lêningrát. Sau đó, đồng chí vào học Trường Đào tạo phi công quân sự tại Bôrítxgơlépxcơ.  Tháng 10/1928, đồng chí được cử về học ở Trường Đại học Cộng sản Phương Đông. Ở đây, đồng chí trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Liên Xô và tham gia trong Uỷ ban tổ chức Đảng nhóm Đông Dương. Đến 11/1931, đồng chí được cử về nước để tham gia công tác của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.  Từ Liên Xô, Lê Hồng Phong lên đường về nước vào cuối năm 1931. Việc cần thiết là phải định hướng cho phong trào hoạt động. Lê Hồng Phong đã tham gia soạn thảo Chương trình hành động của Đảng, được Quốc tế Cộng sản thông qua.  Tháng 7/1933, Lê Hồng Phong - phái viên của quốc tế cộng sản, hoạt động tại Trung Quốc, bí mật về Cao Bằng làm việc với Tỉnh uỷ; truyền đạt quyết định của Ban chỉ huy ở ngoài của Đảng về việc xây dựng Cao Bằng thành một trong những cơ sở vững chắc để chắp nối liên lạc với các cơ sở Đảng trong phạm vi toàn quốc.  Thời gian này, đồng chí Lê Hồng Phong được triệu tập đi dự Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản. Tại Đại hội, Lê Hồng Phong thay mặt Đảng ta đã trình bày bản tham luận về tình hình Đông Dương, về phong trào cách mạng, về chính sách cai trị tàn bạo của thực dân Pháp, về những ưu và khuyết điểm trong quá trình lãnh đạo của Đảng. Với sự kiểm điểm chân thành và nghiêm túc, đồng chí chứng minh triển vọng rộng lớn của phong trào cách mạng Đông Dương. Đại hội đã bầu đồng chí Lê Hồng Phong làm Uỷ viên chính thức Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản  Ngày 25/1/1940, đồng chí bị bắt kết án 5 năm tù và đầy ra Côn Đảo.  Ngày 06/9/1942, đồng chí hi sinh tại nhà tù Côn Đảo  ***(Nguồn: Lịch sử tỉnh Cao Bằng. Nxb Chính trị quốc gia, năm 2009; dangcongsan.vn)*** | |
| 9 | **Ninh Văn Phan** | Đồng chí Ninh Văn Phan (1908 - 1980).  Quê quán: Song Khê, thành phố Bắc Giang.  TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG:  Ông là bạn thân của đồng chí Hoàng Đình Giong khi học ở Hà Nội. Sau khi Hoàng Đình Giong bị đuổi khỏi trường Bách Nghệ, ông Phan đã giúp đỡ, tạo điều kiện để Hoàng Đình Giong tiếp tục hoạt động phong trào thanh niên Hà Nội.  Tháng 2/1927, ông được tổ chức Hội thanh niên giới thiệu lên Cao Bằng, ra nước ngoài tham dự các lớp chính trị của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, Hoàng Đình Giong là trưởng đoàn xuất dương. Do bị lỡ hẹn nên Hoàng Đình Giong đã phân Ninh Văn Phan ở lại Cao Bằng hoạt động tại thị xã và Hoà An. Ninh Văn Phan cùng Hoàng Đình Giong chú trọng vận động binh lính, học sinh, thầy giáo nhằm thúc đẩy mạnh phong trào yêu nước.  Tháng 4/1927 Ninh Văn Phan vào Mỏ thiếc Tĩnh Túc xin việc làm để có điều kiện tuyên truyền, vận động anh chị em công nhân làm cách mạng.  Tháng 8/1927, ông cùng Hoàng Đình Giong sang Long Châu, Trung Quốc dự lớp huấn luyện của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.  Ngày 19/6/1928 kết nạp vào hội Hội Việt Nam cách mạng thanh niên. Theo sự phân công của tổ chức, đồng chí phan về Cao Bằng tìm đưa một số thanh niên đã được giác ngộ sang Long Châu học tập giác ngộ  Tháng 10/1929, đồng chí bị Thực dân Pháp bắt và đầy đi Côn Đảo.  Tháng 11/1930, đồng chí được kết nạp vào Đảng cộng sản Đông Dương tại nhà tù Côn Đảo.  Tháng 9/1936, được địch thả tự do, đồng chí về Bắc Giang tiếp tục hoạt động cách mạng.  Tháng 11/1940, đồng chí bị địch bắt giam tại Đề lao phủ Lạng Thương.  Tháng 8/1945, đồng chí được cử làm Phó chủ tịch ủy ban cách mạng lâm thời tỉnh Bắc Giang  Năm 1947, được cử làm giám đốc Sở Hoa Kiều vụ Liên khu Việt Bắc; đại diện Tổng cục Hậu cần của Việt Nam tại Nam Ninh, Trung Quốc.  Về sau, đồng chí được cử làm Trưởng phòng các nước xã hội chủ nghĩa của Ủy ban Liên lạc Văn hóa với nước ngoài cho đến khi về hưu. Đồng chí qua đời ngày 9/8/1980 tại Hà Nội.  Hiện nay, tên của ông đã được đặt cho tên đường, tại thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.  *(Nguồn: Lịch sử tỉnh Cao Bằng. Nxb Chính trị quốc gia, năm 2009; tuyengiao.bacgiang.gov.vn)* | |
| 10 | **Trần Đăng Ninh** | Đồng chí Trần Đăng Ninh (1910 - 1955), tên khai sinh là Nguyễn Tuấn Đáng.  Quê quán: Thôn Quảng Nguyên, xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội).  TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG:  Tháng 7/1936, đồng chí được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương, sinh hoạt trong chi bộ ngành in với tên mới là Trần Đăng Ninh.  Cuối năm 1936, đồng chí Trần Đăng Ninh được phân công hoạt động bí mật, tham gia lãnh đạo các cuộc bãi công của công nhân các xí nghiệp; tổ chức các cuộc bãi thị của tiểu thương chợ Đồng Xuân, tiểu thương chợ Mơ; đấu tranh chống thuế cư trú ở Hà Nội..., góp phần tạo nên Cao trào cách mạng Dân chủ sôi nổi rộng khắp của Nhân dân cả nước (thời kỳ 1936 - 1939).  Giữa năm 1939, đồng chí Trần Đăng Ninh được cử làm Ủy viên Thành ủy Hà Nội, tiếp tục lãnh đạo phong trào đấu tranh của công nhân.  Năm 1940, đồng chí được chỉ định làm Ủy viên Xứ ủy Bắc Kỳ.  Ngày 27/9/1940, Khởi nghĩa Bắc Sơn nổ ra đồng chí Trần Đăng Ninh được cử về Bắc Sơn, cùng với đồng chí Phùng Chí Kiên, Lương Văn Tri, chỉ đạo phong trào cách mạng, thành lập Ủy ban cách mạng, thành lập Đội du kích Bắc Sơn, xây dựng Bắc Sơn trở thành căn cứ địa cách mạng đầu tiên trong cả nước.  Ngày 11/11/1940, đồng chí Trần Đăng Ninh cùng với các đồng chí Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt, Phan Đăng Lưu... tham gia Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 7 (tổ chức tại làng Đình Bảng, Từ Sơn, Bắc Ninh).  Tháng 5/1941, tại Hội nghị Trung ương lần thứ VIII (tổ chức tại Pác Bó, Hà Quảng, Cao Bằng), đồng chí Trần Đăng Ninh được đề cử làm Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương.  Năm 1941 - 1942, đồng chí Trần Đăng Ninh bị mật thám bắt đưa về giam tại nhà tù Hỏa Lò (Hà Nội) và nhà tù Sơn La.  Tháng 3/1943, đồng chí Trần Đăng Ninh vượt ngục, trở về hoạt động, tham gia Ban Thường vụ Xứ ủy Bắc Kỳ.  Tháng 9/1943, đồng chí lại bị mật thám bắt, giam ở nhà giam Hưng Yên và nhà tù Hỏa Lò (Hà Nội).  Tháng 3/1945, đồng chí Trần Đăng Ninh vượt ngục thành công. Đồng chí Trần Đăng Ninh được cử làm Ủy viên Ủy ban Quân sự cách mạng Bắc Kỳ.  Tháng 8/1945, đồng chí được cử vào Tổng bộ Việt Minh, tham gia Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc; tham gia Đại hội Quốc dân Tân Trào (ngày 16 - 17/8/1945). Cách mạng Tháng Tám nổ ra, đồng chí Trần Đăng Ninh được phân công cùng đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy quân giải phóng, tiến đánh tỉnh lỵ Thái Nguyên.  Cách mạng Tháng Tám thành công, đồng chí Trần Đăng Ninh được cử làm Đặc phái viên của Trung ương Đảng vào công tác ở Trung Bộ và Nam Bộ, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đến với đồng bào miền Nam. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, trở ra Bắc, đồng chí Trần Đăng Ninh và đồng chí Nguyễn Lương Bằng được Chủ tịch Hồ Chí Minh giao nhiệm vụ lên Việt Bắc xây dựng căn cứ địa.  Năm 1947, đồng chí Trần Đăng Ninh được cử giữ chức Trưởng ban Kiểm tra Trung ương Đảng.  Tháng 12/1949, đồng chí kiêm chức Tổng Thanh tra phó, Ban Thanh tra Chính phủ. Dưới sự lãnh đạo của đồng chí, cơ cấu tổ chức, bộ máy cán bộ của hai cơ quan này đã được xây dựng và hoạt động.  Giữa năm 1950, đồng chí được cử làm Đặc phái viên Chính phủ phụ trách sửa chữa cầu đường và huy động nhân lực, vật lực phục vụ kháng chiến. Sau đó được điều sang công tác trong quân đội, giữ chức Chủ nhiệm Tổng cục Cung cấp (sau là Tổng cục Hậu cần), Ủy viên Tổng quân ủy (1950 - 1955).  Trong Chiến dịch Biên giới năm 1950, đồng chí là Trưởng ban Cung cấp Chiến dịch Biên giới (1950).  Tháng 2/1951, Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng , đồng chí Trần Đăng Ninh được bầu làm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam. Đồng chí được Trung ương Đảng và Bác Hồ phân công chỉ đạo xây dựng lực lượng cung cấp cho quân đội, huy động và xây dựng lực lượng dân công phục vụ các chiến dịch: Tây Bắc (năm 1952); các chiến dịch Thượng Lào và đặc biệt là phục vụ, tiếp tế, góp phần làm nên Chiến thắng Điện Biên Phủ.  Hòa bình lập lại ở miền Bắc, đồng chí Trần Đăng Ninh về tiếp quản Hà Nội.  Ngày 6/10/1955, đồng chí Trần Đăng Ninh mất.  *(Nguồn: Báo Sơn La)* | |
| **4.2** | **Tướng lĩnh Quân đội nhân dân Việt Nam: 14 tên** | | |
| 1 | **Phùng Chí Kiên** | Đồng chí Phùng Chí Kiên (1901 - 1941), tên thật là Nguyễn Vĩ. Quê quán: xã Diễn Châu, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.  Cấp bậc: Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 89/SL truy phong cấp tướng cho đồng chí Phùng Chí Kiên. Đây là sắc lệnh phong tướng đầu tiên của Nhà nước.  TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG:  Năm 1925, Nguyễn Vĩ được kết nạp vào Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở Quảng Châu. Từ đây, Nguyễn Vĩ được giác ngộ, dìu dắt, giúp đỡ,  Tháng 10/1926, Nguyễn Vĩ được cử đến Quảng Châu dự lớp huấn luyện chính trị đầu tiên do Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc tổ chức và đổi tên là Phùng Chí Kiên. Sau khóa học, Phùng Chí Kiên được Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc gửi vào học Trường Quân sự Hoàng Phố.  Tháng 12/1927, khi khởi nghĩa ở Quảng Châu nổ ra, Phùng Chí Kiên chỉ huy một đơn vị của đội quân cộng sản.  Ngày 30/12/1928, đồng chí Phùng Chí Kiên bị quân Tưởng bắt giam. Sau 9 tháng giam cầm, Phùng Chí Kiên được trả tự do và trở lại Trường Quân sự Hoàng Phố.  Tháng 12/1929, Phùng Chí Kiên được kết nạp vào Đảng Cộng sản Trung Quốc, gia nhập Hồng quân.  Tháng 12/1930, Phùng Chí Kiên về Hồng Kông (Trung Quốc). Tại đây, đồng chí được gặp lại Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và được truyền đạt những chủ trương, đường lối mới của Đảng. Đồng chí được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương.  Tháng 01/1931, Phùng Chí Kiên sang học trường Đại học Phương Đông.  Năm 1934, về Ma Cao, Trung Quốc và tham gia Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng.  Tháng 3/1935, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Đảng, đồng chí được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng và được chỉ định vào Ban Thường vụ của Đảng.  Giữa năm 1937, đồng chí được cử về Sài Gòn cùng đồng chí Hà Huy Tập trực tiếp chỉ đạo phong trào cách mạng trong nước. Do yêu cầu mới của cách mạng, cuối năm 1937, đồng chí quay lại Hồng Kông (Trung Quốc) lãnh đạo Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng thay cho đồng chí Lê Hồng Phong về nước hoạt động. Đồng chí thường xuyên giữ liên lạc với trong nước, với Đảng Cộng sản Xiêm, Đảng Cộng sản Trung Quốc, đến cuối tháng 10/1938, đồng chí bị bắt. Sau khi được trả tự do và bị trục xuất khỏi Hồng Kông (Trung Quốc), đồng chí Phùng Chí Kiên đến hoạt động tại tỉnh Quảng Đông, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc.  Ngày 28/01/1941, Phùng Chí Kiên theo Nguyễn Ái Quốc về Pác Bó, Cao Bằng. Ở đây, Đồng chí đã góp phần quan trọng vào việc xây dựng, bảo vệ khu căn cứ, tham gia soạn thảo các bài viết về "Con đường giải phóng dân tộc", trong đó có nội dung về đấu tranh vũ trang, chiến tranh cách mạng, chiến thuật chiến tranh du kích, đồng thời tham gia tổ chức các lớp huấn luyện quân sự, đào tạo cán bộ Việt Minh cho các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn và các tỉnh miền xuôi. Tại Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 (5/1941), đồng chí Phùng Chí Kiên được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng và được phân công phụ trách công tác quân sự Đảng, trực tiếp chỉ đạo khu căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai và Đội Cứu quốc quân.  Cuối tháng 6/1941, Pháp mở cuộc càn quét lớn vào khu căn cứ cách mạng nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não của Việt Minh và lực lượng vũ trang cách mạng mới hình thành. Do chênh lệch lực lượng và vũ khí, Ban lãnh đạo căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai quyết định để lại một tiểu đội chặn đối phương, còn hai tiểu đội phá vòng vây, rút lên Cao Bằng để bảo toàn lực lượng.  Ngày 21/8, đơn vị lại bị phục kích tại xã Bằng Đức trên đường đi Cao Bằng. Mặc dù bị thương nặng, đồng chí Phùng Chí Kiên vẫn giữ chặt khẩu súng, bắn chặn quân địch để đồng đội thoát khỏi vòng vây.  Ngày 22/8/1941, đồng chí bị địch chặt đầu cắm ở đầu cầu Ngân Sơn để uy hiếp tinh thần cán bộ và Nhân dân địa phương.Tinh thần cách mạng kiên trung, bất khuất của đồng chí như một ngọn gió thổi bùng ý chí chiến đấu của quân và dân chiến khu Việt Bắc tiếp tục tiến hành các cuộc khởi nghĩa giành độc lập.  Đến ngày 23/9/1947, ghi nhận công lao của đồng chí Phùng Chí Kiên trong công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng. Tháng 11/2003, Đảng, Chính phủ ra quyết định công nhận đồng chí Phùng Chí Kiên là nguyên ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng (khóa I), cán bộ lãnh đạo quân đội cấp tướng, liệt sĩ hy sinh anh dũng trong chiến đấu.  *(Nguồn: Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam - dangcongsan.vn)* | |
| 2 | **Lê Thiết Hùng** | Đồng chí Lê Thiết Hùng (1908 - 1986), bí danh Lê Quốc Vọng.  Quê quán: Làng Đông Thôn, tổng Thông Lãng (nay là xã Hưng Thông), huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.  Cấp bậc: Thiếu tướng.  TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG:  Năm 1925, ông được Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trực tiếp kết nạp vào Việt Nam cách mạng thanh niên, được cử đi học Trường quân sự Hoàng Phố (Trung Quốc), rồi được giao nhiệm vụ tham gia quân đội Tưởng Giới Thạch, được phong quân hàm tới đại tá (đại hiệu).  Cuối năm 1941, tại Pác Bó (Cao Bằng) với bí danh Lê Quốc Vọng, ông được Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc giao nhiệm vụ cùng với ông Lê Quảng Ba lập Đội vũ trang đầu tiên gồm 12 người. Đó là đội du kích Pác Bó. Tuy chỉ tồn tại hơn 2 năm nhưng đội du kích Pác Bó đã làm được nhiều việc lớn: khống chế được bọn thổ phỉ, bảo vệ an toàn tính mạng và tài sản của Nhân dân, hạn chế được sự càn quét của binh lính địch, phân hóa và lôi cuốn được một bộ phận lý dịch ngả theo cách mạng… Đội du kích Pác Bó đã có 6 đội viên được tuyển chọn vào Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân. Tiếp đó, Lê Thiết Hùng cùng Võ Nguyên Giáp phụ trách Ban Xung phong Nam Tiến, mở đường về xuôi...Cách mạng Tháng Tám thành công.  Thời gian đầu, ông còn phải quay trở lại các vùng biên giới Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Yên, Móng Cái… để chuẩn bị đối phó với "Hoa quân nhập Việt". Rồi ông lại về Hải Phòng để phát triển lực lượng tự vệ chiến đấu, chuẩn bị thế trận chiến tranh Nhân dân.Trước những biến chuyển mau chóng của đất nước, Lê Quốc Vọng được Hồ Chủ tịch giao làm Chiến khu trưởng đầu tiên Chiến khu 4 (nay là Quân khu 4).  Trở ra Thủ đô, ông được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thường vụ Trung ương Đảng cử giữ chức chỉ huy “Đội Tiếp phòng quân”, Bác đặt tên mới cho Lê Quốc Vọng là Lê Thiết Hùng. Cái tên này đi theo ông đến cuối đời. Lê Thiết Hùng là người được phong quân hàm tướng đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam từ năm 1946, trước đợt phong quân hàm chính thức 2 năm (1948). Hoàn thành nhiệm vụ chỉ huy "Đội tiếp phòng quân", ông trở lại làm Khu trưởng Khu 4, rồi làm Tổng thanh tra quân đội, Cục trưởng Cục Quân huấn và Hiệu trưởng Trường Võ bị Trần Quốc Tuấn. Chính ông là người đề xuất đổi tên Võ bị Trần Quốc Tuấn thành Trường Lục quân Trần Quốc Tuấn để đào tạo cán bộ quân sự toàn diện.  Từ năm 1963, ông được giao trọng trách mới: Đại sứ Đặc mệnh toàn quyền Nước Việt Nam Dân Chủ Cộng hòa tại CHDCND Triều Tiên, Phó trưởng Ban Đối ngoại Trung ương Đảng…Thiếu tướng Lê Thiết Hùng được Nhà nước truy tặng Huân chương Hồ Chí Minh.  *(Nguồn: An ninh thế giới - antgct.cand.vn)* | |
| 3 | **Lê Quảng Ba** | Lê Quảng Ba (1914 - 1988), tên thật là Đàm Văn Mông, người dân tộc Tày.  Quê quán: Xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.  Cấp bậc: Thiếu tướng (1958).  TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG:  Tham gia cách mạng từ rất sớm, được kết nạp vào Đảng năm 1933. Mùa xuân Tân Tỵ, ngày 28/1/1941, đồng chí vinh dự là thành viên và là người bảo vệ, dẫn đường đoàn cán bộ đón Bác Hồ về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam sau 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước, cứu dân.Đồng chí là Đội trưởng Đội du kích Pác Bó - một trong những đội du kích tập trung đầu tiên trực tiếp bảo vệ các đồng chí cán bộ Trung ương và Bác Hồ, làm nhiệm vụ thông tin, liên lạc.  Những năm 1946 - 1955, được Đảng tin tưởng giao nhiệm vụ, đồng chí Lê Quảng Ba liên tục nắm giữ các cương vị trọng trách trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Đồng chí là Khu trưởng Khu Hà Nội (nay là Quân khu Thủ đô); Chỉ huy trưởng Mặt trận Đông Bắc duyên hải; Tư lệnh Thập Vạn Đại sơn giúp Hồng quân Trung Quốc tiêu diệt Quốc Dân Đảng; là Đại đoàn trưởng Đại đoàn 316, Tư lệnh Quân khu Việt Bắc.  Năm 1958, đồng chí được Nhà nước phong hàm Thiếu tướng.  Từ tháng 9/1960 đến năm 1971, đồng chí chuyển ngành công tác sang dân sự, là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam khóa I, II, III, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc Chính phủ, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Nông nghiệp Trung ương. Trong quá trình công tác, đồng chí Lê Quảng Ba vinh dự được Nhà nước tặng Huân chương Quân công hạng Nhì, hạng Ba, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Huân chương Chiến công hạng Nhì, Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng Nhất và nhiều danh hiệu cao quý khác.  *(Nguồn: Báo Cao Bằng điện tử - baocaobang.vn)* | |
| 4 | **Hoàng Văn Thái** | Đồng chí Hoàng Văn Thái ([1915](https://vi.wikipedia.org/wiki/1915) - [1986](https://vi.wikipedia.org/wiki/1986)), tên thật là Hoàng Văn Xiêm (bí danh là Ngô Quốc Bình) , Hoàng Văn Thái.  Quê quán: Tây An, Tiền Hải, Thái Bình.  Cấp bậc: Đại tướng (1958).  TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG:  Ông là một trong 34 chiến sĩ đầu tiên của Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân (22/12/1944), phụ trách công tác tình báo và kế hoạch tác chiến. Cách mạng Tháng Tám thành công, ông được Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp giao nhiệm vụ tổ chức cơ quan Bộ Tổng tham mưu.  Năm 1948, Hoàng Văn Thái được phong quân hàm Thiếu tướng.  Trong Chiến dịch Biên giới năm 1950, ông là Tổng tham mưu trưởng . Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, dưới sự chỉ đạo của Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Tổng Quân ủy và Bộ Quốc phòng, Hoàng Văn Thái đã cùng cơ quan Bộ Tổng tham mưu triển khai công tác giúp trên chỉ đạo tác chiến và xây dựng lực lượng, góp phần xứng đáng vào thắng lợi chung... Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, trên cư vị Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Phó Tổng tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Quân huấn, Hoàng Văn Thái đã tích cực chỉ đạo huấn luyện bộ đội, góp phần thực hiện chủ trương xây dựng Quân đội nhân dân chính quy và hiện đại.  Tháng 10/1967, ông được lệnh vào Nam Bộ giữ chức vụ Phó Bí thư Trung ương Cục, Phó bí thư Quân ủy Miền, Tư lệnh Bộ chỉ huy Miền. Tại đây, ông đã cùng các đồng chí trong Trung ương Cục, Quân ủy Miền và Bộ chỉ huy Miền lãnh đạo cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, các chiến dịch đánh bại cuộc hành quân Chen La 1, Chen La 2, Nguyễn Huệ ... giành thắng lợi to lớn.  Sau Hiệp định Pa-ra (1973), ông trở lại cơ quan Bộ Tổng tham mưu với cương vị Phó Tổng tham mưu trưởng thứ nhất phụ trách tác chiến và chi viên chiến trường.  Năm 1974, Hoàng Văn Thái được phong quân hàm Thượng tướng. Đất nước hoàn toàn giải phóng, trên cương vị là Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Hoàng Văn Thái được phân công chỉ đạo công tác tổng kết chiến tranh, biên soạn lịch sử quân sự và tham gia chỉ đạo công tác nghiên cứu khoa học và nghệ thuật quân sự Việt Nam.  Năm 1980, ông được phong quân hàm Đại tướng. Hoàng Văn Thái là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng từ khóa III đến khóa V; Ủy viên Thường vụ Đảng ủy quân sự Trung ương; [Đại biểu Quốc hội Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1i_bi%E1%BB%83u_Qu%E1%BB%91c_h%E1%BB%99i_Vi%E1%BB%87t_Nam) khóa VII. Với những công lao và cống hiến, ông đã được tặng thưởng: Huân chương Hồ Chí Minh; hai Huân chương Quân công (hạng Nhất và hạng Nhì); huân chương Chiến thắng hạng Nhất; Huân chương Kháng chiến hạng Nhất.  *(Nguồn: Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân. NXB Quân đội nhân dân, năm 2003)* | |
| 5 | **Hoàng Sâm** | Đồng chí Hoàng Sâm (1915- 1968), Tên thật là Trần Văn Kỳ.  Quê quán: Làng Lệ Sơn, nay là làng Văn Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.  Cấp bậc: Thiếu tướng.  TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG:  Người Đội trưởng đầu tiên của Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân (Bí danh Hoàng Sâm do đích thân Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đặt cho ông thời kỳ hoạt động bên Trung Quốc).  Ông được sắc phong quân hàm Thiếu tướng năm 1948 (một trong mười vị tướng đầu tiên của QĐND Việt Nam), có nhiều công lao đóng góp cho quân đội. Tháng 12 năm 1968, ông hy sinh tại chiến trường Bình - Trị - Thiên ở tuổi 53 khi mà tài năng quân sự đang vào độ tuổi chín và tiếp tục tỏa sáng.  Thiếu tướng Hoàng Sâm là đại biểu Quốc hội khóa II và khóa III, ông đã được tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Quân công hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Huân chương chiến công hạng Nhất, Huân chương Chiến thắng và Huân chương Quân kỳ Quyết thắng.  *(Nguồn: Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân. NXB Quân đội nhân dân, năm 2003)* | |
| 6 | **Bằng Giang** | Đồng chí Bằng Giang (1915 - 1990 ), tên thật là Nguyễn Văn Cơ, người dân tộc dân tộc Tày.  Quê quán: Bản Thắc Tháy, xã Đức Long (Hòa An).  Cấp bậc: Trung tướng (1974).  TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG:  Từ năm 1930 - 1932, phong trào đấu tranh cách mạng của các tầng lớp Nhân dân châu Hòa An lên cao, nhất là sau khi chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của tỉnh được thành lập tại Nặm Lìn, xã Hoàng Tung ngày 1/4/1930. Nguyễn Văn Cơ hăng hái tham gia vào phong trào đấu tranh của quần chúng cách mạng tại địa phương.  Tháng 3/1935, Nguyễn Văn Cơ được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam với bí danh Nguyễn Bằng Giang, thường gọi là Bằng Giang. Đồng chí tích cực tham gia đấu tranh trong phong trào đòi dân chủ, dân sinh những năm 1936 - 1939 và tham gia các tổ chức đoàn thể cứu quốc.  Tháng 1/1941, đồng chí là Tỉnh ủy viên, đảm trách công tác giao thông. Trên cơ sở thí điểm Mặt trận Việt Minh ở các châu Hòa An, Hà Quảng, Nguyên Bình để rút kinh nghiệm và nhân rộng phong trào Việt Minh ra các địa bàn trong tỉnh, tháng 4/1941, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc chỉ thị cho đồng chí Vũ Anh triệu tập Hội nghị cán bộ Cao Bằng tại Goọc Mu, thuộc Pác Bó (Hà Quảng). Huyện Hòa An có bốn đại biểu được mời dự, đó là các đồng chí: Hồng Việt, Hồng Lĩnh, Hồng Sơn, Bằng Giang.  Tháng 1/1943, đồng chí là Ủy viên Ban Thường vụ Liên Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng, trực tiếp phụ trách công tác binh vận; đến tháng 1/1944 là Tỉnh ủy viên Đảng bộ tỉnh, phụ trách công tác quân sự.  Từ năm 1946 - 1958, đồng chí được Đảng phân công đảm trách những cương vị công tác quan trọng, là Khu trưởng Quân khu 1, Khu trưởng Quân khu 10, Phái viên Bộ tổng Tư lệnh đặc trách tiễu phỉ ở Lao - Hà, sau đó là Tư lệnh Quân khu Tây Bắc.  Những năm 1965 - 1976, đồng chí liên tục giữ các cương vị: Hiệu trưởng Trường Sĩ quan Lục quân, Tư lệnh Quân khu Việt Bắc kiêm Chủ tịch Ủy ban Hành chính Khu tự trị Việt Bắc; Phó Tổng Thanh tra Quân đội nhân dân Việt Nam.  Tháng 4/1974, đồng chí được Đảng, Nhà nước phong hàm Trung tướng Quân đội nhân dân Việt Nam.Với công lao, cống hiến của mình, đồng chí vinh dự được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Quân công hạng Nhất, Huân chương Chiến thắng hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất và nhiều danh hiệu cao quý khác.  *(Nguồn: Báo Cao Bằng)* | |
| 7 | **Nguyễn Thái Dũng** | Đồng chí Nguyễn Thái Dũng, tên thường gọi là Nguyễn Hữu Thái (1920 - 1993), người dân tộc Kinh.  Quê quán: Phố Cũ, thị xã Cao Bằng. Nhập ngũ 8/1945.  TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG:  Cấp bậc: Thiếu tướng (1974).  Tháng 5/1946, đồng chí vinh dự được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam. Tháng 12/1946, đồng chí là Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 140, làm nhiệm vụ bảo vệ Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam.  Từ tháng 12/1949 - 5/1955, đồng chí đảm nhiệm những vị trí trọng trách: Trung đoàn phó và sau đó là Trung đoàn trưởng Trung đoàn 88, thuộc Sư đoàn 308 Sư đoàn chủ lực của Bộ; Trưởng phòng Tác chiến, Cục phó Cục Tác chiến kiêm Trưởng Phòng tác chiến. Sau khi tốt nghiệp Học viện Quân sự Nam Kinh (Trung Quốc), tháng 4/1964, đồng chí được bổ nhiệm làm Tư lệnh Sư đoàn 308.  Tháng 6/1966,  đồng chí Nguyễn Thái Dũng được phong làm Sư đoàn trưởng Sư đoàn 325 chủ lực của Bộ Quốc phòng, chỉ huy quân vào Nam chiến đấu.  Tháng 6/1967, đồng chí là Tư lệnh Sư đoàn 304, thuộc Quân khu Tả Ngạn, đến tháng 9/1968 là Phó Tư lệnh Quân khu Tả Ngạn.  Từ năm 1968 - 1979, đồng chí Nguyễn Thái Dũng liên tục nắm giữ các cương vị trọng trách trong quân đội: Hiệu trưởng Trường Sĩ quan Lục quân Việt Nam, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Duyệt binh, cán bộ nghiên cứu Viện Khoa học Quân sự thuộc Bộ Quốc phòng.  Năm 1974, đồng chí được Đảng, Nhà nước phong quân hàm Thiếu tướng.  Đồng chí Nguyễn Thái Dũng đã được Đảng, Nhà nước tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Ba, Huân chương Chiến thắng hạng Nhất, Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất.  *(Nguồn: Báo Cao Bằng điện tử - baocaobang.vn)* | |
| 8 | **Vũ Nam Long** | Đồng chí Vũ Nam Long, tên thật là Đoàn Văn Ưu (1921 - [1999](http://vi.wikipedia.org/wiki/1999)), người dân tộc [Tày](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%A0y).  Quê quán: X[ã Đề Thám](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=X%C3%A3_%C4%90%E1%BB%81_Th%C3%A1m&action=edit&redlink=1), thị xã [Cao Bằng](http://vi.wikipedia.org/wiki/Cao_B%E1%BA%B1ng) (nay là phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng).  Cấp bậc: Trung tướng (1981).  TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG:  Tham gia cách mạng từ năm 1940 tại quê nhà. Sau Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ VIII tại Pác Bó, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy Cao Bằng, nhiều thanh niên đã lên đường sang Trung Quốc tham dự các lớp đào tạo cán bộ. Tháng 6/1941, Vũ Nam Long trở thành học viên Trường Quân sự Hoàng Phố (Trung Quốc).  Tháng 1/1945, đồng chí vinh dự được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam. Được Đảng và quân đội quan tâm đào tạo cán bộ chiến lược lâu dài, tháng 4/1946, đồng chí được cử đi học tại Liên bang Nga, học viên Học viện Quân sự Vôrôsilốp. Sau khi tốt nghiệp khóa học, từ tháng 12/1958, đồng chí là Phó Tư lệnh kiêm Tham mưu trưởng Bộ Tư lệnh Pháo binh.  Từ tháng 2/1961, đồng chí là Phó Tư lệnh Quân khu Tả Ngạn. Từ tháng 2/1962 là Phó Tư lệnh Quân khu 4, từ tháng 1/1964 là Tư lệnh Quân khu 4. Đến tháng 1/1967, đồng chí là Phó Tư lệnh Quân khu Trị - Thiên - Huế.  Tháng 4/1974, đồng chí được Đảng, Nhà nước phong quân hàm Thiếu tướng Quân đội nhân dân Việt Nam. Từ tháng 6 - 11/1967, đồng chí được đề bạt làm Phó Giám đốc Học viện Quân sự, rồi Phó Giám đốc Học viện Quân sự cấp cao của Bộ Quốc phòng.  Tháng 6/1981, đồng chí được Đảng, Nhà nước phong quân hàm Trung tướng Quân đội nhân dân Việt Nam.  Suốt đời tận tụy phụng sự cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng chí được Đảng, Nhà nước tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Quân công hạng Nhất, Huân chương Chiến thắng hạng Nhất.  *(Nguồn: Báo Cao Bằng điện tử - baocaobang.vn)* | |
| 9 | **Đàm Quang Trung** | **Đồng chí Đàm Quang Trung (1921 - 1995), tên thật là Đàm Ngọc Lưu, người dân tộc Tày.**  **Quê quán: Làng Nà Nghiềng, xã Sóc Hà (Hà Quảng).**  **Cấp bậc: Thượng tướng.**  TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG:  Năm 16 tuổi, Đàm Ngọc Lưu tiếp bước theo gương hai anh ruột Đàm Văn Lý (tức Quý Quân), Đàm Minh Viễn (tức Đức Thanh) tham gia hoạt động cách mạng.  Tháng 2/1939, trong lúc phong trào đấu tranh phản đế dâng lên mạnh mẽ, Đàm Quang Trung vinh dự được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam.  Tháng 5/1940, đồng chí bị thực dân Pháp bắt giam; tháng 3/1941, đồng chí ra tù và tiếp tục hăng hái hoạt động. Sau đó, đồng chí Đàm Quang Trung được Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc cử đi học Trường Quân sự Hoàng Phố.  Đến tháng 9/1944, đồng chí về nước trực tiếp huấn luyện du kích ở các xã biên giới.  Ngày 22/12/1944, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân được thành lập và nhanh chóng phát triển đội viên thành các đơn vị chủ lực đầu tiên. Đồng chí Đàm Quang Trung gia nhập Đội và trở thành cán bộ Trung đội, Đại đội trưởng, Chi đội trưởng Đội Tuyên truyền Giải phóng quân tại Thái Nguyên.  Tháng 8/1945, đồng chí được phân công chỉ huy Đại đội Việt - Mỹ cùng các lực lượng vũ trang tiến hành tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân, tiến về Hà Nội trực tiếp bảo vệ Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.  Tháng 3/1946, đồng chí được Đảng giao nhiệm vụ làm Khu đội trưởng Đặc khu Hà Nội.  Tháng 4/1946, đồng chí là Trung đoàn trưởng Trung đoàn 31, Khu V, Chỉ huy trưởng Mặt trận Quảng Nam - Đà Nẵng. Khi Liên khu V được thành lập, tháng 10/1948, đồng chí được bổ nhiệm làm Phó Tư lệnh kiêm Trung đoàn trưởng Trung đoàn chủ lực của Liên khu V.  Từ tháng 1/1951 - 1952, đồng chí tham dự khóa đào tạo cán bộ trung cấp Trường Sĩ quan Lục quân Việt Nam. Kết thúc khóa học (khóa 6), đồng chí được bổ nhiệm Đại đoàn phó Đại đoàn 312, một trong những đơn vị chủ lực đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam. Trong Chiến dịch Hòa Bình, Đại đoàn 312 đã hiệp đồng tác chiến cùng các Đại đoàn chủ lực 304, 308, 315 đập tan âm mưu, kế hoạch của thực dân Pháp, giải phóng thị xã Hòa Bình, tiêu diệt địch trên đường số 6, lập chiến công xuất sắc trên địa bàn Tu Vũ, Ba Vì… Sau đó, Đại đoàn 312 tham gia Chiến dịch Tây Bắc, phối hợp với Đại đoàn 308, 316, các lực lượng vũ trang lập công lớn, phá tan âm mưu “xứ Thái tự trị” của thực dân Pháp.   Trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, Đại đoàn 312 được giao nhiệm vụ mở màn tiêu diệt cứ điểm Him Lam, phối hợp cùng các đơn vị bạn thọc sâu vào tập đoàn cứ điểm, bắt sống toàn bộ chỉ huy, góp phần quan trọng vào thắng lợi của chiến dịch  Tại lễ duyệt binh ở Mường Phăng ngày 13/5/1954, đồng chí vinh dự được thay mặt các đơn vị lập công nhận lá cờ “Quyết chiến, quyết thắng” từ tay Đại tướng Võ Nguyên Giáp.  Những năm 1955 - 1966, đồng chí liên tục được nắm giữ những cương vị trọng trách, là Tư lệnh Đại đoàn 312, Tư lệnh Quân khu Đông Bắc, sau đó là Phó Tư lệnh Quân khu Tả Ngạn; Thường vụ Quân khu ủy - Tư lệnh Quân khu Việt Bắc.  Từ năm 1966 - 1967, đồng chí Đàm Quang Trung được điều động về làm Tư lệnh Bộ Tư lệnh tiền phương kiêm Phó Tư lệnh Quân khu 4, sau đó là Bí thư Khu ủy - Tư lệnh Quân khu.  Tháng 4/1974, đồng chí Đàm Quang Trung vinh dự được Đảng và Nhà nước phong quân hàm Thiếu tướng. Đến tháng 5/1976, đồng chí được bổ nhiệm làm Tư lệnh Quân khu 1, Bí thư Quân ủy Quân khu. Đồng chí còn là một chính khách chính trị, nguyên là Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Ủy viên Trung ương Đảng khóa IV, V, VI; đại biểu Quốc hội từ khóa V đến khóa VIII. Tháng 1/1980, đồng chí được Đảng, Nhà nước phong quân hàm Trung tướng Quân đội nhân dân Việt Nam. Bước vào thời kỳ đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, đồng chí vinh dự được phong quân hàm Thượng tướng.  Đồng chí được Đảng, Nhà nước tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Chiến công hạng nhất, Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng nhất, nhì, ba và Huy chương Quân kỳ Quyết thắng cùng nhiều danh hiệu cao quý.  *(Nguồn: Báo Cao Bằng điện tử - baocaobang.vn)* | |
| 10 | **Lê Thùy** | Đồng chí Lê Thùy (1922 - 1999), tên thật: Lê Văn Lộc, là người dân tộc Tày.  Quê quán: Xã Dân Chủ, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.  Cấp bậc: Trung tướng (1986).  TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG:  Đồng chí được kết nạp vào Đảng 4/1941. Tháng 12/1942, đồng chí Lê Thùy thoát ly hoạt động, xa quê nhà đến với các tỉnh: Bắc Kạn, Tuyên Quang, Yên Bái để xây dựng cơ sở cách mạng. Tháng 5/1945, đồng chí là Chính trị viên Đại đội Giải phóng quân Chiêm Hóa (Tuyên Quang), tham gia đắc lực vào cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945.  Tháng 1/1946, đồng chí là Ủy viên Ban Quân sự Tuyên Quang, phụ trách công tác đảng kiêm Chính trị viên Trung đoàn Tuyên Quang.  Từ tháng 8/1948 - 2/1952, đồng chí là Trung đoàn trưởng Trung đoàn 165, Sư đoàn 312 Sư đoàn Chiến thắng, trực thuộc Quân đoàn 1 (Binh đoàn Quyết Thắng), là những đơn vị chủ lực đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam. Dưới sự chỉ huy của đồng chí, Trung đoàn tham gia Chiến dịch Lê Hồng Phong, Chiến dịch Hòa Bình, Chiến dịch Lý Thường Kiệt, Chiến dịch Điện Biên Phủ và lập nhiều công lớn, giải phóng huyện Bắc Hà và tỉnh lỵ Lào Cai.  Tháng 12/1954, đồng chí là Chỉ huy phó Tổng đội Biên phòng, tháng 1/1956 là Sư đoàn trưởng Sư đoàn 335. Sau thời gian được đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cao cấp của quân đội, tốt nghiệp Học viện Quân sự Nam Kinh (Trung Quốc).  Năm 1964, đồng chí đảm nhiệm vị trí Tư lệnh Sư đoàn 316 Sư đoàn Bông Lau, chủ lực của Quân khu 2, Quân đội nhân dân Việt Nam.  Từ tháng 01/1967 - 9/1970, đồng chí được giao nhiệm vụ làm Phó Tư lệnh Quân khu Tây Bắc kiêm Tư lệnh Sư đoàn 316, sau đó là Tư lệnh Quân khu Tây Bắc.  Tháng 4/1974, đồng chí vinh dự được Đảng, Nhà nước phong quân hàm Thiếu tướng Quân đội nhân dân Việt Nam.  Tháng 6/1976, đồng chí là Phó Tư lệnh Quân khu 1, tháng 6/1978 đồng chí là Phó Tư lệnh Quân khu 2.  Tháng 01/1986, Thiếu tướng Lê Thùy vinh dự được thăng quân hàm Trung tướng Quân đội nhân dân Việt Nam.  Đồng chí đã được Đảng, Nhà nước tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Ba; Huân chương Chiến công hạng Nhì, hạng Ba; Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Nhì, Ba và nhiều danh hiệu cao quý khác.  *(Nguồn: Báo Cao Bằng điện tử - baocaobang.vn)* | |
| 11 | **Chu Phương Đới** | Đồng chí Chu Phương Đới (1922 - 2007),  Quê quán: Xã Hưng Đạo, huyện Hòa An (nay là thành phố Cao Bằng).  Cấp bậc: Thiếu tướng (1980).  TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG:  Năm 24 tuổi, Chu Phương Đới tham gia hoạt động cách mạng. Thoát ly khỏi quê nhà từ rất sớm, đồng chí đã trưởng thành nhanh chóng trong quân ngũ và trở thành vị tướng tài năng của Quân đội nhân dân Việt Nam, từng trải qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược.  Cuộc đời hoạt động của đồng chí Chu Phương Đới gắn với nhiều địa bàn chiến khu các miền trong nước (từ chiến trường Việt Bắc, Tây Bắc, Bình Trị Thiên đến Tây Nguyên). Từ năm 1964 - 1970, đồng chí đảm nhiệm Phó Tư lệnh Sư đoàn 324, thuộc Quân khu 4, sau đó là Tư lệnh Sư đoàn 325, Quân khu 4.  Tháng 6/1978, đồng chí làm Phó Tư lệnh Binh đoàn 678, đơn vị có nhiệm vụ giúp nước bạn Lào bảo vệ chính quyền và thành quả cách mạng, tiễu phỉ, trừ gian, ổn định cuộc sống của nhân dân. Đơn vị đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trên tinh thần quốc tế cao cả, được Nhà nước Lào và nhân dân trân trọng.  Tháng 2/1981, đồng chí là Tư lệnh Binh đoàn 678. Suốt quá trình công tác, cống hiến bền bỉ, lập nhiều công lớn, đồng chí được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhì, Huân chương Quân công hạng Nhì, Huân chương Chiến công hạng Nhì, Huân chương Kháng chiến hạng Ba, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất, Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba và nhiều danh hiệu cao quý khác.  *(Nguồn: Báo Cao Bằng điện tử - baocaobang.vn)* | |
| 12 | **Vũ Lập** | Đồng chí Vũ Lập (1924 - 1987), tên thật là Nông Văn Phách, người dân tộc [Tày](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%A0y).  Quê quán: Xã [Vĩnh Quang](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=V%C4%A9nh_Quang,_H%C3%B2a_An,_Cao_B%E1%BA%B1ng&action=edit&redlink=1), thị xã [Cao Bằng](http://vi.wikipedia.org/wiki/Cao_B%E1%BA%B1ng).  Cấp bậc: Thượng tướng (1984).  TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG:  Tham gia cách mạng từ năm 1941, được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 2 năm 1945. Tháng 12/1945, đồng chí được điều động về làm Chi đội trưởng kiêm giáo viên Trường Quân chính; đến tháng 12/1946, đồng chí là Trung đoàn trưởng Trung đoàn Vệ binh của Bộ Quốc phòng.  Tháng 2/1955, đồng chí Vũ Lập được đề bạt làm Tham mưu trưởng Đại đoàn 316 - Đại đoàn Bông Lau; tháng 6/1962, đồng chí được bổ nhiệm làm Tham mưu trưởng Quân khu Tây Bắc, sau đó được cử đi học tập, đào tạo tại Học viện Quân sự Trung Quốc. Kết thúc khóa học, đồng chí trở về và được giao nhiệm vụ Phó Tư lệnh kiêm Tham mưu trưởng Quân khu Tây Bắc.  Những năm 1970 - 1973, đồng chí được Đảng, Nhà nước, quân đội giao nhiệm vụ đảm trách những vị trí công tác quan trọng: Tư lệnh Quân tình nguyện Bộ Tư lệnh 959, giúp nước bạn Lào chiến đấu bảo vệ nền độc lập, xây dựng và phát triển đất nước.  Tháng 4/1974, đồng chí vinh dự được Đảng, Nhà nước phong quân hàm Thiếu tướng. Tháng 6/1974, đồng chí được đề bạt làm Tư lệnh Quân khu Tây Bắc.  Tháng 6/1976, đồng chí là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Tư lệnh Quân khu 1. Tháng 1/1977, đồng chí là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Trưởng Ban Dân tộc Trung ương.  Từ năm 1978 đến khi nghỉ hưu, đồng chí là Tư lệnh kiêm Chính ủy Tư lệnh Quân khu 2.  Tháng 1/1980, đồng chí vinh dự được Đảng, Nhà nước phong quân hàm Trung tướng.  Tháng 12/1984 được thăng quân hàm Thượng tướng. Đồng chí vinh dự được Đảng, Nhà nước tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh, 2 Huân chương Quân công hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất.  *(Nguồn: Báo Cao Bằng điện tử - baocaobang.vn)* | |
| 13 | **Đàm Văn Ngụy** | Đồng chí Đàm Văn Ngụy (1927 - 2015), có bí danh Văn Chung, người dân tộc Tày.  Quê quán: Xã Minh Khai, huyệnThạch An, tỉnh Cao Bằng.  Cấp bậc: Trung tướng (1984).  TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG:  Năm 1942, khi mới tròn 15 tuổi, Đàm Văn Ngụy hăng hái tham gia Việt Minh, làm liên lạc viên cho cán bộ tự vệ bí mật của châu Thạch An.  Tháng 1/1945, đồng chí gia nhập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân tại Thất Khê, Tràng Định (Lạng Sơn), làm Tiểu đội phó, thuộc Đại đội 2.  Tháng 9/1947, đồng chí vinh dự được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam. Kết thúc thắng lợi Chiến dịch Thu - Đông, tháng 12/1947, đồng chí là Trung đội phó của Đại đội 181 thuộc Trung đoàn 28; sau đó được điều động sang công tác tại Trung đoàn 174 (còn gọi là Trung đoàn Cao - Bắc - Lạng), giữ chức Quản trị trưởng, Trung đội trưởng của Đại đội 508.  Tháng 7/1952, đồng chí được cử đi học tập, đào tạo tại Trường Lục quân Việt Nam khóa 7. Kết thúc khóa học, đồng chí được bổ nhiệm làm Đại đội trưởng, quyền Tiểu đoàn phó của Trung đoàn 176, Sư đoàn Bông Lau 316.  Đến tháng 1/1956, đồng chí đi học Trường Quân sự bộ binh cấp cao ở Trung Quốc. Trở về Việt Nam, tháng 2/1960, đồng chí giữ chức Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 1, sau đó là Trung đoàn trưởng Trung đoàn 174, Sư đoàn 316.  Tháng 7/1956, đồng chí vinh dự được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Tháng 4/1960, đồng chí được điều động vào chiến trường B3, hoạt động trên Mặt trận Tây Nguyên.  Năm 1968, đồng chí được bổ nhiệm giữ chức Phó Tư lệnh Sư đoàn 1, Mặt trận B2.  Đầu những năm 1970, đồng chí Đàm Văn Ngụy được điều động giữ chức Quyền Tư lệnh Sư đoàn 7, sau đó là Đảng ủy viên, Chỉ huy phó Đoàn 301 thuộc Bộ Tư lệnh Miền.  Tháng 4/1976, đồng chí được phân công đảm nhiệm chức vụ Hiệu phó Trường Sĩ quan Chính trị, Phó Tư lệnh Quân khu 1.  Từ tháng 9/1978 - 1979, đồng chí là Chỉ huy trưởng quân sự Mặt trận thống nhất ở Cao Bằng, trực tiếp chỉ đạo các lực lượng vũ trang, góp phần làm nên chiến thắng chiến tranh biên giới tháng 2/1979, giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia trên toàn tuyến phía Bắc.  Tháng 01/1980, đồng chí được Đảng, Nhà nước phong quân hàm Thiếu tướng Quân đội nhân dân Việt Nam.  Tháng 01/1981, đồng chí đảm nhiệm Phó Tư lệnh Quân khu 1.  Tháng 12/1984, đồng chí vinh dự được thăng quân hàm Trung tướng Quân đội nhân dân Việt Nam.  Tháng 9/1985, đồng chí được cử đi học tại Học viện Quân sự Vô-lô-xi-lốp ở Liên Xô.  Tháng 12/1986, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, đồng là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng.  Tháng 4/1987, đồng chí được bổ nhiệm giữ chức Tư lệnh Quân khu 1, đại biểu Quốc hội khóa VII.  Tháng 6/1991, tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, đồng chí tiếp tục được bầu là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng.  Tháng 6/1996, đồng chí được bầu là Bí thư Đảng ủy Quân khu 1, đại biểu Quốc hội khóa VIII. Đến tháng 1/1997, đồng chí nghỉ hưu theo chế độ. Quá trình tham gia quân ngũ, đồng chí đã lập nhiều chiến công xuất sắc, được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Nhất; Huân chương Chiến công hạng Nhì, hạng Ba; Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng Nhất, Nhì, Ba; Huân chương Kháng chiến hạng Nhất; Huân chương Chiến thắng hạng Ba.  *(Nguồn: Báo Cao Bằng )* | |
| 14 | **Nguyễn Kim Hùng** | Đồng chí Nguyễn Kim Hùng (còn gọi là Nguyễn Khánh Đình).  Quê quán: Xã Hoàng Tung (Hòa An).  Cấp bậc: Thiếu tướng (1984).  TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG:  Tháng 3/1945, đồng chí tham gia Việt Minh và được bầu vào Ủy viên Ban Chấp hành Thanh niên cứu quốc xã Hoàng Tung, châu Hòa An.  Tháng 4/1945, đồng chí gia nhập Giải phóng quân và theo học lớp quân chính kháng Nhật của Trường Quân chính.  Tháng 5/1945, đồng chí vinh dự được kết nạp vào Đảng. Do yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quân đội, tháng 4/1949, đồng chí là học viên sĩ quan tham mưu khóa 4 Trường Trung cấp Quân sự.  Kết thúc khóa học, tháng 6/1950, đồng chí được phân công làm Trưởng Ban Trinh sát Sư đoàn 338.  Tháng 5/1955, đồng chí được điều động làm công tác giảng dạy tại Trường Trung Cao cấp Quân sự, là Chủ nhiệm Khoa Trinh sát.  Tháng 9/1959, đồng chí được cử đi học tại Học viện Quân sự Nam Kinh (Trung Quốc). Sau khi trở về nước, từ tháng 10/1960 - 12/1961, đồng chí lần lượt đảm nhiệm các chức danh công tác: Chủ nhiệm Khoa Trinh sát Trường Quân sự cấp cao của Bộ Quốc phòng, Phó trưởng Phòng Nghiên cứu học thuật thuộc Học viện Quân chính.  Tháng 5/1965, đồng chí là cán bộ Cục Nghiên cứu của Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam, từ đó, đồng chí được điều động vào chiến trường Tây Nguyên và làm Trưởng Ban Quân báo B3.  Tháng 10/1968, đồng chí được đề bạt giữ chức Tham mưu phó B3 kiêm Trưởng Phòng Quân báo B3.  Tháng 2/1969, đồng chí được điều động ra miền Bắc, đến tháng 5/1969 là Cục phó Cục Tình báo của Bộ Tổng Tham mưu. Tháng 11/1973, đồng chí làm Chủ nhiệm Trinh sát Quân đoàn 1.  Tháng 2/1975, đồng chí là Cục phó Cục Tình báo Bộ Tổng Tham mưu.  Tháng 4/1984, đồng chí được Đảng, Nhà nước phong quân hàm Thiếu tướng.  Đồng chí được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Quân công hạng nhì, hạng ba; 2 Huân chương Chiến công hạng Nhì; Huân chương Chiến thắng hạng Nhì, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất; Huân chương Chiến sĩ Giải phóng hạng Nhất, Nhì, Ba.  *(Nguồn: Báo Cao Bằng điện tử - baocaobang.vn)* | |
| **4.3** | **Nhân vật lịch sử: 46 tên** | | |
| 1 | **Thục Phán** | Thục Phán: Họ Thục, tên húy là Phán, đóng đô ở Phong Khê (nay là thành Cổ Loa). Theo truyền thuyết "Cẩu chủa cheng vùa" được lưu truyền phổ biến trong vùng đồng bào Tày Cao Bằng, kể về quá trình hình thành nhà nước Nam Cương, quá trình làm vua nước Nam Cương của Thục Chế và con trai là Thục Phán, người sau này cũng trở thành vua của nhà nước hợp nhất Âu Lạc và dời đô xuống Cổ Loa (nay thuộc huyện Đông Anh, ngoại thành Hà Nội).  Trong giới sử học nước ta, nhiều ý kiến cũng khẳng định Thục Phán là một lãnh tụ của nước Nam Cương của người Âu Việt, địa bàn chủ yếu của nước Nam Cương là tỉnh Cao Bằng ngày nay và miền đất nằm ở phía Đông sông Tả Giang của Quảng Tây, Trung Quốc. Thục Phán là một nhân vật nằm trong khối cộng đồng người Việt, hoạt động ở miền Bắc nước Văn Lang, trong đó có tỉnh Cao Bằng ngày nay... Uy tín của Thục Phán cho phép ông đoàn kết được người Tây Âu và Lạc Việt. Thế kỷ III TCN, khối đoàn kết này là cơ sở chính trị, là nguồn gốc lực lượng để người Việt đánh bại quân Tần. Sau khi kháng chiến chống quân Tần thắng lợi, Thục Phán đã sáp nhập hai vùng lãnh thổ Tây Âu và Lạc Việt thành lập nước Âu Lạc, hiệu là An Dương Vương, đóng đô ở Cổ Loa (Đông Anh - Hà Nội).  Hiện nay trên địa bàn tỉnh Cao Bằng còn một số di tích lịch sử địa danh liên quan đến Thục Phán như: Di tích Thành Bản phủ xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng; Đôi guốc đá, Tổng Chúp (thành phố Cao Bằng); Na Lữ, Hoàng Tung (huyện Hòa An).  *(Nguồn: Lịch sử tỉnh Cao Bằng. Nxb Chính trị quốc gia năm, Hà Nội, 2009)* | |
| 2 | **Nùng Trí Cao** | Nùng Trí Cao (1025 - 1053), sống vào nửa đầu thế kỷ XI , dưới thời Vua Lý Thái Tông. (ông là con của Nùng Tồn Phúc người ở châu Quảng Nguyên làm thủ lĩnh châu Thảng Do (Năm 1038, Nùng Tồn Phúc chiếm châu Vũ Lặc và Quảng Nguyên, năm 1039 tự xưng là Chiêu Thánh hoàng đế, lập nước Trường Sinh, lập vợ là A Nùng làm Minh Đức hoàng hậu).  Ông được nhà Lý giao làm Châu mục Quảng Nguyên, phong chức Thái Bảo, cấp ấn Đô tướng.  Nùng Trí Cao chiêu binh bãi mã, nổi dậy ở nhiều nơi, dựng nước Đại Lịch, Nam Thiên, Đại Nam; Khởi binh đánh đất Tống, vua Tống phải huy động binh hùng, tướng mạnh mới đánh dẹp được.  Cuộc nổi dậy của Nùng Trí Cao đã chứng tỏ ý chí quật cường của các dân tộc thiểu số ở vùng cao chống lại áp bức bóc lột của các thế lực phong kiến thống trị. Đồng thời, đánh tan các cuộc xâm lược của nhà Tống trên đất Cao Bằng, góp phần bảo vệ biên cương phía Bắc của Tổ quốc. Nùng Trí Cao được phong “Thượng đẳng thần, xuân thu nhị kỳ quốc tế”; các triều đại sau đều gia phong mỹ tự: “Khâu Sầm tế thế, an dân hãn ngoại, ninh thùy trấn dịch, anh nghị quả đoán hiển ứng thùy hưu, hộ quốc an dân đại vương”. Sau này, ông được truy phong Khâu Sầm Đại Vương (vua lớn của núi Khâu Sầm).  Tên tuổi ông được lưu truyền trong truyền thuyết dân gian vùng đất Cao Bằng, những kỳ tích về Nùng Trí Cao được Nhân dân ngưỡng mộ, tôn thờ, coi ông là biểu tượng của thánh thần, là biểu tượng của người hùng văn hóa và đồng bào đã coi ông là ông tổ của mình. Bên cạnh đó, hình ảnh Nùng Trí Cao như một vị thần và có dấu ấn sâu đậm trong đời sống văn hoá, tâm linh và tín ngưỡng của Nhân dân các dân tộc Cao Bằng.  Để tưởng nhớ ơn đức của Nùng Trí Cao, sau khi ông mất Nhân dân đã lập miếu thờ ông ở nhiều nơi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, đền lớn nhất là đền Kỳ Sầm, xã Vĩnh Quang, thành phố Cao Bằng (dưới chân núi Khâu Sầm). Hằng năm, lễ hội đền Kỳ Sầm được tổ chức vào ngày mồng 10 tháng Giêng.  Di tích được xếp hạng là Di tích lịch sử cấp Quốc gia, theo Quyết định số 43/VH/QH, ngày 07/01/1993 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin.  *(Nguồn: Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Cao Bằng, Địa Lý - Lịch Sử tỉnh Cao Bằng)* | |
| 3 | **Bà Hoàng** | Bà là vợ của Thủ lĩnh Nùng Tồn Phúc, là Minh Đức hoàng hậu, mẹ của Nùng Trí Cao (Một nhân vật lịch sử gắn liền với tâm thức của dân tộc Tày, Nùng). Thế kỷ XI, vua Lý phong A Nùng làm Bà Hoàng đại vương, phong “Thượng đẳng thần, xuân thu nhị kỳ quốc tế”, các triều đại đều gia phong mỹ tự: “Bà Hoàng phổ ứng, hiển linh diệu cảm, hồng lưu tĩnh trấn, hiển phù linh thông, phục viễn ninh cảnh, vũ di hiển hưu, cảm ứng hộ quốc, ninh dân dương vũ đinh công đại vương”.  Theo những câu chuyện được lưu truyền trong dân gian, Minh Đức hoàng hậu là một người phụ nữ đôn hậu, mưu lược, tài giỏi. Bà đã có công nuôi dạy, rèn luyện võ nghệ cho Nùng Trí Cao, sau này Trí Cao đã trở thành một anh hùng giúp nhà Lý trấn ải biên cương. Bà còn giúp con điều binh khiển tướng, thành lập đội kỵ binh, dạy võ nghệ cho binh sĩ ... Được nhà Lý mời làm cố vấn cho các tướng lĩnh. Ngoài ra bà còn dạy Nhân dân biết chăn nuôi gia súc, nên Nhân dân suy tôn bà là Thần gia súc.  Hiện nay, bà được thờ ở đền Bà Hoàng (đền nằm ở phía Đông thành phố Cao Bằng, được dựng ngay dưới chân núi Kim Pha, thuộc phường Sông Bằng (Khu Nà Cạn cũ). Đền Bà Hoàng được công nhận là di tích lịch sử văn hoá cấp tỉnh năm 2008. Hàng năm, lễ hội truyền thống tổ chức vào ngày Rằm tháng Giêng.  *(Nguồn: Lý lịch di tích Đền Bà Hoàng - Bảo tàng tỉnh năm 1992)* | |
| 4 | **Dương Tự Minh** | Dương Tự Minh (sống vào thời Lý - thế kỉ XI), là người dân tộc Tày.  Quê quán: Bản Danh, Quán Triều, phủ Phú Lương (nay là xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên), là danh tướng có tài, làm thủ lĩnh phủ Phú Lương (gồm châu Thượng Nguyên, Vĩnh Thông, Quảng Nguyên, Cảm Hóa, Vạn Nhai, Tư Nông, Tuyên Hóa), ngày nay thuộc Bắc Cạn, Thái Nguyên, Cao Bằng.  Ông làm quan trải qua ba triều Vua (Lý Nhân Tông, Lý Thần Tông và Lý Anh Tông), được nhà Lý gả công chúa Diên Bình và công chúa Thiều Dung làm vợ, được phong Phò mã Lang.Dương Tự Minh là vị tướng tài cả về quân sự lẫn chính trị của Vương triều Lý, người có công lớn trong việc giành lại phần đất đai rộng lớn từ tay giặc Tống và bảo vệ vững chắc vùng biên cương phía Bắc Đại Việt. Sau chiến thắng giặc Tống, Dương Tự Minh lại có công kêu gọi Nhân dân đã di cư vào nội địa nay hồi cư về quê cũ ở sát biên giới, cung cấp lương thực, xây dựng lại nhà cửa, cung cấp công cụ cày bừa, cuốc xẻng, phục hồi sản xuất, ổn định đời sống bám sát biên giới canh giữ biên cương Tổ quốc. Ngoài ra ông còn có công khai khẩn điền địa, phát triển kinh tế, giữ vững mối đoàn kết của dân tộc.  Với công lao to lớn đối với triều đình, quê hương, đất nước, sau khi Dương Tự Minh mất, nhiều nơi trên quê hương Thái Nguyên Nhân dân đã thờ ông làm thần bảo hộ cho xóm làng, được phong làm thần. Vua Lý Anh Tông phong tặng cho Dương Tự Minh là Cao Sơn Quý Minh Đại Vương. Trên mảnh đất Quảng Nguyên xưa, tại làng Xuân Lĩnh, châu Thạch Lâm (nay thuộc làng Đà Quận, xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng), đền thờ Quan Triều được Nhân dân dựng lên để ghi nhớ công lao của ông và được phong mỹ tự: *Quan Triều - Hồng Liên công chúa thông diệu linh cảm, trợ quốc trấn biên, hoài phục truy tĩnh, phụng công vĩ liệt đại vương.* Đền được xếp hạng di tích lịch sử văn hoá cấp tỉnh năm 2008.  *(Nguồn: Viện Sử học Việt Nam, Sở Văn hóa thông tin Thái Nguyên, Danh nhân lịch sử Dương Tự Minh,*  *Thái Nguyên, năm 2003)* | |
| 5 | **Hoàng Lục** | Hoàng Lục (1038 - 1088), sinh tại xã Lũng Đính thuộc châu Thượng Lang (nay là xã Đình Phong, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng) trong một gia đình nối đời làm tù trưởng. Thường ngày, ông kết giao với các hào trưởng, tộc trưởng khắp vùng như: Nùng Trí Cao, Lưu Kỷ, Tông Đản…Ông là một thủ lĩnh, một vị tướng tài dưới thời vua Lý Nhân Tông thế kỷ XI.  Hoàng Lục, 15 tuổi đã tinh thông binh pháp, am hiểu sử sách, là người có sức khỏe phi thường, đối với ai cũng khoan hòa nên quy phục được lòng người về với mình. Lục trước đây cũng làm chức quan giữ đất cho Trí Cao. Đến khi quan công nhà Tống đuổi Trí Cao, tràn sang đất Nam, ông lại ngầm có chí mở mang bờ cõi. Ông đoán rằng quan Tống ở xa đến đây, lấy quân nhàn rỗi của ta đối địch với quân họ nhọc mệt có thể đánh được. Bèn lấy hơn một nghìn đinh tráng phục sẵn ở đất Khiếu Thang, đánh được quân nhà Tống, lấy lại được đất châu ấy gồm có cả 8 châu gần quanh đấy nữa. Rồi ông phục theo nhà Lý, đem hết cả Nhân dân lệ thuộc vào đất đai bờ cõi. Ông lại lấn dần sang đất của nhà Tống, đem Nhân dân ở đấy phụ thuộc về nhà Lý. Vua Lý càng gia ban cho tước vị cao lên. Nhưng ông còn chưa mãn nguyện, dâng biểu lên vua Lý rồi đem rất nhiều binh lính sang đánh phá châu Ung. Nhưng vì viện binh không có, bị quân địch đánh đằng trước, đằng sau, ông ở trong trận xông ra đánh lại, bị quân nhà Tống giết chết.  Triều nhà Lý truy phong ông làm Đại vương, làm đền thờ ở xã Lũng Đính, mùa Xuân, mùa Thu được quốc tế. Ông được triều đình nhà Lý phong sắc An Biên tướng quân Hoàng Lục, các triều đại gia phong mỹ tự làm Hạ đẳng thần, sắc phong duệ hiệu là: An Biên tướng quân linh ứng uy liệt, ngự biên tích huống phù hựu, Hoàng Lục đại vương.  Hiện nay, ông được thờ ở đền Hoàng Lục xã Đình Phong, huyện Trùng Khánh. Đền thờ Hoàng Lục được xếp hạng là Di tích lịch cấp tỉnh, theo Quyết định số 3535/QĐ-UBND, ngày 31/12/2004, của UBND tỉnh Cao Bằng.  Hằng năm, Nhân dân địa phương lấy ngày 28/2 âm lịch hàng năm để tổ chức lễ hội.  *(Nguồn: Lịch sử tỉnh Cao Bằng. Nxb, Chính trị Quốc gia, năm 2009; Nguồn: Báo Cao Bằng)* | |
| 6 | **Trần Hưng Đạo** | Trần Hưng Đạo (1226 - 1300), còn được gọi là Hưng Đạo Vương, tên thật là Trần Quốc Tuấn, là con trai An Sinh Vương Trần Liễu và cháu vua Trần Thái Tông (Trần Cảnh).  Quê quán: Làng Tức Mặc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.  Ông có tài quân sự, khi giặc Nguyên ba lần sang cướp nước ta (1284-1282-1287), ông được vua Trần Nhân Tông phong làm Tiết chế các đạo quân thủy bộ. Ông nổi tiếng với câu nói: *“Bệ hạ muốn hàng, xin hãy chém đầu thần trước rồi hãy hàng”,* ông làm *“Hịch tướng sĩ”* khích lệ lòng quân, đôn đốc các vương hầu, binh tướng tận trung cứu nước. Dưới tài lãnh đạo của ông, quân dân Đại Việt chiến thắng ở Chương Dương, Hàm Tử, Vạn Kiếp, Bạch Đằng, đuổi giặc ra khỏi nước, ông được phong tước Hưng Đạo vương.  Sau đó, ông lui về ở Vạn Kiếp (nay thuộc xã Hưng Đạo, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương). Nhân dân lúc bấy giờ kính trọng ông, lập đền thờ ông ở Vạn Kiếp gọi là đền Kiếp Bạc. Tại đền có bài văn bia của vua Trần Thánh Tông , ví ông với Thượng phụ (tức Khương Tử Nha).  Năm Canh Tý (1300), ông lâm bệnh và thọ 74 tuổi.  *(Nguồn: Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam. Nxb Văn hóa - Thông tin, năm 2013)* | |
| 7 | **Hoàng Thắng Hứa** | **Hoàng Thắng Hứa - Thủ lĩnh châu** Thượng Lang (nay là Trùng Khánh)**. Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông xâm lược, Nhân dân Cao Bằng đã góp nhiều công sức vào cuộc kháng chiến ấy, đặc biệt nổi bật là vai trò lãnh đạo, liên kết Nhân dân các khê động của nhân vật lịch sử Hoàng Thắng Hứa.**  Khi quân Nguyên - Mông đưa quân sang xâm lược nước ta, trong cuộc kháng chiến lần thứ 2 (1285), dưới sự lãnh đạo của vua Trần Nhân Tông và chỉ huy tài tình của Trần Hưng Đạo, ở Quảng Nguyên (Cao Bằng), tiếp chỉ của triều đình, thủ lĩnh Hoàng Thắng Hứa trực tiếp lãnh đạo quân sĩ đánh giặc ngay tại biên giới, góp phần ngăn bước tiến quân của chúng.  Đặc biệt, từ năm 1291 trở đi, nghĩa quân Hoàng Thắng Hứa đã phát triển rất mạnh mẽ cả về lực lượng (hàng vạn người) lẫn địa bàn hoạt động (gồm vùng Quảng Tây - Trung Quốc và một số tỉnh vùng Đông Bắc của Việt Nam). Nghĩa quân của Hoàng Thắng Hứa nhiều lần tấn công và chiếm đóng Ung Châu khiến cho quan quân nhà Nguyên ở Ung Châu không thể chế ngự được.  Sau chiến tranh với Đại Việt, thế và lực của nhà Nguyên ngày càng sa sút nghiêm trọng, tạo điều kiện cho nghĩa quân của Hoàng Thắng Hứa tiếp tục tồn tại, bảo vệ biên viễn và phát triển mạnh trong 30 năm nữa (tức đến năm 1323) mới chấm dứt.  Với vị trí là miền đất phên giậu của quốc gia Đại Việt, trong các thế kỷ XI - XIV, đồng bào các dân tộc Cao Bằng cùng Hoàng Thắng Hứa đã có những đóng góp to lớn trong các cuộc kháng chiến chống Tống, chống Nguyên - Mông giành thắng lợi, bảo vệ vững chắc từng tấc đất thiêng liêng ở vùng biên viễn của Tổ quốc.  *(Nguồn: Lịch sử tỉnh Cao Bằng. Nxb, Chính trị Quốc gia, năm 2009)* | |
| 8 | **Hoàng Nghệ** | Hoàng Nghệ là tù trưởng châu Tư Lang (Hạ Lang ngày nay), sống vào thời nhà Trần. Trần Hưng Đạo 3 lần đánh thắng quân Nguyên Mông (1270 - 1293). Trong trận thứ 3, quân Nguyên Mông bị đánh bại, thái tử Thoát Hoan con vua Hốt Tất Liệt cùng phó tướng là A Thai chạy trốn về nước qua châu Tư Lang (Hạ Lang) thì bị tù trưởng Hoàng Nghệ chặn đánh, phó tướng A Thai bị bắt còn Thoát Hoan trốn thoát chạy về nước (thực ra Hoàng Nghệ mở đức hiếu sinh cho Thoát Hoan trốn, vì Thoát Hoan đã đến nước đường cùng, giết đi sẽ gây thù oán giữa hai nước).  Như vậy, việc bắt được A Thai là một chiến công hiển hách. Bởi vì, khi tướng giặc thất trận dẫn quân chạy trốn sắp về đến nước bị thổ quan Hoàng Nghệ tổ chức chỉ huy dân binh chặn đánh và bắt sống ở ngay mốc biên ai. Đó là một chiến công có nhiều ý nghĩa trong lịch sử dựng nước và giữ nước của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Hoàng Nghệ được phong Thiên vương đại thần, và được thờ ở chùa Sùng Phúc (Hạ Lang).  *(Nguồn: Lý lịch Bia chùa Sùng Phúc, Bảo tàng tỉnh)* | |
| 9 | **Nguyễn Đình Bá** | Nguyễn Đình Bá (sống vào thời Lê - Mạc), quê thôn Bình Dân, phủ Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Năm Giáp Dần, niên hiệu Long Đức thứ 3, Triều Lê, chỉ chuẩn cho Khoái Trạch hầu (Nguyễn Đính Bá) làm đốc đồng Cao Bằng, chính thể rất liêm bình. Lúc ấy trong hạt đồ giặc nổi lên bốn bề, ông được lệnh chỉ thăng tước hầu cho làm Đốc trấn.  Năm Quý Hợi niên hiệu Cảnh Hưng thứ 4, giặc Hoàng Xỉ ở phủ Thông Hóa, xứ Thái Nguyên nổi lên, lệnh chỉ mệnh quan binh đốc tướng của bản xứ cùng Tuần Quận công tiến thảo, dẹp giặc Thái Nguyên Hoàng Xỉ ở Khâu Dậu.  Tháng 5, quân của Đốc trấn Khoái Trạch hầu đóng quân dẹp giặc ở Vi Hoa, Thái Nguyên thì mất trong doanh trại. Quan quân đem linh cữu về trấn, dân trong châu cảm đức chính nhân hóa, đều xin lên triều đình sắc phong Đại vương, dựng miếu Thanh Trung (hiện thuộc tổ 11, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng) để thờ và tưởng nhớ công ơn của ông. Các triều đại gia phong mĩ tự, quốc tế xuân thu, phong trung đẳng thần. Ông từng giữ chức Tri châu Hạ Lang có công giữ ải biên cương, giúp dân khai đất khẩn hoang nên được dân tôn sùng làm thần hoàng làng và được thờ ở chùa Sùng Phúc.  *(Nguồn: Cao Bằng thực lục, Bế Hựu Cung)* | |
| 10 | **Lê Lợi** | Lê Lợi (1385 - 1433).  Quê quán: Lam Sơn (Kẻ Cham), nay thuộc huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, trong một gia đình *"Đời đời làm quân trưởng một phương"*.  Đầu năm 1416, tại núi rừng Lam Sơn trên đất Thanh Hóa, Lê Lợi cùng với 18 người bạn thân thiết, đồng tâm cứu nước đã làm lễ thề đánh quân Minh xâm lược giữ yên quê hương. Đó là hội *Thề Lũng Nhai* đã đi vào sử sách. Tin Lê Lợi dựng cờ nghĩa, chiêu mộ hiền tài bay xa, thu hút các anh hùng hào kiệt từ bốn phương kéo về. Đất Lam Sơn trở thành nơi tụ nghĩa.  Đầu năm 1418, sau một thời gian chuẩn bị chín muồi, Lê Lợi xưng là Bình Định Vương, truyền hịch đi khắp nơi, kêu gọi Nhân dân đứng lên đánh giặc cứu nước.  Năm 1927, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn toàn thắng, kết thúc 20 năm thống trị của giặc Minh, khôi phục nền độc lập lâu dài cho Tổ quốc.  Năm Thuận Thiên thứ 3 (1430) và thứ 4 (1431) Lê Thái Tổ thân chinh đem quân lên châu Thạch Lâm, trấn Thái Nguyên (tức vùng Hòa An, Thạch An, Cao Bằng ngày nay) để dẹp mưu đồ cát cứ của Bế Khắc Thiệu và Nông Đắc Thái. Sau đó đã cảm khái làm bài thơ khắc trên vách đá phja Tém - thuộc xã Hồng Việt, huyện Hòa An (được công nhận là Bảo vật quốc gia tại Quyết định số 88/QĐ-TTg ngày 15/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ). cũng là để xác định chủ quyền lãnh thổ Đại Việt dưới vương triều nhà Lê vừa giành thắng lợi huy hoàng trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm. Sau khi đuổi hết giặc Minh về nước, Lê Lợi lên ngôi hoàng đế năm 1428, sáng lập ra vương triều Lê. Lê Lợi làm vua được 5 năm thì mất, an táng tại Vĩnh Lăng, Lam Sơn, miếu hiệu là Thái Tổ.  *(Nguồn: Lý lịch di tích Bảo vật quốc gia Bia Ma Nhai ngự chế của vua Lê Thái Tổ)* | |
| 11 | **Bế Khắc Thiệu** | Bế Khắc Thiệu vốn họ Nguyễn, người Tống Sơn phủ, Thanh Hóa trấn, xuất thân dòng dõi Nho học. Từ Thanh Hóa, tằng tổ của ông đến thị tứ Áng Mò thuộc xã Bác Khê, tổng Xuất Tính, châu Thạch Lâm, đất Cao Bằng (thường gọi là Quảng Nguyên) trọ ở nhà họ Bế thuộc dòng họ lớn nhất vùng, danh môn hào kiệt. Gặp cảnh sơn thủy hữu tình, dân chúng ham học, chàng trai Thanh Hóa nhận lời ở lại làm thầy đồ dạy chữ Nho cho học trò ở xã Bác Khê. Được người trong vùng mến tài, mến nết, ông trở thành con rể nhà họ Bế. Theo phong tục người Tày, con trai lấy vợ, thừa hưởng gia tài bên vợ thì phải lấy tên họ vợ trước tên họ mình, do đó mới có tên họ mới là Bế Nguyễn.  Bế Khắc Thiệu trở thành một hào trưởng giàu có, thích làm việc thiện nên được mọi người rất mến mộ. Ông giao du, kết bạn với nhiều người. Khi về Phúc Tăng, Bế Khắc Thiệu gặp Nông Đắc Thái, cũng là một hào trưởng giỏi võ nghệ, có tài bắn cung trăm phát trăm trúng, ở làng Nà Giưởng, tổng Nhượng Bạn. Hai người ý hợp tâm đầu, kết nghĩa làm anh em và cùng nuôi chí lớn.  Ngày mùng 2 tháng Giêng năm Mậu Tuất (tức ngày 7/2/1418), Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa ở Lam Sơn (Thanh Hóa). Hào trưởng Bế Khắc Thiệu đã lặn lội vào Lam Sơn ứng nghĩa, sau đó, ông được Lê Lợi cử trở về quê hương xây dựng lực lượng chống quân Minh và làm hậu thuẫn cho cuộc khởi nghĩa.Bế Khắc Thiệu cùng Nông Đắc Thái kêu gọi Nhân dân khởi nghĩa. Bế Khắc Thiệu được suy tôn làm chủ tướng, Nông Đắc Thái làm phó tướng đắc lực. Nghĩa quân xây dựng đồn luỹ ở núi Khau Thước, nơi núi non trùng điệp, khi cần có thể lui về cố thủ trên dãy núi Phúc Tăng (thuộc tổng Nhượng Bạn).  Trong thời gian Bế Khắc Thiệu và Nông Đắc Thái khởi nghĩa ở Quảng Nguyên thì ở Lạng Sơn cũng nổ ra cuộc nổi dậy của Nông Văn Lịch. Nông Văn Lịch đã từng lên Quảng Nguyên gặp gỡ Bế Khắc Thiệu liên kết cùng chiến đấu, học hỏi kinh nghiệm tác chiến với quân Minh.  Năm Giáp Thìn (1424), một cánh quân của Lê Lợi lên hoạt động ở phủ Lạng Sơn (trong đó có Quảng Nguyên - tức Cao Bằng). Đại diện của nghĩa quân Lam Sơn cũng được mời lên thành Khau Thước cùng Bế Khắc Thiệu đàm đạo.  Như vậy, từ một đạo quân hoạt động đơn lẻ trên vùng rừng núi phía Bắc, đến năm 1424, nghĩa quân của Bế Khắc Thiệu đã có mối liên hệ chặt chẽ với nghĩa quân Lam Sơn và trở thành một bộ phận trong phong trào giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XV.  Bế Khắc Thiệu chỉ huy nghĩa quân đánh vào đồn sở quân Minh đóng ở Đống Lân (Vu Thủy), giết Đô đốc Cao Sĩ Văn.  Nông Đắc Thái chỉ huy nghĩa quân tấn công vào đồn Mục Mã (có một sở đóng hơn 1.000 quân) giành thắng lợi. Ông còn đánh bại quân Minh do Đô đốc Trình Dương chỉ huy trong trận Nà Khuổi, tiêu diệt gần 4000 tên.  Sau trận thắng lớn ở Nà Khuổi (tháng 9/1426), quân địch các đồn ở Cao Bằng đều chạy trốn hết. Cao Bằng được giải phóng. Bế Khắc Thiệu về lỵ sở xưng làm Châu mục. Nông Đắc Thái quản việc quân, Nhân dân châu Quảng Nguyên (tức vùng Cao Bằng) lại được trở về với cuộc sống thái bình.  *(Nguồn: Lịch sử tỉnh Cao Bằng. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2009)* | |
| 12 | **Nông Đắc Thái** |
| 13 | **Đinh Nho Hoàn** | Đinh Nho Hoàn (1671 - 1716).  Quê quán: Xã Sơn Hòa, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.  Từ nhỏ Đinh Nho Hoàn đã thông minh hiếu học, năm 30 tuổi đỗ Đệ nhị giáp tiến sĩ, khoa Canh Thìn niên hiệu Chính Hòa thứ 21 (1700), đời vua Lê Hy Tông. Thời gian giữ chức Đốc trấn ở Cao Bằng (1704 - 1710), Đinh Nho Hoàn đã cho thực thi nhiều việc để phát triển kinh tế, làm ích nước lợi dân như: Sửa đường, phá ghềnh đá trên sông Bằng Giang để thuyền bè đi lại giao thương dễ dàng. Ông đã cho mở đường thông luồng lạch đến tận biên giới (đoạn sông từ trấn lỵ Cao Bằng đến Tà Lùng, huyện Phục Hòa (nay là Quảng Hòa). Với chính sách thông thoáng và sự giúp đỡ thiết thực của ông, Hoa thương (thương gia người Hoa) ở Cao Bằng và khách thương gia buôn bán ngày càng phát đạt, trở nên giàu có, Nhân dân no đủ.  Thời kỳ Đinh Nho Hoàn làm Đốc trấn Cao Bằng, ông không chỉ có nhiều đóng góp cho việc phát triển kinh tế - xã hội - Cao Bằng trở thành nơi trù phú. Bên cạnh đó, ông còn có tài sáng tác nhiều thơ ca để ca ngợi phong cảnh kỳ thú, con người thân thiện, mến khách ở Cao Bằng và sáng tác để giáo huấn Nhân dân, kêu gọi Nhân dân làm điều tốt, bỏ điều xấu, an cư lạc nghiệp. Ông đã sáng tác đến 10 bài thơ Nôm vịnh nhiều cảnh đẹp Cao Bằng, những bài đó được tập hợp thành sách “Cao Bằng thập thủ”. Hiện nay, 10 bài thơ ca ngợi cảnh đẹp ở Cao Bằng, còn được lưu tại Viện Hán Nôm.  Thời kỳ Đinh Nho Hoàn giữ chức Trấn thủ Cao Bằng, rất nhiều việc làm của ông được lưu lại cho hậu thế. Ông là người có tài năng, đức độ, nhân cách và nhiều công lao nên đã giúp triều đình trấn giữ miền biên viễn trấn Cao Bằng bình yên, hưng thịnh trong nhiều năm, xứng đáng lưu danh cùng non nước.  *(Nguồn: Báo Cao Bằng điện tử - baocaobang.vn)* | |
| 14 | **MạcKính Cung** | Nhà Mạc ở Cao Bằng hơn 80 năm trải ba đời vua: Mạc Kính Cung (1593-1625), Mạc Kính Khoan (1625-1638), Mạc Kính Vũ (1638 - 1677)... Trong thời gian từ năm 1592 đến 1677, trên đất Cao Bằng, nhà Mạc tiếp tục thi hành các chính sách về chính trị, quân sự, kinh tế - xã hội để củng cố và bảo toàn lực lượng chống lại nhà Lê.  Về chính trị, phần lớn các châu huyện đặt từ trước đều được giữ nguyên. Đề đề phòng quân nhà Lê tiến đánh, nhà Mạc đã tu bổ và sửa chữa thành Nà Lữ thành một trung tâm chính trị và quân sự của vùng này (thành Nà Lữ thường được quen gọi là thành nhà Mạc).  Trong những năm ở Cao Bằng, nhà Mạc cũng đã thi hành những chính sách kinh tế tích cực nhằm phát triển kinh tế như khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, cùng với người dân địa phương khai phá những cánh đồng lúa ở Trùng Khánh, Thạch Lâm, Quảng Uyên (Quảng Hòa); không chỉ trồng các loại cây lương thực ở vùng đồng mà còn khai hoang mở rộng diện tích canh tác ở vùng cao, vùng sình lầy ven sông. Thời kỳ này cũng bắt đầu kiến tạo các mương, phai, làm guồng nước (gọn nặm) đưa nước từ sông, suối lên để vừa canh tác, vừa lợi dụng sức nước để giã gạo, ép mía ...phát triển nghề trồng dâu, nuôi tằm, trồng bông vải, kéo sợi, dệt tơ lụa, thổ cẩm và vải mặc. Nhà Mạc còn phát triển trung tâm rèn nông cụ và vũ khí ở Phúc Sen, các nghề nấu đường phên, sản xuất đồ gốm, làm gạch ngói cũng được phát triển mạnh.  Ngoài ra, nhà Mạc còn mở mang đường xá nối liền Cao Bằng với Lạng Sơn, Bắc Kạn... xây dựng nhiều chợ làng để buôn bán ở địa phương và đẩy mạnh giao thương qua biên giới, mở rộng giao lưu buôn bán với Trung Quốc qua các cửa khẩu biên giới ...Trong thời gian ở Cao Bằng, nhà Mạc đóng đô tại Vu Tuyền, châu Thạch Lâm và hiện diện như một vương triều phong kiến Đại Việt đầu tiên đóng đô ở một vùng dân tộc thiểu số rộng lớn tại miền Đông Bắc Bắc Bộ, đã biết cách hòa nhập với người địa phương, đoàn kết các dân tộc miền núi.  *(Nguồn: Lịch sử tỉnh Cao Bằng. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2009)* | |
| 15 | **Mạc Kính Khoan** |
| 16 | **Mạc Kính Vũ** |
| 17 | **Mạc Ngọc Liễn** | Theo sách “Đại Việt sử ký toàn thư”, Mạc Ngọc Liễn có tên là Nguyễn Ngọc Liễn, là con của Thái sư Tây quốc công Nguyễn Kính - một trong những công thần khai quốc của nhà Mạc. Do cha con Nguyễn Kính có công lớn với nhà Mạc nên anh em Ngọc Liễn tất thảy 3 người đều được ban họ vua. Mạc Ngọc Liễn đồng thời còn là phò mã nhà Mạc, tức chồng của công chúa Mạc Thị Ngọc Lâm. Ông được phong tước Đà Quận Công rồi Đà Quốc Công.  Ông là người có công phò tá, gây dựng Triều Mạc ở Cao Bằng. Tháng 7/1594, Mạc Ngọc Liễn ốm nặng, khi sắp mất, ông để thư lại dặn vua Mạc Kính Cung như sau: “Nay khí vận nhà Mạc đã hết, họ Lê lại trung hưng, đó là số trời. Dân ta là người vô tội mà khiến để phải mắc nạn binh đao, ai nỡ lòng nào! Chúng ta nên lánh ra ở nước khác, nuôi dưỡng uy lực, chịu khuất đợi thời, chờ khi nào mệnh trời trở lại mới làm được, chứ không thể lấy lực chọi với lực. Khi hai con hổ tranh nhau, tất phải có một con bị thương, không có ích gì cho công việc. Nếu thấy quân họ đến đây thì chúng ta nên tránh đi, chớ có đánh nhau với họ, cốt phòng thủ cẩn thận là chính; lại chớ nên mời người Minh vào trong nước ta mà để dân ta phải lầm than đau khổ, đó cũng là tội lớn không gì nặng bằng”.  Ông mất ngày 2/7/1594, và sau khi ông qua đời, con ông là phò mã Đông Sơn hầu chạy sang Long Châu, theo Mạc Kính Cung tiếp tục chống chính quyền Lê - Trịnh. Mạc Kính Cung và các vua Mạc sau tiếp tục làm theo lời dặn của ông, tranh thủ sự ủng hộ của nhà Minh để cát cứ ở đất Cao Bằng nhưng tuyệt nhiên không mượn quân Minh sang đánh nhà hậu Lê.  Hiện nay, tại xã Hưng Đạo, tỉnh Cao Bằng có làng mang tên Đà Quận (Đà Quận Công).  *(Nguồn: Lịch sử tỉnh Cao Bằng. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2009)* | |
| 18 | **Phù Thắng** | Năm Đinh Mùi, niên hiệu Cảnh Trị thứ 5 (niên hiệu của Lê Huyền Tông), có Phù Thắng, Phù Thiết là người xã Đồng Kiêu, châu Hạ Lạng (đời đời làm tù trưởng ở châu này). Khi họ Mạc chiếm cứ Cao Bằng, nghe tiếng tăm, muốn dùng làm tướng, nhưng anh em đều từ chối không chịu ra nhận chức. Họ Mạc cho là Phù Thắng không chịu ra làm quan. Họ Mạc cho nhà Phù Thắng không chịu nhận chức, giết cả nhà.  Phù Thiết với tên gọi là Đồn Nhuệ - ra làm chức tiết chế của nhà Mạc, đem quân đóng giữ nơi biên giới. Được hai năm, Phù Thiết thu họp dân chúng, giữ nơi hiểm trở. Đến sau bị người đầy tớ hai lòng, dắt giặc vào đồn, bị quân nhà Mạc bắt được giải về thành Cao Bằng. Phù Thiết nhảy xuống sông chết (Hoằng Bây thuộc xã Vu Tuyền (nay là xã Hưng Đạo, huyện Hòa An). Sau này anh linh của Phù Thiết vẫn thường hộ nước giúp dân.  Vào khoảng năm Giáp Thìn, vua nhà Lê sai quân lên đánh Mạc, họ Mạc chạy trốn. Quân nhà Lê đóng ở thành Cao Bằng, ông hiển hiện lên giúp dân, được vua Lê sắc phong là Giang Châu Tiết chế đại vương, làm đền thờ ở địa phần xã Vu Tuyền, mùa xuân, mùa thu được quốc tế, làm Hạ đẳng thần. Các triều đại gia phong cho ông mỹ tự (cho dân xã Vu Tuyền thờ cúng). Duệ hiệu là: Sắc phong Giang Châu Tiết chế, linh ứng địch nghị, tĩnh biên, linh thông hiển ứng đại vương.  *(Nguồn: Lịch sử tỉnh Cao Bằng. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2009)* | |
| 19 | **Phù Thiết** |
| 20 | **Nông Quý Hổ** | Nông Quý Hổ (Cống Quý Hổ), sống vào thời Lê Thần Tông (1653 - 1657), ông quê ở huyện Phục Hòa (nay là Quảng Hòa), tỉnh Cao Bằng.  Theo sự tích về Thiên Hòa Vương, năm Giáp Ngọ, niên hiệu Thịnh Đức thứ 2 (niên hiệu vua Lê Thần Tông), Thuận Đức (niên hiệu của Mạc Kính Vũ) chiếm cứ ở Cao Bằng, có người xã Phục Hòa, châu Thạch Lâm, tên là Nông Quý Hổ. Nông Quý Hổ giữ một lòng quy thuận nhà Lê, không phục, căm tức họ Mạc, tự xưng là Thiên Hòa Vương đóng giữ ở thành Phục Hòa. ông hô hào dân hai tổng Thượng Pha và Phục Hòa dấy lên chống cự, tiến đánh họ Mạc. Quân Mạc tiến đánh dữ dội, ông không địch nổi, thua trận, đập đầu vào núi chết. Tương truyền linh hồn ông hóa làm một con chim, tiếng kêu rất bi thảm. Dân chúng gọi là chim Thiên Hòa, để tưởng niệm ông.  *(Nguồn: Lịch sử tỉnh Cao Bằng. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2009; Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam.*  *Nxb Văn hóa - Thông tin, năm 2013)* | |
| 21 | **Bế Văn Phụng** | Bế Văn Phụng, người dân tộc Tày (sống cùng thời với Mạc Kính Cung (1593 - 1625).  Quê quán: Làng Bản Vạn, châu Thạch Lâm (nay là Bế Triều, thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An).  Ông được vua phong chức Tư thiên quản nhạc. Tác phẩm tiêu biểu nhất của ông là tập *Tam nguyên luận* viết bằng chữ Hán. Truyện kể rằng: Vua Mạc Kính Cung do bị thua trận, buồn phiền phát bệnh. Thái y chữa không chuyển, mời Tư thiên quản nhạc Bế Văn Phụng tới chữa. Bế Văn Phụng biết nguyên nhân bệnh vua, tổ chức lập ra một đội then nữ đến múa hát. Nội dung buổi trình diễn là bài *Tam nguyên luận* (khoảng 800 câu thơ gồm năm đoạn: Hạ nguyên, Trung nguyên, Thượng nguyên, Thất thế, Đắc thế): nói chuyện chiêm tinh, xét về sự chuyển vận tự nhiên, từ bĩ đến thái, hết suy đến thịnh, bàn luận kế sách khả thi, dự đoán sự thăng trầm của thời đại. Kết quả là vua Mạc Kính Cung lành bệnh...  Bên cạnh đó, Tư thiên quản nhạc còn là tác giả cuốn *Giáo nam, giáo nữ*, khuyên trai gái làm ăn siêng năng, tiết kiệm, biết trên kính dưới nhường, hòa thuận trong ngoài. Tuy là những chuyện ứng xử trong xã hội nhưng không mang nặng giảng giải luân lý mà có cách trình bày tế nhị, hợp lòng người nên được Nhân dân truyền tụng đến ngày nay.  *(Nguồn: Lịch sử tỉnh Cao Bằng. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2009)* | |
| 22 | **Nông Quỳnh Văn** | Nông văn Noọng tức Nông Quỳnh Văn, người xã Nga Ổ, châu Thượng Lang (nay thuộc xã Chí Viễn, huyện Trùng Khánh). Ông tiếp tục sự nghiệp của Bế Văn Phụng, phát triển loại then giàng và được người đương thời gọi là Quỳnh Văn, tục gọi là "vua ca đáng", nghĩa là thơ văn đẹp mà hát hay. Tuy không dự thi nhưng Nhân dân tôn ông là bậc 'trạng". Nông Văn Noọng không làm quan với nhà Mạc, thường làm thơ ngạo đời, ngao sơn du thủy. Ông lập một đội then giàng đến ra mắt vua Mạc Kính Cung được nhà vua khen ngợi. Chính vì vậy, Nhân dân tôn Nông Văn Noọng là tổ sư Giàng (gồm toàn nam) hát với cây đàn tính hai dây đệm, khác với cây đàn ba dây của nữ ở vùng ngoài.  Một số tác phẩm tiêu biểu của Nông Văn Noọng là:*Tứ quý hồng nhan* nói về tâm tư buồn phiền, tác giả tự ví mình như cô gái có tài sắc suốt đời mà không tìm được ý trung nhân, kẻ sĩ có tài mà trong cảnh loạn ly không tìm được minh quân cứu đời; Lượn Ba Chu, một thể du ký viết bằng văn vần truyền thống mô tả cuộc du hành từ ba châu miền Đông tỉnh Cao bằng ra chơi chợ tỉnh. bài ghi rõ nhật ký hành trình có ngày khắc và các địa điểm lưu trú, đến nay vẫn còn giá trị nghiên cứu.  *(Nguồn: Lịch sử tỉnh Cao Bằng. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2009)* | |
| 23 | **Nguyễn Thị Duệ** | Nguyễn Thị Duệ: Quê ở Chí Linh, tỉnh Hải Dương - Nữ tiến sĩ duy nhất trong lịch sử khoa cử phong kiến Việt Nam.  Nhà Mạc sau khi thay thế nhà Lê, về cơ bản vẫn giữ nguyên mô hình giáo dục khoa cử thời Lê. Khi rút lên Cao Bằng, nhà Mạc vẫn tổ chức thi cử để lấy người hiền tài. Trong kỳ thi Hội năm 1607, người đỗ đầu là Nguyễn Thị, khi triều đình mở yến tiệc mừng các vị tân khoa, vua Mạc Kính Cung thấy vị tiến sĩ trẻ dáng hình như con gái, mắt sáng, môi đỏ như son, ngón tay búp măng xinh đẹp, bèn cho người tìm hiểu và được biết tân tiến sĩ đích thực là con gái. Vua không phạt tội mà còn rất quý trọng tấm gương hiếu học của bà, ông mời bà vào cung dạy học cho các phi tần và sau đó cưới làm vợ, đặt tên là Tinh Phi tức Sao Sa, Nhân dân địa phương thường gọi là bà Chúa Sao.  Quân nhà Lê tiến đánh Cao Bằng, bắt được Nguyễn Thị Duệ dẫn về kinh đô Thăng Long. Trịnh Tùng rất quý trọng bà, giao bà việc dạy học cho hoàng thân trong vương phủ. Bà vừa dạy học, vừa giúp vua Lê, chúa Trịnh phát triển giáo dục, giúp Ban giám khảo trong các kỳ thi tuyển chọn nhân tài. Những bài thi Hội, thi Đình và các bài văn của đình thần đều phải qua tay bà khảo định. Sau khi mất, Bà được triều đình ban sắc phong, cho đúc tượng, dựng bảo tháp, khắc bia, người dân địa phương lập đền thờ, tôn bà làm Phúc thần. Tháp mộ bà Nguyễn Thị Duệ được đặt trên đỉnh một quả đồi cạnh núi Phượng Hoàng tại Chí Linh, Hải Dương. Tại Cao Bằng để tưởng nhớ công ơn của bà, Nhân dân Bản Huyền Du (Thanh Nhật, huyện Hạ Lang) đã thờ bà tại chùa Sùng Phúc.  *(Nguồn: Lịch sử tỉnh Cao Bằng. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2009)* | |
| 24 | **Đinh Văn Tả** | Danh tướng Đinh Văn Tả (1599 - 1685), quê ở làng Hàm Thượng, huyện Cẩm Giàng (tỉnh Hải Dương ngày nay).  Năm 1625, Đinh Văn Tả được lệnh của vua chỉ huy một đoàn quân lên đánh nhà Mạc ở Cao Bằng thắng lợi; năm 1639, Đinh Văn Tả lại được Vua Lê giao cầm quân lên đánh nhà Mạc ở Cao Bằng. Năm 1645, vua Lê tiếp tục cử Đinh Văn Tả đưa quân lên đánh nhà Mạc ở Cao Bằng và ông đã lập công lớn, sau đó về kinh đô giúp triều đình xây dựng quân đội và được giao đem quân đi dẹp loạn ở nhiều nơi, ông được phong chức Tham đốc.  Năm 1667, từ Thăng Long, nhà Lê đưa quân lên đánh nhà Mạc ở Cao Bằng, Đinh Văn Tả được giao chỉ huy đoàn quân tiên phong, ông đã đánh nhiều trận, thắng ở nhiều nơi. Sau khi giành thắng lợi, tháng 2/1668, Đinh Văn Tả được giao làm Tổng trấn Cao Bằng và được giao kiêm Trấn thủ cả Thất Tuyền (Lạng Sơn). Sau đó được thăng Thiếu Bảo - Tả Đô đốc, giúp triều đình lo việc an dân, trấn giữ biên cương phía Bắc Đại Việt...  Năm 1677, quân nhà Lê tiếp tục đánh Cao Bằng, sau khi đánh tan nhà Mạc, tướng Đinh Văn Tả được vua Lê ở lại Cao Bằng tiếp tục truy quét tàn quân Mạc. Biết tin vua Mạc Kính Vũ đang phòng thủ ở thành Phục Hòa, tướng Tả điều quân về đóng đô ở Tổng Lao (xã Tiên Thành ngày nay).  Tướng Đinh Văn Tả vây hãm thành Phục Hòa trong 8 năm. Bởi vì tướng Tả không muốn xảy ra cuộc đổ máu, không muốn Nhân dân lâm vào cảnh loạn ly; khi biết Mạc Thị Tuyết Lan là công chúa cả của vua Mạc Kính Vũ, lại càng không muốn dùng vũ lực đánh thành nên cử người thân tín sang thành Phục Hòa thuyết phục nhà Mạc tự giải giáp, ông để hoàng tộc nhà Mạc tìm nơi ẩn tích, tùy nghi di tản, hàng binh được đối xử tử tế, cấp gạo cho về quê làm ăn.  Hiện nay, tại xã Tiên Thành còn dấu tích ngôi đình là bản doanh của tướng Tả. Hai bên bờ sông Bằng còn có nhiều địa danh là nơi đóng quân, đài quan sát, trạm gác của quân Đinh Văn Tả như trạm Mủng Thiên, trạm Phiêng Lâu, Phiêng Cọn… Ở Phiêng Lâu còn có miếu thờ công chúa Mạc Thị Tuyết Lan, nơi công chúa gặp tướng Tả.  Trong những năm đóng quân ở Phục Hòa, Đinh Văn Tả khuyến khích quân sĩ, họ hàng lấy vợ người địa phương, đến nay họ Đinh ở Phục Hòa nói riêng và Cao Bằng nói chung hầu hết đều có nguồn gốc từ miền xuôi. Ngày nay, hằng năm Nhân dân thị trấn Hòa Thuận, huyện Phục Hòa (nay là Quảng Hòa), lấy ngày 18/3 âm lịch là ngày hội để tưởng nhớ công ơn của tướng Đinh Văn Tả đã quy phục nhà Mạc, Nhân dân được sống hòa bình, yên ổn.  *(Nguồn: Nguyễn Xuân Toàn, Vương Triều Mạc ở Cao Bằng một thời hưng thịnh, Nxb Dân Trí, năm 2011)* | |
| 25 | **Lê Thì Hải** | Lê Thì Hải (? - 1716), người xã Phú Hào, nay thuộc hai huyện Thọ Xuân và Thường Xuân, Thanh Hóa, là con của Thái phó Lê Thì Hiến đã từng làm trấn thủ các đạo Thái Nguyên, Sơn Tây, Kinh Bắc và giữ chức Thự phủ sự, thay làm Trấn thủ Cao Bằng. Sách sử chép rằng “Đặng Công Chất trấn thủ Cao Bằng, bị nha lại và dân chúng tố cáo, phải triệu về triều, triều đình cử Lê Thì Hải lên thay”.  Trước tình hình thực tế, quyền lực của nhà Mạc đã chấm dứt, những những cơ sở xã hội nhà Mạc tạo dựng trên vùng đất Cao Bằng hơn 80 năm vẫn còn rất vững chắc, chưa thể một lúc mà triệt phá ngay được. Thêm vào đó, dư đảng nhà Mạc vẫn còn lẩn quất, quấy rối trên địa bàn, dư đảng ở nhiều địa phương còn xúi giục nổi dậy cướp phá. Lê Thì Hải đã có nhiều việc để chiêu dụ yên dân lưu tán trở về làm ăn, ông đã xem xét kỹ tình hình tại các châu trong trấn và vùng ngoài biên, sau đó có nhiều chủ trương để phủ dụ dân chúng, ổn định các vùng còn lộn xộn do dư đảng nhà Mạc và bọn thổ phỉ gây ra.  Sách Đại Việt sử ký tục biên còn ghi: “Mùa đông tháng 10 (1682), Đốc phủ Cao Bằng là Lê Thì Hải dụ được đồ đảng của họ Mạc là Nguyễn Công Hồi đem hơn một ngàn bộ thuộc đến trấn đầu hàng. Triều đình trao cho Hồi tước Hiệu quận công và thăng thưởng cho Hải chức Đề đốc”  Đồng thời cùng với việc ổn định xã hội, phát triển sản xuất, cũng trong năm 1682, Lê Thì Hải cho dâng sớ xin triều đình sửa cung điện cũ của nhà Mạc làm thành đền thờ Vua Lê, được triều đình nhà Lê ưng thuận y sớ cho làm. (nay là đền Vua Lê, xã Hoàng Tung, huyện Hòa An. Năm 1995, đền vua Lê được xếp hạng là di tích cấp quốc gia.  Lê Thì Hải đã lấy áo bào và thanh kiếm thờ vọng ở chỗ ngai vàng, hàng năm đầu xuân cho tổ chức lễ hội vào ngày mùng 6 tháng Giêng.  Do có công lớn với triều đình nên Lê Thì Hải được phong Thạc Quận công, được tặng Thái phó.  *(Nguồn: Lịch sử tỉnh Cao Bằng. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2009)* | |
| 26 | **Hoàng Triều Hoa** | Hoàng Triều Hoa, Hoàng Triều Ninh (sống vào thế kỉ XVII). Quê gốc trang Gia Miêu, huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung, trấn Thanh Hoa (Theo Gia phả họ Hoàng ở Cao Bằng, ông tổ của dòng họ này là hai anh em Hoàng Triều Hoa, Hoàng Triều Ninh, là những tướng lĩnh cùng Đinh Văn Tả đưa quân lên Cao Bằng)  Năm 1677, Tả Thị lang Hoàng Triều Hoa, Hoàng Triều Ninh dẫn quân tiến đánh Cao Bằng. Sau khi Đinh Văn Tả về Thăng Long, Hoàng Triều Hoa được cử làm Đốc trấn Cao Bằng, Hoàng Triều Ninh làm tổng binh. Hoàng Triều Hoa được vua Lê phong Phúc Quốc công, cấp Thái ấp vùng Phúc Tăng và giữ chức Trấn thủ (Tổng trấn) Cao Bằng, đóng dinh ở Vương phủ Cao Bình; Hoàng Triều Ninh được được phong là Thắng Quốc công, cấp đất thái ấp vùng Xuân Lĩnh cùng Vương phủ Cao Bình, giữ chức Thống lĩnh quân cơ toàn trấn Cao Bằng, đóng ở thành Na Lữ.  Về sau, Hoàng Triều Hoa di dời thủ phủ của trấn Cao Bằng về Mục Mã (nay là trung tâm thành phố Cao Bằng). Ở Cao Bằng họ Đinh và họ Hoàng Triều là hai dòng họ lớn. Đó là hậu duệ của Đinh Văn Tả và Hoàng Triều Hoa, Hoàng Triều Ninh.  Hai danh tướng được nhân dân kính trọng tôn thờ, sau khi Hoàng Triều Hoa mất, nhà vua phong ông làm Thành hoàng. Hiện nay, hai ông được thờ trong đền Phúc Tăng (thuộc Bản Nưa, Lam Sơn thượng, xã Hồng Việt, huyện Hòa An)  *(Nguồn: Lịch sử tỉnh Cao Bằng. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2009; Báo Cao Bằng)* | |
| 27 | **Hoàng Triều Ninh** |
| 28 | **Bế Hựu Cung** | Bế Hựu Cung (sống vào khoảng cuối thế kỷ XVIII, sang đầu thế kỷ XIX);  Quê quán: Làng Bắc Khê, châu Thạch Lâm, tỉnh Cao Bằng.  Ông làm quan đến Hữu Thiêm đô ngự sử, lĩnh chức Đốc trấn tỉnh Cao Bằng. Khi Tôn Sỹ Nghị bị Tây Sơn đánh bại, Bế Hựu Cung đem cả nhà theo Lê Chiêu Thống chạy sang Trung Quốc, bị nhà Thanh đem an trí ở huyện Thượng Nguyên, tỉnh Giang Nam. Đầu đời Nguyễn trở về nước, ông được dung nạp, đổi họ tên thành Nguyễn Hựu Cung. Ông là soạn giả sách Cao Bằng thực lục ghi chép khá phong phú về các truyền thuyết, thần tích, núi sông, phong tục ở Cao Bằng. Đặc biệt soạn giả ghi được nhiều chi tiết về lịch sử và địa lý vùng này từ thời cổ đến năm 1802. Bế Hựu Cung là số hiếm trong những nhà trí thức thuộc dân tộc ít người ở nước ta trước thế kỷ XX, có công trình biên soạn. Tác phẩm Cao Bằng thực lục thuộc loại sách địa phương chí có giá trị nhất định về tư liệu folklore và tư liệu dân tộc học.  *(Nguồn: Lịch sử tỉnh Cao Bằng. Nxb Chính trị quốc gia năm, Hà Nội, 2009)* | |
| 29 | **Nông Văn Vân** | Nông Văn Vân, nhân vật gắn với cuộc khởi nghĩa ở Cao Bằng (1833 - 1835). Năm 1831 - Minh Mạng thứ 12 giữ chức Tri châu Bảo Lạc. Bất mãn với chính sách cai trị của triều đình nhà Nguyễn, đến năm 1833 chiêu quân dựng cờ khởi nghĩa (ông đã thu phục được rất nhiều các thổ ty, thổ mục và Nhân dân đi theo, quân số đông đến 6000 người), tự xưng “Tiết chế Thượng tướng quân”. Ông chỉ huy các thổ mục địa phương đánh đâu thắng đấy, cuộc khởi nghĩa của Nông Văn Vân đấu tranh chống chế độ thống trị hà khắc của triều đình, diễn ra với quy mô và ảnh hưởng lớn “cuộc khởi nghĩa Nông Văn Vân là cuộc đấu tranh rộng lớn, tiêu biểu của dân tộc thiểu số”.  *(Nguồn: Lý lịch Di tích dinh thự dòng họ Nông, thị trấn Bảo Lạc, Bảo tàng tỉnh)* | |
| 30 | **Phạm Cần Chính** | Phạm Cần Chính (? - ?), quê huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định. Nhà Tây Sơn dấy nghĩa lập nhiều chiến công ổn định đất Bắc Hà. Vua Quang Trung đặc ban cho ông họ Nguyễn và cử làm tổng binh Cao Bằng, trấn giữ biên giới. Ông biết việc cai quản miền biên giới vốn dĩ nhiều khó khăn, phức tạp từ xưa, nếu không có sự hợp lực của những người địa phương sở tại thì càng khó khăn hơn. Chính vì vậy Phạm Cần Chính đã dành nhiều thời gian đến với dân chúng và các tù trưởng ở địa phương, nên ông đã thiết lập được mối quan hệ chặt chẽ với các vị tù trưởng và rất am hiểu địa bàn, tình hình dân chúng ở Cao Bằng.  Dưới triều Tây Sơn, nhất là thời kỳ Phạm Cần Chính làm việc ở Cao Bằng, việc giao lưu buôn bán dọc biên giới Việt - Trung được khuyến khích phát triển. Nhờ những chính sách tích cực mà quan hệ thông thương của hai nước vùng biên được khôi phục và phát triển. Người dân địa phương đã quyên góp tiền để làm đường , xây cầu để tạo điều kiện cho việc đi lại dễ dàng, thuận lợi. Sự hiện tồn của chiếc cầu ở thôn Cốc Khoác, thị trấn Hùng Quốc, huyện Trà Lĩnh, cách đường biên giới Việt Trung 5km về phía Tây Nam đã minh chứng cho điều đó. Tại đây còn một tấm bia Dao Quang Củng Kiều, được lập sau khi hoàn thành việc trùng tu, sửa chữa, nội dung văn bia cho biết sơ lược một vài nét về đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội ở Cao Bằng thời Tây Sơn.  Khi triều Tây Sơn sụp đổ (1802), Phạm Cần Chính không tuẫn tiết như bao tướng lĩnh tận trung khác mà ông bí mật lên Cao Bằng, vì sẵn có quan hệ mật thiết, ông đã liên kết với các tù trưởng miền núi, tổ chức lực lượng chống lại nhà Nguyễn. Tổng trấn Bắc thành tiễu trừ không xong, dụ hàng không được đành để cho toán nghĩa binh trung thành với nhà Tây Sơn khi ẩn, khi hiện giữa núi rừng sâu thẳm.  Tương truyền khi Phạm Cần Chính qua đời, các chiến hữu mai táng ông trên một ngọn đồi bên cạnh dòng suối, hướng mặt về phía Nam. Họ khoác lên thi hài ông bộ võ phục triều Tây Sơn, phủ lên quan tài ông lá cờ đào của nghĩa quân. Mọi người đều khen ông thật sự là một tổng binh quân tử, trung nghĩa.  *(Nguồn: Báo Cao Bằng)* | |
| 31 | **Trần Duy Trân** | Trần Duy Trân là vị tướng nhà Nguyễn (vua Tự Đức), ông giữ chức Quảng cơ. Năm Đinh Mùi (1847), vua Tự Đức cử Quản cơ Trần Duy Trân cùng với Suất đội Hoàng Hiền Lộc đem quân lên dẹp loạn phỉ nước Thanh (Năm 1858 - 1861, nổi lên bọn phỉ nước Thanh, gọi là “Thái Bình Thiên Quốc” do Chu Chí Văn cầm đầu đã tràn sang châu: Quảng Uyên, Thạch Lâm, cướp bóc, gây nhiễu …).  Trần Duy Trân cho quân lính bày binh, bố trận mai phục giặc và bất ngờ, bí mật tiến công gây cho chúng bị tổn thất năngg nề và buộc phải rút về cố thủ (Địa điểm Ngườm Pục là nơi xảy tra trận đánh ác liệt, giằng co giữa quân của Trần Duy Trân và bọn phỉ).  Năm Nhâm Tuất (1862), quân phỉ lại tràn sang đánh chiếm, quấy nhiễu Cao Bằng. Do lực lượng được củng cố mạnh hơn, đông hơn nên bọn thổ phỉ đã áp sát quân triều đình để tấn công. Cũng trong trận này, khi Quản cơ Trần Duy Trân đang chỉ huy một đội quân triều đình từ hướng Quảng Uyên để áp sát bao vây bọn phỉ bất ngờ bị chúng mai phục và bắn chết tại mỏm núi Thum Khẻ (cách Ngườm Pục chừng 50 m), xã Cách Linh (huyện Quảng Hòa nay).  Để tưởng nhớ công lao của ông, Nhân dân đã lập đền thờ thờ phụng tại Ngườm Pục, xã Cách Linh, huyện Quảng Hòa. Hằng năm, lễ hội đền Trần Duy Trân diễn ra vào ngày 19/3 âm lịch.  Năm 2010, đền thờ Trần Duy Trân hay còn gọi là miếu Quan Chẻng, đã được xếp hạng di tích cấp tỉnh.  *(Nguồn: Báo Cao Bằng)* | |
| 32 | **Nông Thị Vưu** | Nông Thị Vưu là người có công khai thông úng ngập vùng Trà Lĩnh (gồm xã Cao Chương, Quang Hán, thị trấn Trà Lĩnh ngày nay) đem lại cuộc sống no đủ, yên bình cho người dân địa phương. Để tưởng nhớ công ơn của bà, sau khi bà mất Nhân dân địa phương đã lập đền thờ và được tôn làm thần nông.  Miếu Nà An được xếp hạng di tích lịch sử cấp tỉnh năm 2007.  ***(Nguồn Lý lịch di tích Miếu Nà An, Bảo tàng tỉnh)*** | |
| 33 | **Nông Thống Lệnh** | Nông Thống Lệnh là người có sức khỏe phi thường và võ nghệ cao cường. Giặc phương Bắc sang đánh phá Trà Lĩnh, Nông Thống Lệnh huy động trai tráng trong làng phục kích đánh giặc, giữ yên bờ cõi đem lại cuộc sống yên bình cho Nhân dân địa phương. Ông được Nhân dân tôn sùng là Đại tướng, sau khi Nông Thống Lệnh mất, Nhân dân trong vùng đã lập đền thờ để tưởng nhớ công ơn.  Đền thờ Nông Thống Lệnh được xếp hạng di tích lịch sử cấp tỉnh năm 2011.  ***(Nguồn Lý lịch di tích Đền thờ Nông Thống Lệnh - Bảo tàng tỉnh)*** | |
| 34 | **Hoàng A Cả** | Cuối thế kỷ XIX, chế độ nhà Nguyễn suy tàn, giặc giã, thổ phỉ nổi lên cướp bóc. Hoàng A Cả (ông nội của đồng chí Hoàng Đình Giong), là thủ lĩnh địa phương tiêu biểu đã tập hợp Nhân dân đánh tan giặc Cờ đen do tướng Ngô Côn cầm đầu, bảo vệ tài sản tính mạng của Nhân dân. Khi thực dân Pháp đánh chiếm châu Nguyên Bình cuối năm 1886, Hoàng A Cả đã tập hợp Nhân dân các dân tộc đánh trả quyết liệt, nhiều cuộc giao tranh diễn ra chặn đánh cuộc tiến quân của địch, gây cho chúng nhiều thiệt hại.  *(Nguồn: Lịch sử Đảng bộ huyện Nguyên Bình, Nxb chính trị Quốc gia, năm 2010)* | |
| 35 | **Tôn Thất Thuyết** | Tôn Thất Thuyết (1835 - 1913).  Quê quán: Xuân Long, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông là Thượng thư Bộ binh, là quan Phụ chính đại thần Triều Nguyễn, là một trong những quan nhà Nguyễn chống Pháp tiêu biểu nhất, mượn danh nghĩa của vị hoàng đế trẻ tuổi Hàm Nghi phát động phong trào Cần Vương - phò vua giết giặc cứu nước.  Tháng 2/1886, Tôn Thất Thuyết để hai người con trai của mình ở lại bảo vệ Hàm Nghi, còn mình cùng với Trần Xuân Soạn tìm đường cầu viện. Tháng 10/1886 ông đến Cao Bằng, tại đây Tôn Thất Thuyết chiêu nạp một số nhân vật bất mãn với sự bạc nhược của triều đình nhà Nguyễn như: Lương Tuấn Tú, Nghiêm Xuân Phương vốn là quan lại của triều đình đóng tại Cao Bằng kêu gọi các tầng lớp Nhân dân đánh đuổi ngoại xâm bảo vệ quê hương đất nước.  Cùng những người thân tín, Tôn Thất Thuyết hạ trại bao vây thành Cao Bằng, đang do viên Bố chính Phạm Hài cai quản. Viên Bố chính này thường gửi tài liệu, cung cấp thông tin Cao Bằng cho tên Phó công sứ quân sự Pháp ở Lạng Sơn để tạo điều kiện thuận lợi cho quân Pháp. Nhờ sự ủng hộ bí mật của viên Án sát Cao Bằng Nghiêm Xuân Phương, Tôn Thất Thuyết chiếm được thành Cao Bằng, nhưng không có ý định chiếm giữ thành lâu dài. Sau khi thiết lập một căn cứ phòng thủ ở phía Bắc thành Cao Bằng, ông rút về Mỏ Sắt, đem theo Bố chính Phạm Hài và tử hình y tại Mỏ Sắt. Khi rút về Mỏ Sắt, Tôn Thất Thuyết mang theo cả ấn quan Bố chính của Phạm Hài. Với chiếc ấn này ông đã làm nhiều giấy thông hành giả, dùng cho nghĩa quân đi lại cũng như những giấy tờ ngoại giao giả, gây nhiều khó khăn cho hành động của Pháp khi chúng đang cố gắng đàm phán với nhà Thanh về đường biên giới Bắc kì - Trung Quốc và tìm cách hạn chế sự ẩn náu của quân khởi nghĩa bên lãnh thổ Trung Quốc. Sau đó ông tiếp tục lên đường đi Vân Nam và đến Quảng Đông vào tháng 2/1887. Việc cầu viện của Tôn Thất Thuyết bất thành nhưng ông đã dựa vào tình cảm cá nhân của một số quan lại Mãn Thanh chống Pháp và cùng các đồng sự của mình tổ chức liên lạc với các cuộc khởi nghĩa chống Pháp trong nước, chuyển trâu, bò, lúa gạo từ Việt Nam sang Trung Quốc để đổi lấy vũ khí về. Việc tiếp tế này duy trì mãi đến năm 1894 do biên giới Việt - Trung bị đóng cửa. Từ đó phong trào đấu tranh chống Pháp ở Cao Bằng chuyển sang một hình thức mới.  *(Nguồn: Lịch sử tỉnh Cao Bằng, Nxb Chính trị quốc gia, năm 2009; Nguyễn Q Thắng – Nguyễn Bá Thế,*  *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam. Nxb Văn hóa Thông tin, năm 2013)* | |
| 36 | **Lương Tuấn Tú** | Lương Tuấn Tú, người dân tộc Nùng.  Quê quán:Xã Nghi Bố (Phù Đúng - nay là xã Dân Chủ, huyện Hòa An).  Lương Tuấn Tú là hậu duệ thứ 8 của dòng họ Lương, thông minh, học giỏi, tư chất thông minh từ bé, diện mạo khôi ngô, từ thiếu thời đã phát lộ ra tư thế đĩnh đạc người thủ lĩnh. Ông đỗ cử nhân nhưng xuất thân từ một hào trưởng bá hộ diệt phỉ bảo vệ xóm làng, Tuấn Tú được thử thách nâng dần lên làm Lãnh binh một tỉnh rồi thăng làm Tiễu phủ sứ cai quản việc binh bốn tỉnh Tuyên Cao Thái Lạng. Nhưng nơi chính là ông ở Cao Bằng.  Tháng 2/1886, Tôn Thất Thuyết cho hai người con trai của mình ở lại bảo vệ Hàm Nghi, còn mình cùng với Trần Xuân Soạn tìm đường cầu viện. Vượt qua Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa lên vùng Hòa Bình và từ đó ven theo biên giới Việt Trung, ông tới vùng Cao Bằng vào tháng 10/1886. Tại Cao Bằng, Tôn Thất Thuyết chiêu nạp một số nhân vật vốn là những quan lại của triều đình đóng tại Cao Bằng nhưng bất mãn với sự bạc nhược của triều đình như Lương Tuấn Tú, Nghiêm Xuân Phương. Ông đã bí mật cho dán cáo thị trên tường thành Cao Bằng, kêu gọi các tầng lớp Nhân dân đứng lên đánh đuổi ngoại xâm bảo vệ quê hương đất nước.  Khi thực dân Pháp xâm lược Cao Bằng (1886), Nhân dân các dân tộc Hòa An dưới sự lãnh đạo của Lãnh binh Lương Tuấn Tú đã cùng một số hào trưởng địa phương đứng lên chống giặc, xây dựng căn cứ, liên tục tổ chức kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược: Đồn Mỏ Sắt bị nhóm quân của ông tấn công chỉ sau vài ngày được xây dựng. Địch phải cho quân cứu viện tới mới đẩy lùi đội quân của Lương Tuấn Tú.  *(Nguồn: Lịch sử tỉnh Cao Bằng. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009; Lịch sử Đảng bộ huyện Hòa An.*  *Nxb Chính trị quốc gia, 2015).* | |
| 37 | **Triệu Phúc Sinh** | Triệu Phúc Sinh; quê ở Đào Ngạn, đã tổ chức Nhân dân các dân tộc vùng Hà Quảng, Trà Lĩnh, Hoà An nổi dậy chống Pháp năm 1886.  Nghĩa quân của Triệu Phúc Sinh xây dựng căn cứ ở vùng Tổng Cọt, Lục Khu, Hà Quảng, liên tục tổ chức các trận phục kích, tập kích bao vây đồn bốt của thực dân Pháp. Năm 1888, lực lượng nghĩa quân của Triệu Phúc Sinh và các huyện miền Đông đã kéo xuống chiếm vùng Án Lại, Canh Biện (Hòa An) và đào hào, đắp lũy, dựng đồn bốt tạo thành một căn cứ vững chắc.  *(Nguồn: Lịch sử tỉnh Cao Bằng. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2009).* | |
| 38 | **Đặng Văn Cáp** | Đặng Văn Cáp (1894 - 1984), còn có tên là Đặng Văn Linh.  Quê quán: Thượng Lộc, Can Lộc, Hà Tĩnh. Cha ông là Đặng Văn Hữu từng tham gia phong trào Cần Vương chống Pháp và đã đưa cụ Phan Đình Phùng về nhà mình chữa bệnh.  TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG:  Năm 23 tuổi, Đặng Văn Cáp rời Hà Tĩnh tích cực tham gia vận động phong trào thanh niên chống áp bức. Khi bị lộ, ông sang nước Xiêm (nay là Thái Lan).  Năm 1926, Đặng Văn Cáp được những nhà cách mạng tiền bối như các ông Đặng Thúc Hứa và Lê Đạt (cha Lý Tự Trọng) dìu dắt, rồi ông được đứng vào tổ chức Thanh niên Việt kiều yêu nước, tham gia thành lập Hội Thân ái.  Mùa thu năm 1928, Đặng Văn Cáp được gặp ông Thầu Chín, chính là Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Từ cuộc gặp lịch sử ấy, ông được hoạt động cùng Người một thời gian trên đất Xiêm.  Tháng 3/1930, Đặng Văn Cáp được Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc công nhận là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.  Năm 1934, Đặng Văn Cáp bị bắt và đến tháng 6/1935, ông bị trục xuất sang Trung Quốc. Tại Trung Quốc, Đặng Văn Cáp tiếp tục hoạt động trong phong trào yêu nước.  Tháng 5/1940, Đặng Văn Cáp gặp lại đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Người giao cho Đặng Văn Cáp làm liên lạc giữa các đồng chí Đảng ta với các đồng chí Đảng Cộng sản Trung Quốc.  Cuối năm 1940, Đặng Văn Cáp và các đồng chí Phạm Văn Đồng, Phùng Chí Kiên, cùng một số đồng chí khác theo lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc rời Quế Lâm tìm đường về nước.  Ngày 28/1/1941, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc 05 đồng chí vượt cột mốc 108 về đến Pác Bó, Hà Quảng, Cao Bằng (trong đoàn có Đặng Văn Cáp)  Từ tháng 5/1941, ông tham gia huấn luyện nhiều lớp quân sự, tự vệ cho một số xã vùng Hòa An, Cao Bằng.  Đến tháng 3/1944, Đặng Văn Cáp phụ trách xây dựng “Lò chế tạo vũ khí” tại vùng Lũng Hoàng, Hòa An, Cao Bằng. Xưởng vũ khí này chuyên sửa chữa súng và chế tạo lựu đạn, địa lôi.  Sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, Đặng Văn Cáp nhận lệnh về Hà Nội làm thư ký biên dịch tiếng Trung chuyên lo giao dịch với quân Tưởng.  Sau Hiệp định sơ bộ tháng 9/1946, ông được lệnh về Cao Bằng mở rộng công binh xưởng để chuẩn bị kháng chiến.  Sau chiến dịch Cao Bắc Lạng năm 1949, Đặng Văn Cáp được cử sang Trung Quốc làm Biện sự sứ ở Quảng Tây.  Tháng 10/1951, ông được giao phụ trách Trường Thiếu sinh quân Việt Nam tại Quế Lâm.  Năm 1957, ông về nước và làm việc tại Cao Bằng.  Năm 1960, Đặng Văn Cáp chuyển sang công tác trong lĩnh vực y học cổ truyền, làm Phó chủ tịch rồi Chủ tịch Hội Y học cổ truyền Việt Nam.  Hơn nửa thế kỷ hoạt động cách mạng, ông đã từng là đại biểu Quốc hội khóa II, khóa III, Ủy viên Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất; Huân chương Kháng chiến hạng Nhất.  *(Nguồn: Đặng Văn Cáp, Con đường dẫn tôi đến với Bác, trích từ cuốn “Bác Hồ về nước”, Hội Văn học nghệ thuật Cao Bằng, Cao Bằng, 1986; Đặng Văn Cáp, Có Bác dẫn đường, trích từ cuốn “Đường ta sáng mãi”,*  *Nxb Lao Động, Hà Nội, năm 1974)* | |
| 39 | **Hoàng Đức Hậu** | Hoàng Đức Hậu (1890-1945) được gọi là thầy đồ Hậu.  Quê quán: Xã Phúc Tăng, tổng Nhượng Bạn, châu Thạch Lâm (nay thuộc thôn Lam Sơn, xã Hồng Việt, huyện Hòa An).  Ông làm nghề dạy chữ Nho là chính. Tuy nhiên đã từng trải qua nhiều nghề: Làm ruộng, đi buôn, tiếp xúc nhiều tầng lớp xã hội, nên có đầu óc thực tế, am hiểu thế thái nhân tình.  Thơ ông viết theo thể Đường luật, song sử dụng hình tượng, ngôn ngữ linh hoạt sáng tạo. Ngôn ngữ Tày được ông vận dụng xuất sắc, ông rất ý thức ngôn từ được vận dụng phải quý, chọn lọc, một từ có thể hiểu được nhiều nghĩa mà không dung tục tầm thường. Những từ ngữ thông thường vào thơ ông trở thành đặc biệt, được người Tày, Nùng tôn sùng là nghệ sĩ tài ba về sử dụng ngôn từ. Ông được xếp vào hàng các nhà thơ có tên tuổi của đất nước. Tác phẩm của ông rải rác nhiều địa phương, nay sưu tầm được trên 150 bài, đã xuất bản, tái bản nhiều lần.  *(Nguồn: Địa chí Cao Bằng. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2000)* | |
| 40 | **Phù Nhị** | Phù Nhị, người dân tộc Dao (Nguyên Bình) đã tập hợp một số người Dao yêu nước tập kích đánh Pháp ở thị trấn Nguyên Bình (1905) - Thể hiện tinh thần yêu nước chống giặc ngoại xâm của bà con dân tộc thiểu số.  *(Nguồn: Bộ Tư lệnh bộ đội biên phòng, bộ chỉ huy bộ đội biên phòng Cao Bằng; Lịch sử tỉnh Cao Bằng.*  *Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2009).* | |
| 41 | **Pa Deng** | Pa Deng là nữ thanh niên người Mông ở Thông Nông (Hà Quảng) đã tổ chức được một số người Mông yêu nước chống Pháp, tiêu biểu là trận phục kích đánh Pháp ở đèo Mã Quỷnh (đường đi Thông Nông) gây cho thực dân Pháp nhiều thiệt hại - Thể hiện tinh thần yêu nước chống giặc ngoại xâm của bà con dân tộc thiểu số.  *(Nguồn: Ban Buyên giáo Tỉnh ủy Cao Bằng, Lịch sử Đảng bộ tỉnh Cao Bằng tập 1 (1930 - 1945).* | |
| 42 | **Lê Liêm** | Lê Liêm: Tên khai sinh là Trịnh Đình Huấn.  Quê quán: Làng Tía, xã Tử Dương, huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Đông cũ (nay thuộc thành phố Hà Nội).  TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG:  Trong phong trào đấu tranh của Mặt trận Bình dân 1936 - 1939, Lê Liêm là một trong những đoàn viên Đoàn thanh niên Dân chủ hoạt động hăng hái.  Đầu năm 1940, đi thoát ly hoạt động chuyên nghiệp cho Đảng, ông được chỉ định tham gia Ban lãnh đạo Đảng bộ thành phố Hải. Ban lãnh đạo Đảng bộ thành phố Hải Phòng đều bị địch bị bắt, Lê Liêm bị lĩnh án tù Sơn La.  Sau khi ra khỏi nhà tù Sơn La, ông tiếp tục tham gia hoạt động cách mạng, chuẩn bị giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám. Cách mạng Tháng Tám bùng nổ, ông tham gia tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở Bần - Yên Nhân (Hưng Yên).  Sau Cách mạng Tháng Tám, Lê Liêm được cử làm Bí thư Khu uỷ khu II gồm các tỉnh Hà Nội, Hà Đông và Sơn Tây, sau đó được cử làm Bí thư Liên khu uỷ khu I kiêm Chủ tịch Uỷ ban kháng chiến Liên khu thay cho đồng chí Bùi Quang Tạo.  Cuộc kháng chiến chống Pháp nổ ra, ông lên hoạt động tại chiến khu, làm Chính trị ủy viên trong Ủy ban Kháng chiến Khu 1.  Năm 1947, ông được cử giữ chức Phó phòng Dân quân (Cục phó Cục Dân quân) thuộc Bộ Tổng chỉ huy.  Năm 1948, ông được bổ nhiệm Cục trưởng Cục Dân quân.  Năm 1949, ông được kiêm thêm chức Cục trưởng Cục Chính trị, tiền thân của Tổng cục Chính trị.  Năm 1950, ông được cử làm Cục trưởng Cục Tuyên huấn, sau đó là Phó chủ nhiệm Tổng cục Chính trị cho đến năm 1958.  Trong Chiến dịch Biên giới năm 1950, ông được giao trọng trách là Chủ nhiệm chính trị mặt trận, tiếp sau đó là Chủ nhiệm chính trị 2 mặt trận: Chiến dịch Tây Bắc 1952, Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954, đồng thời ông còn là Chủ nhiệm báo (Tổng biên tập) đầu tiên của Báo Quân đội nhân dân trong thời kỳ 1950-1953.  Năm 1958, ông được bổ nhiệm làm Thứ trưởng Bộ Văn hóa.  Năm 1964, ông là Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn giáo thuộc Phủ Thủ tướng.  Năm 1965-1973, ông giữ chức Thứ trưởng Bộ Giáo dục. Tại Đại hội lần thứ 3 của Đảng, ông được bầu vào Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng.  *(Nguồn: Kiều Mai Sơn, Lê Liêm, vị tướng có tầm nhìn văn hóa,*  *Báo Nông nghiệp Việt Nam - nongnghiep.vn ngày 30/3/2019)* | |
| 43 | **Lý Tự Trọng** | Anh hùng Lý Tự Trọng (1914 - 1931), tên thật là Lê Hữu Trọng.  Quê quán: Làng Việt Xuyên, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.  Ông là con trai cụ Lê Khoan (tức Lê Hữu Đạt) và cụ Nguyễn Thị Sờm, do không chịu nổi cảnh áp bức, bóc lột của thực dân phong kiến, cụ Khoan đã cùng bà con rời quê hương sang Thái Lan sinh sống và tham gia hoạt động yêu nước. Gia đình Lê Hữu Trọng là một trong những cơ sở cách mạng, đây là nơi bồi dưỡng cán bộ và là trường quốc ngữ của Hội Việt kiều. Lớn lên, Lê Hữu Trọng được gia đình cho đi học tại ngôi trường trong Trại Cày do cụ Đặng Thúc Hứa - một sỹ phu yêu nước tổ chức dạy văn hóa.  TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG:  Đầu mùa hè năm 1926, thực hiện ý kiến của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, đồng chí Hồ Tùng Mậu - thành viên của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên đến Thái Lan gặp cụ Đặng Thúc Hứa, truyền đạt yêu cầu của đồng chí Nguyễn Ái Quốc về việc chọn một số con em gia đình Việt kiều yêu nước đưa sang Quảng Châu đào tạo lâu dài để chuẩn bị xây dựng tổ chức Thanh niên Cộng sản ở Việt Nam. Lê Hữu Trọng là một trong số các thiếu niên được lựa chọn. Đến Quảng Châu, nhóm thiếu niên này được gặp Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc (lúc này mang tên Lý Thụy). Để đảm bảo bí mật, các thiếu niên đều mang họ Lý coi như người trong một gia tộc, do đó Lê Hữu Trọng đổi tên Lý Tự Trọng.  Năm 1929, các tổ chức cộng sản ở Việt Nam lần lượt ra đời, Lý Tự Trọng được cử về nước hoạt động tại Sài Gòn - Chợ Lớn đảm nhận nhiệm vụ liên lạc trong và ngoài nước cho Xứ ủy Nam Kỳ và Trung ương Đảng. Đồng thời được giao nhiệm vụ đặc biệt: vận động tập hợp thanh niên trong các nhà máy, trường học để thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản trong nước.  Ngày 08/02/1931, lợi dụng lúc bà con đi xem bóng đá ở sân vận động Sài Gòn, các chiến sỹ cách mạng tổ chức một cuộc mít tinh chớp nhoáng, kêu gọi quần chúng đánh đổ thực dân Pháp. Giữa lúc ấy tên thanh tra mật thám Pháp Le Grand và bọn cảnh sát đi cùng ập tới. Không còn cách nào khác để cứu đồng chí mình, Lý Tự Trọng đã rút súng bắn chết tên thanh tra mật thám cứu thoát đồng chí diễn thuyết. Bị vây hãm ráo riết, Lý Tự Trọng đã bị bắt. Giam cầm, tra tấn ở khám lớn Sài Gòn một thời gian không thu được kết quả, bọn chúng đưa anh về xử án, chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương đã mở một phiên tòa đại hình để xử một chiến sĩ cộng sản Việt Nam chưa đầy 18 tuổi.  Lý Tự Trọng đã bị kết án tử hình. Đứng trước cái chết, Lý Tự Trọng không hề run sợ, anh chủ động biến phiên tòa của đế quốc thành một diễn đàn của người chiến sĩ cộng sản. Ý chí và hành động của anh là minh chứng hùng hồn về bản lĩnh kiên cường, lòng trung thành, tinh thần bất khuất của người cộng sản, đồng thời là bức thông điệp báo trước sự sụp đổ của thực dân phong kiến và sự tất thắng của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng.  Đêm, rạng sáng ngày 21/11/1931 chúng đã hèn hạ dựng máy chém ở ngay khám lớn Sài Gòn hòng giết anh trong im lặng, nhưng tấm gương đấu tranh kiên cường, anh dũng và những tiếng hô của anh: “Đả đảo thực dân Pháp”, “Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm”, “Cách mạng Việt Nam thành công muôn năm” đã cổ vũ mạnh mẽ, tạo một làn sóng phản đối tội ác của thực dân Pháp; tinh thần cách mạng bất khuất của anh đã làm cho kẻ thù khiếp sợ và đã động viên, cổ vũ mạnh mẽ phong trào cách mạng trong cả nước lúc bấy giờ - là tấm gương sáng cho các thế hệ thanh niên noi theo; là tượng đài bất diệt về ý chí kiên cường và lòng yêu nước nồng nàn.  *(Nguồn: Tỉnh đoàn Quảng Bình - tinhdoan.quangbinh.gov.vn)* | |
| 44 | **Đặng Văn Việt** | Đặng Văn Việt (1920 - 2021).  Quê quán: Làng Nho Lâm, xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.  TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG:  Năm 1945, ông khởi nghĩa cướp chính quyền tại thành phố Huế. Đặng Văn Việt đã tham gia quân đội và trở thành một trong những chỉ huy khi còn rất trẻ, làm Phân đội trưởng phân đội gồm 36 người của Giải phóng quân, trấn giữ tại cửa Thuận An.  Sau khi quân Pháp chiếm Huế, Đặng Văn Việt được giao trọng trách làm Chỉ huy trưởng Mặt trận đường số 9 (Hạ Lào, 1945), rồi Chỉ huy trưởng Mặt trận đường số 7 (Thượng Lào, 1946).  Năm 1946, Đặng Văn Việt được cấp trên điều ra Bắc công tác ở trường Quân sự Trần Quốc Tuấn, rồi về Ban Nghiên cứu trực thuộc Bộ Tổng tham mưu, phái viên Mặt trận đường số 4, trung đoàn trưởng Trung đoàn 128. Chính nơi đây, bằng sự mưu trí dũng cảm, Đặng Văn Việt đã chỉ huy đơn vị hoạt động dọc tuyến đường số 4, tổ chức nhiều trận phục kích và công đồn, gây rất nhiều khó khăn cho lực lượng quân Pháp, góp phần phá tan âm mưu kế hoạch của chúng đánh chiếm chiến khu Việt Bắc. Do những chiến tích lẫy lừng trên đường số 4, đặc biệt với các trận phục kích trên đèo Bông Lau từ năm 1947 đến 1949, tiêu diệt hơn 100 xe giới quân sự Pháp, Nhân dân vùng Cao - Bắc - Lạng xưng tụng ông là "Đệ tứ lộ Đại vương", còn các binh sĩ Pháp gọi ông với nhiều biệt danh khác nhau như "Hùm xám đường số 4" (le Tigre gris de la RC4), hoặc "Tiểu tướng Napoléon" (mon petit Napoléon)...  Ngày 19/8/1949 , khi Trung đoàn 174, một trong những Trung đoàn chủ lực đầu tiên của Quân đội ta được được thành lập, trên cơ sở hợp nhất lực lượng của 3 trung đoàn thuộc 3 tỉnh: Trung đoàn 74 (Cao Bằng), Trung đoàn 72 (Bắc Cạn), Trung đoàn 28 (Lạng Sơn). Đặng Văn là Trung đoàn trưởng đầu tiên và đồng chí Chu Huy Mân làm chính ủy đầu tiên.  Ngày 16/9/1950, Đặng Văn Việt đã chỉ huy đơn vị, phối hợp với Trung đoàn 209, chủ động đánh chiếm cứ điểm Đông Khê, mở đầu Chiến dịch Biên giới thu đông 1950, sau đó bao vây cô lập Cao Bằng, uy hiếp cứ điểm Thất Khê và phá thế trận phòng thủ của quân Pháp trên đường số 4.  Sau chiến dịch Biên giới, Đặng Văn Việt còn tiếp tục chỉ huy Trung đoàn tham gia nhiều chiến dịch lớn khác như chiến dịch Tây Bắc (1952), chiến dịch Hòa Bình, phá hủy căn cứ đồng bằng Bắc bộ của quân Pháp (1952)...  *(Nguồn: Những trận đánh của tôi huyền thoại của thời mới. Nxb Hà Nội, năm 2009; Đường số 4 Rực lửa. Nxb Thanh Niên)* | |
| 45 | **Hoàng Văn Lộc** | Hoàng Văn Lộc (1900 - 1948), tên thật là Nguyễn Văn Ty.  Quê quán: Xã Lương Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.  TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG:  Đồng chí Lộc vốn là một Việt kiều Xiêm. Năm 1928, khi Bác Hồ đến Xiêm, đồng chí Lộc đã được chọn đi cùng Bác khắp 16 tỉnh Đông Bắc Xiêm nhằm tuyên truyền cách mạng cho kiều bào yêu nước.  Đến năm 1929, Bác trở về Trung Quốc hoạt động cách mạng, từ đây đồng chí Hoàng Văn Lộc theo Bác tiếp tục con đường hoạt động cách mạng.  Cuối tháng 5/1940, đồng chí Hoàng Văn Lộc và đồng chí Đặng Văn Cáp tới Côn Minh, Vân Nam, Trung Quốc gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh. Sau đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh phái Bùi Thanh Bình và Hoàng Văn Lộc về Hà Khẩu thăm dò đường sá để về nước bằng đường Côn Minh - Lào Cai.  Cuối tháng 6/1940, đường giao thông Côn Minh - Lào Cai bị tắc, kế hoạch về nước bằng đường Lào Cai phải hủy bỏ. Đồng chí Hoàng Văn Lộc được gọi trở về Côn Minh. Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định chọn đường về nước qua Cao Bằng.  Ngày 28/1/1941 đoàn cán bộ cùng Bác Hồ vượt qua cột mốc 108 biên giới Việt - Trung về Cao Bằng. Cùng đến Cốc Bó với Chủ tịch Hồ Chí Minh còn có 5 đồng chí: Lê Quảng Ba, Phùng Chí Kiên, Thế An, Đặng Văn Cáp và Hoàng Văn Lộc.  Những ngày hoạt động ở Pác Bó cuộc sống vô cùng gian khổ và thiếu thốn. Đồng chí Lộc được giao nhiệm vụ nấu ăn cho Bác cả cơ quan.  Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, đồng chí Lộc cùng với một số đồng chí khác được Bác Hồ cử ở lại Việt Bắc tiếp tục xây dựng “hậu phương lưu trú”.  Tháng 5/1947, Bác Hồ trở lại Tân Trào, bắt đầu cuộc kháng chiến trường kỳ. Đồng chí Lộc đang làm việc tại công binh xưởng, được gọi trở về cơ quan Phủ Chủ tịch để làm nhiệm vụ cấp dưỡng, nấu ăn cho Bác. Để biểu thị quyết tâm trong cuộc kháng chiến, cũng là để nhắc nhở các cán bộ chiến sĩ đồng lòng quyết tâm, Bác Hồ đã đặt tên cho các chiến sĩ, cán bộ phục vụ xung quanh Người theo khẩu hiệu: Trường, Kỳ, Kháng, Chiến, Nhất, Định, Thắng, Lợi và Đồng, Tâm, Kiên, Quyết, Trung, Dũng, Cần, Kiệm, Liêm… Đồng chí Lộc được mang tên là Đồng.  Năm 1948, do bị một cơn sốt rét ác tính, đồng chí Lộc qua đời tại xã Phú Đình, Định Hoá, Thái Nguyên.  *(Nguồn: Lý lịch các đồng chí về nước cùng Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, BQL các di tích Quốc gia đặc biệt tỉnh Cao Bằng)* | |
| 46 | **Trần Cừ** | Trần Cừ (1920 - 1950), người dân tộc Kinh.  Quê quán: Xã Đức Bắc, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, nhập ngũ ngày 19/8/1945, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.  Trong chiến dịch Biên giới, trận Đông Khê (17/9/1950), trên cương vị là Đại đội trưởng chủ công của Trung đoàn. Đồng chí đã chỉ huy đơn vị chiến đấu rất dũng cảm, đánh chiếm gần hết căn cứ. Địch còn lại 100 tên, chúng dồn vào một hầm cố thủ, chống trả quyết liệt.Trời đã rạng sáng, Trần Cừ nghĩ nếu để trận đánh kéo dài, địch sẽ dùng phi pháo và viện binh phản kích chiếm lại đồn, đơn vị sẽ bị thương vong nhiều hơn và không hoàn thành nhiệm vụ, ảnh hưởng tới toàn bộ chiến dịch, nén chịu vết thương đau, nhảy lên hô lớn rồi lao tới sát lô cốt ném quả thủ pháo cuối cùng còn lại vào lỗ châu mai và dùng cả thân mình bịt kín hỏa điểm địch, tạo thuận lợi cho đồng đội tiến lên, đánh sập hầm ngầm và diệt toàn bộ địch.  Với thành tích chiến đấu xuất sắc, Trần Cừ đã được tặng thưởng 01 Huân chương Quân công Hạng Ba; 01 Huân chương Kháng chiến Hạng Nhất; 01 Huân chương Chiến công Hạng nhất.  Ngày 31/8/1955, Trần Cừ được Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa truy tặng Huân chương Quân công Hạng Nhì và danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.  *(Nguồn: trianlietsy.vn)* | |
| **4.4.** | **Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân, Anh hùng Lao động (con em các dân tộc Cao Bằng), Mẹ Việt Nam anh hùng: 22 tên** | | |
| **1** | **Kim Đồng** | **Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân:**  Kim Đồng (1928 - 1943), tên thật là Nông Văn Dền người dân tộc Nùng.  Quê quán: Làng Nà Mạ, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.  Khi hy sinh, Kim Đồng là đội trưởng Đội Nhi đồng Cứu quốc (Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh ngày nay). Sinh ra và lớn lên trong chiếc nôi của chiến khu cách mạng, khi còn nhỏ Kim Đồng đã sớm được cán bộ Việt Minh giáo dục, giác ngộ. Anh đã vận động các bạn cùng lứa tuổi trong bản làm nhiệm vụ liên lạc, chuyển công văn, tài liệu, đưa đón cán bộ, trinh sát nắm tình hình địch để cung cấp cho cán bộ. Tháng 5/1941, Trung ương Đảng quyết định thành lập Đội Nhi đồng Cứu quốc. Kim Đồng là một trong số năm đội viên đầu tiên và được bầu làm đội trưởng Đội Nhi đồng Cứu quốc. Được rèn luyện thử thách, Kim Đồng luôn thể hiện trí thông minh, lòng dũng cảm, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.  Rạng sáng ngày 15/2/1943, Kim Đồng được giao nhiệm vụ canh gác, bảo vệ cuộc họp bí mật của Trung ương Đảng. Địch phát hiện và cho một lực lượng khá lớn bao vây hòng bắt sống các đồng chí lãnh đạo của Đảng. Trước tình thế nguy hiểm, Kim Đồng đã mưu trí đánh lạc hướng, lừa địch tập trung lực lượng và hoả lực về phía mình, đồng thời phát tín hiệu cho các đồng chí cán bộ rút lui an toàn. Kim Đồng đã anh dũng hy sinh khi anh vừa tròn 15 tuổi, anh đã nêu tấm gương sáng chói cho các thế hệ thanh, thiếu niên và mọi người Việt Nam noi theo. Ngày 23/9/1997, Nông Văn Dền (tức Kim Đồng) được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân.  *(Nguồn: Lịch sử Đội TNTP Hồ Chí Minh và phong trào thiếu nhi Việt Nam. Nxb Thanh niên, năm 2006)* | |
| **2** | **Lộc Văn Trọng** | **Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân**:  Lộc Văn Trọng (1905 - 1979), người dân tộc Tày.  Quê quán: Xã Chí Thảo, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.  Nhập ngũ năm 1950. Khi được tuyên dương Anh hùng (1955) là Trung đội phó lái xe Cục vận tải. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Thượng úy, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn ô tô vận tải Tổng cục hậu cần. Năm 1950, tuy đã 45 tuổi vẫn xung phong lái xe để phục vụ cho 5 chiến dịch lớn, gần 3 năm trong những điều kiện phục vụ chiến dịch hết sức khó khăn, chiếc xe do đồng chí lái đã chạy hơn 3 vạn km, an toàn đưa được hàng ngàn tấn vũ khí, lương thực tới chiến trường kịp thời phục vụ đơn vị chiến đấu, xứng đáng vị trí lá cờ đầu của toàn đơn vị. Đồng chí được tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Ba và Huân chương Chiến công hạng Nhất.  *(Nguồn: Đơn vị và cá nhân Anh hùng tỉnh Cao Bằng - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Cao Bằng năm 1994)* | |
| **3** | **Bế Văn Đàn** | **Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân:**  Bế Văn Đàn (1931 - 1954), người dân tộc Tày.  Quê quán: Xã Quang Vinh, (nay là xã Bế Văn Đàn) huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.  TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG:  Tháng 1/1948, anh vào bộ đội, công tác tích cực, bền bỉ, chiến đấu dũng cảm. Đồng chí tham gia hầu hết các chiến dịch lớn trong kháng chiến chống Pháp. Khi hy sinh, đồng chí biên chế thuộc đại đội 674, tiểu đoàn 251, Đại đoàn 316. Trong chiến dịch Đông Xuân 1953 - 1954, đồng chí tham gia trận đánh bao vây, quân địch rút chạy từ Lai Châu về Điện Biên Phủ ở vùng Mường Pồn, lúc đó anh làm liên lạc tiểu đoàn. Địch phản kích lần thứ ba, chúng điên cuồng mở đường tiến, đơn vị thương vong nhiều, chỉ còn 17 người, bản thân Bế Văn Đàn cũng bị thương. Một khẩu trung liên của đơn vị không bắn được vì xạ thủ hy sinh. Khẩu trung liên của đồng đội Chu Văn Pù cũng chưa bắn được vì không có chỗ đặt súng, tình thế hết sức khẩn trương, không ngần ngại Bế Văn Đàn chạy lại cầm hai chân khẩu trung liên đặt lên vai mình và hô bạn bắn. Đồng chí Pù còn do dự thì Bế Văn Đàn đã nói: “kẻ thù trước mặt, đồng chí có thương tôi thì bắn chết chúng nó đi”. Đồng chí nghiến răng nổ súng vào đội hình quân địch tiêu diệt hàng chục tên, địch hoảng hốt bỏ chạy, đợt phản kích của chúng bị bẻ gẫy. Trong lúc lấy thân mình làm giá súng, Bế Văn Đàn bị hai vết thương nữa và đã anh dũng hy sinh, hai tay vẫn còn ghì chặt súng trên vai mình. Tấm gương dũng cảm của Bế Văn Đàn đã cổ vũ cán bộ, chiến sĩ trên toàn mặt trận hăng hái thi đua giết giặc lập công, góp phần làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ chấn động địa cầu.  Khi hy sinh Bế Văn Đàn là tiểu đội phó, Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Tấm gương chiến đấu dũng cảm, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao của Bế Văn Đàn đã trở thành niềm tự hào của các thế hệ thanh niên Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến của dân tộc. Trong đại hội mừng công của đơn vị, đồng chí Bế Văn Đàn được truy tặng Huân chương Chiến công hạng Nhất và được bình bầu là Chiến sĩ thi đua số một của tiểu đoàn. Với những thành tích đặc biệt xuất sắc, ngày 31/8/1955 đồng chí được Quốc hội truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân và Huân chương Quân công hạng Nhì.  *(Nguồn: Đơn vị và cá nhân Anh hùng tỉnh Cao Bằng - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Cao Bằng năm 1994)* | |
| **4** | **Lý Viết Mưu** | **Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân:**  Lý Viết Mưu (Lý Văn Mưu) (1934 - 1950), người dân tộc Tày.  Quê quán: Xã Độc Lập, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.  Nhập ngũ tháng 3/1950, khi hy sinh là chiến sĩ bộ binh thuộc Đại đội 675, Tiểu đoàn 251, Trung đoàn 174, Đại đoàn 316. Chỉ mới 13 tuổi, đồng chí đã tham gia công tác thiếu niên ở địa phương phục vụ kháng chiến. Đồng chí hy sinh trong trận đánh tại đồn Đông Khê, khi xung phong ôm bộc phá đánh lô cốt địch, đã mấy lần gục xuống do bị địch bắn nhưng đồng chí vẫn cố gắng trườn lên đưa bằng được bộc phá vào lỗ châu mai, ngăn chặn hỏa lực từ lô cốt địch, mở đường cho bộ đội xung phong diệt đồn. Ngày 7/5/1955, đồng chí đã được Quốc hội truy tặng Huân chương Quân công hạng Nhì và danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân.  *(Nguồn: Đơn vị và cá nhân Anh hùng tỉnh Cao Bằng - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Cao Bằng năm 1994)* | |
| **5** | **Phùng Văn Khầu** | **Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân**:  PhùngVăn Khầu (1930 - 2021), người dân tộc Nùng.  Quê quán: Xã Đức Hồng, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng,  Năm 1955, khi được tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân ông là Trung đội trưởng pháo binh thuộc Đại đội 351, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; nguyên là Đại tá Phó chủ nhiệm chính trị Trường Sỹ quan Pháo binh đã nghỉ hưu. Đồng chí tham gia 7 chiến dịch lớn, đánh hàng chục trận, chiến dịch nào đồng chí cũng dũng cảm mưu trí linh hoạt, vận động giỏi, chuyển đạn nhanh hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đặc biệt là trong chiến dịch Điện Biên Phủ. Đồng chí đã được tặng Huân chương Quân kỳ quyết thắng, ba Huân chương Chiến công, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, ba Huân chương Chiến sĩ vẻ vang và nhiều danh hiệu thi đua cao quý khác.  *(Nguồn: Đơn vị và cá nhân Anh hùng tỉnh Cao Bằng - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Cao Bằng năm 1994)* | |
| **6** | **La Văn Cầu** | **Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân**:  La Văn Cầu Sinh năm 1932, người dân tộc Tày (hiện nay ông sống cùng gia đình tại Hà Nội).  Quê quán: Xã Đình Phong, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.  Năm 1952, khi được tuyên dương Anh hùng là Tiểu đội trưởng thuộc Đại đội 671, Tiểu đoàn 73, Đại đoàn 316. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; là Đại tá chuyên viên tại Viện bảo tàng Quân đội Nhân dân Việt Nam.  Năm 1948, đồng chí La Văn Cầu mới 16 tuổi đã khai tăng lên 18 tuổi để vào bộ đội. Đồng chí đã chiến đấu 29 trận, trận nào cũng nêu cao tinh thần gương mẫu, mưu trí dũng cảm, vượt qua mọi khó khăn gian khổ chấp hành nghiêm mệnh lệnh hoàn thanh xuất sắc nhiệm vụ được giao. Anh hùng trong chiến dịch Biên giới năm 1950, tại trận đánh cứ điểm Đông Khê trong lúc chiến đấu bị trúng đạn không chút do dự đã nhờ đồng đội chặt cánh tay bị đạn bắn nát, tiếp tục dùng tay còn lại ôm bộc phá xông lên tiêu diệt đồn địch. Tấm gương của đồng chí đã cổ vũ phong trào thi đua giết giặc lập công trong đơn vị, là lá cờ đầu trong phong trào sử dụng bộc phá công đồn, một hình thức chiến thuật mới của bộ đội chủ lực từ chiến dịch biên giới. Đồng chí được tặng thưởng: Huân chương Kháng chiến hạng Nhất; Huân chương Quyết thắng hạng Ba và 03 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang (Nhất; Nhì; Ba).  *(Nguồn: Đơn vị và cá nhân Anh hùng tỉnh Cao Bằng - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Cao Bằng năm 1994)* | |
| **7** | **Triệu Văn Báo** | **Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân:**  Triệu Văn Báo (1932 - 1994), người dân tộc Tày.  Quê quán: Xã Chí Viễn, huyện Trùng Khánh tỉnh Cao Bằng.  Nhập ngũ tháng 01/1950. Khi được tuyên dương Anh hùng là Đại đội phó Thông tin thuộc Sư đoàn 316. Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, nguyên là Đại tá Phó Hiệu trưởng Trường Quân chính Quân khu I.  Tham gia cách mạng từ năm 16 tuổi, làm liên lạc cho Ủy ban xã, đảm bảo công tác văn thư. Năm 1948, là công an của tỉnh, cùng với dân quân thực hiện “Tiêu thổ kháng chiến” phá cầu, cắt dây điện thoại gây khó khăn cho địch. Năm 1950, đồng chí vào bộ đội, là chiến sĩ thông tin, luôn nêu cao tình thần dũng cảm, mưu trí, quyết tâm vượt mọi khó khăn, đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt, nêu tấm gương tiêu biểu cho toàn đơn vị học tập. Đồng chí đã được tặng thưởng hai Huân chương Chiến công (hạng Nhất và hạng Nhì), Huân chương Quân công hạng Ba, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất, Huân chương Quân kỳ quyết thắng, ba Huân chương Chiến sĩ vẻ vang (hạng Nhất, Nhì, Ba), là Chiến sĩ thi đua tiêu biểu của Trung đoàn, Đại đoàn.  *(Nguồn: Đơn vị và cá nhân Anh hùng tỉnh Cao Bằng - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Cao Bằng năm 1994)* | |
| **8** | **Hoàng Văn Nô** | **Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân:**  Anh hùng, (Liệt sĩ) Hoàng Văn Nô (1932 - 1954), người dân tộc Tày.  Quê quán: Xã Ngọc Khê, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.  Ông là chiến sĩ Đại đội 925, Tiểu đoàn 255, Trung đoàn 174, Đại đoàn 316. Hi sinh khi chiến dịch Điện Biên Phủ còn chưa bắt đầu, đồng chí là tấm gương sáng “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”, trở thành biểu tượng chiến đấu và chiến thắng được các chiến sĩ Điện Biên Phủ sau này noi theo. Đồng chí đã nêu cao gương thi đua lập công vĩ đại, đã được trân trọng gọi bằng cái tên “Dũng sĩ đâm lê”.Đồng chí được truy phong danh hiệu [Anh hùng Quân đội](https://vi.wikipedia.org/wiki/Anh_h%C3%B9ng_l%E1%BB%B1c_l%C6%B0%E1%BB%A3ng_v%C5%A9_trang_nh%C3%A2n_d%C3%A2n) vì thành tích chiến đấu trong [Chiến dịch Điện Biên Phủ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Chi%E1%BA%BFn_d%E1%BB%8Bch_%C4%90i%E1%BB%87n_Bi%C3%AAn_Ph%E1%BB%A7) năm 1954. Năm 2000 được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân.  *Nguồn: Đơn vị và cá nhân Anh hùng tỉnh Cao Bằng - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Cao Bằng năm 1994)* | |
| **9** | **Nông Văn Việt** | **Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân**:  NôngVăn Việt (1938 - ?), người dân tộc Tày.  Quê quán: Xã Phong Châu, huyện Trùng Khánh tỉnh Cao Bằng.  Nhập ngũ tháng 4/1962, khi được tuyên dương Anh hùng là Thượng sĩ Trung đội trưởng thuộc Đại đội 6, Tiểu đoàn 2, Sư đoàn 7, Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, nguyên là Thượng tá Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng.  Từ năm 16 tuổi, đồng chí đã hăng hái tham gia hoạt động ở địa phương, luôn hăng hái tham gia bất cứ nhiệm vụ gì dù có thể nguy hiểm đến tính mạng và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Đồng chí là một trong những người đầu tiên dũng cảm mưu trí, kiên trì nghiên cứu và thử nghiệm tìm cách tháo gỡ bom bi, sẵn sàng đến nơi nguy hiểm tháo bom nổ chạm, bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn cho đồng bào nơi bị địch ném bom. Đồng chí Nông Văn Việt nêu một tấm gương sáng về tinh thần triệt để chấp hành mệnh lệnh, sẵn sàng xả thân vì nhiệm vụ; luôn đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ đồng đội, sống khiêm tốn, giản dị, được mọi người tin yêu, mến phục. Đồng chí vinh dự được tặng thưởng: Huân chương Quân công hạng Ba, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất, Huân chương của nước Lào anh em, nhiều năm là Chiến sĩ thi đua, Chiến sĩ quyết thắng...  *(Nguồn: Đơn vị và cá nhân Anh hùng tỉnh Cao Bằng - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Cao Bằng năm 1994)* | |
| **10** | **Hoàng Văn Nghiên** | **Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân**:  HoàngVăn Nghiên **(**1939 - ?), người dân tộc Nùng.  Quê quán: Xã Ngũ Lão, huyện Hòa An tỉnh Cao Bằng.  Nhập ngũ tháng 4/1962, khi được tuyên dương Anh hùng (1967) là Trung đội trưởng thuộc Đại đội 5, Tiểu đoàn 2, Trung đoàn 98 công binh, Đoàn 559, nguyên là Thượng tá - Phó Chủ nhiệm Công binh Quân đoàn 29.  Trong 2 năm 1964 - 1965 đồng chí cùng đơn vị được giao nhiệm vụ phá thác trên sông ở Cam-pu-chia, nơi này nhiều thác rất nguy hiểm làm chậm tốc độ vận chuyển và tốn nhiều công sức, đồng chí luôn xung phong tham gia những nhiệm vụ nguy hiểm đến tính mạng như: Lặn vào chỗ nước xoáy, nước chảy siết để hoàn thành nhiệm vụ. Đồng chí được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Ba, hai Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất, hai Huân chương Chiến sĩ giải phóng (hạng Nhì, Ba), ba Huân chương Chiến sĩ vẻ vang (hạng Nhất, Nhì và Ba).  *(Nguồn: Đơn vị và cá nhân Anh hùng tỉnh Cao Bằng - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Cao Bằng năm 1994)* | |
| **11** | **Triệu Xuân Tâng** | **Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân:**  Triệu Xuân Tâng (1942 - ?), người dân tộc Nùng.  Quê quán: Xã Quốc Dân, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.  Nhập ngũ tháng 5/1964, khi được tuyên dương Anh hùng (1978) là Thượng sỹ Trung đội trưởng, bộ đội binh đoàn 28, quân khu Tây Bắc. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.  Cuộc đời quân ngũ của đồng chí gắn với hoạt động của bộ đội tình nguyện Việt Nam trên bên nước bạn Lào, gây dựng cơ sở cách mạng, xây dựng và huấn luyện các đơn vị bộ đội của bạn, đồng thời trực tiếp chỉ huy chiến đấu hàng chục trận, lập công xuất sắc. Tiêu biểu là trận đánh năm 1968 tại cao điểm 1100, đồng chí đã chỉ huy tiểu đội chiến đấu với địch đi càn quét, sau 20 phút 2 chiến sĩ hy sinh bản thân cũng hết đạn nhưng đồng chí đã mưu trí đánh lừa quân địch tự 2 bên bắn vào nhau, riêng đồng chí tiêu diệt gần 20 tên. Đồng chí được tặng thưởng 6 Huân chương Chiến công (01 hạng Nhất; 02 hạng Nhì và 03 hạng Ba), Huân chương Giải phóng và Huân chương bạn Lào tặng, 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang (Nhất; Nhì; Ba).  *(Nguồn: Đơn vị và cá nhân Anh hùng tỉnh Cao Bằng - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Cao Bằng năm 1994)* | |
| **12** | **Bế Văn Thành** | **Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân:**  Bế Văn Thành (1946 - 1973), người dân tộc Tày.  Quê quán: Xã Hồng Quang, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.  Nhập ngũ tháng 5/1956, Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, hy sinh ngày 3/4/1973. Cấp bậc Thượng sỹ, Trung đội phó, bộ binh Đại đội 3, Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 48, Sư đoàn 320, Quân đoàn 3. Ngày 3/4/1973, trong một trận chiến đấu đồng chí đã cướp 1 khẩu súng cối của địch, khẩu súng không có bàn đế, đã mưu trí lấy chiếc mũ sắt để làm đế cối và thả nhiều loạt đạn vào đội hình quân địch diệt nhiều tên, đồng chí hy sinh trong trận này. Quá trình chiến đấu được tặng 2 Huân chương chiến công hạng Nhất và hạng Nhì, 4 bằng Dũng sĩ diệt Mỹ, 8 bằng khen; được truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân năm 1978.  *(Nguồn: Đơn vị và cá nhân Anh hùng tỉnh Cao Bằng - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Cao Bằng năm 1994)* | |
| **13** | **Hoàng Văn Cón** | **Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân:**  Hoàng Văn Cón sinh năm 1944, người dân tộc Nùng.  Quê quán: Xã Thượng Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.  Nhập ngũ tháng 10/1963. Khi được tuyên dương Anh hùng là Thượng sĩ, Tiểu đội trưởng thuộc Đại đội 2, Trung đoàn 134 Bộ Tư lênh Thông tin liên lạc. Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam. Trong chiến tranh chống Mỹ cứu nước, đồng chí là chiến sĩ thông tin đảm nhiệm bảo vệ tuyến đường dây trần từ Bắc vào Nam song song với trục đường quốc lộ số 15 với chiều dài 20 km (thuộc huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa). Tuyến đường dây phải vượt qua nhiều đồi cao, vực sâu có nhiệu đoạn xa trục đường quốc lộ, việc đi lại và bảo vệ gặp nhiều khó khăn. Khi đế quốc Mỹ tiến hành chiến tranh đánh phá miền Bắc bằng không quân, đoạn đường dây thông tin do tổ của đồng chí bảo vệ thường xuyên bị đánh phá ác liệt, nhưng với tinh thần trách nhiệm cao, quyết tâm vượt khó, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ trong mọi tình huống. Ngoài nhiệm vụ chuyên môn, đồng chí còn tích cực giúp đỡ, hướng dẫn người dân phòng tránh bom đạn, cứu nạn trẻ thơ, được Nhân dân mến phục. Quá trình phục vụ quân đội, đồng chí được tặng năm Huân chương Chiến công (ba hạng Nhất; hai hạng Ba), ba Huân chương Chiến sĩ vẻ vang (Nhất, Nhì, Ba); sáu năm liền là Chiến sĩ Quyết thắng, 10 năm Chiến sĩ thi đua và nhiều phần thưởng cao quý của Trung ương Đoàn, UBND tỉnh Thanh Hóa, Bộ Tư lệnh Thông tin.  *(Nguồn: Đơn vị và cá nhân Anh hùng tỉnh Cao Bằng - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Cao Bằng năm 1994)* | |
| **14** | **Bế Văn Cắm** | **Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân:**  Bế Văn Cắm (1945 - 1968), người dân tộc Nùng.  Quê quán: Xóm Pác Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.  Nhập ngũ tháng 2/1964 vào chiến trường tháng 1/1966, hy sinh ngày 7/1/1968 là Trung đội phó bộ binh, Đại đội 3, Tiểu đoàn 11, Trung đoàn 14, Sư đoàn 7, Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong 4 năm công tác và chiến đấu đồng chí được thưởng Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhì, hạng Ba, 6 Bằng khen, một lần đạt danh hiệu Dũng sĩ diệt Mỹ cấp ưu tú, nhiều lần đạt Dũng sĩ diệt xe cơ giới.  Ngày 20/12/1969, đồng chí Bế Văn Cắm được Chính phủ cách mạng lâm thời Miền Nam Việt Nam truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân giải phóng.  *(Nguồn: Đơn vị và cá nhân Anh hùng tỉnh Cao Bằng - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Cao Bằng năm 1994)* | |
| **15** | **Hoàng Văn Quản** | **Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân**:  Hoàng Văn Quản (1928 - 1994), người dân tộc Tày.  Quê quán: Xã Nam Tuấn, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.  Tham gia cách mạng năm 1942, vào ngành công an năm 1953, tháng 12/1979 được tuyên dương Anh hùng là Thiếu tá ủy viên Thường vụ huyện ủy, Trưởng công an huyện Hòa An, khi nghỉ hưu đồng chí là Thượng tá nguyên trưởng công an huyện, Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.  Trong cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tháng 2/1979 đồng chí đã chủ động nắm tình hình kịp thời tham mưu đề xuất với huyện sơ tán người, tài liệu và tài sản vào hậu cứ trước khi quân địch tràn đến. Sáng 19/2/1979 đồng chí đã chỉ huy đánh địch trận chiến đấu kéo dài 8 tiếng đồng hồ địch phải chịu rút lui, riêng đồng chí tiêu diệt được 15 tên…Trong suốt thời gian chiến sự đồng chí đã nêu gương dũng cảm, mưu trí, sáng tạo vượt mọi khó khăn để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao  *(Nguồn: Đơn vị và cá nhân Anh hùng tỉnh Cao Bằng - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Cao Bằng năm 1994)* | |
| **16** | **Hoàng Đình Hợp** | **Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân**:  Hoàng Đình Hợp (1930 - 1978), người dân tộc Tày.  Quê quán: Xã Lăng Hiếu, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.  Nhập ngũ năm 1949, Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, cấp bậc Thiếu tá, phó tham mưu trưởng Sư đoàn 31, Quân đoàn 3. Đồng chí là cán bộ được trưởng thành trong khói lửa chiến tranh, đã trực tiếp chiến đấu và chỉ huy trong chiến đấu hàng trăm trận, mưu trí, linh hoạt, dũng cảm, lập nhiều chiến công xuất sắc. Ngày 19/8/1978, tại mặt trận Biên giới Tây Nam, đồng chí chỉ huy đơn vị đánh vào khu Hai Bản tiêu diệt hơn trăm tên địch, thu toàn bộ vũ khí trang bị của địch. Trong trận này đồng chí anh dũng hy sinh. Đồng chí được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhì, ba Huân chương Chiến công giải phóng, Huân chương Chiến thắng hạng Ba. Năm 1981, đồng chí được Nhà nước ta truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân.  *(Nguồn: Đơn vị và cá nhân Anh hùng tỉnh Cao Bằng - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Cao Bằng năm 1994)* | |
| **17** | **Hoàng Văn Khoáy** | **Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân:**  Hoàng Văn Khoáy (1945 - 2021), người dân tộc Nùng.  Quê quán: Xã Thụy Hùng, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.  Nhập ngũ tháng 10/1963, trong kháng chiến chống Mĩ đồng chí tham gia chiến đấu tại chiến trường miền Nam, lập nhiều chiến công, là thương binh. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đồng chí tình nguyện chuyển sang lực lượng Công an Nhân dân vũ trang (nay là bộ đội Biên phòng). Tháng 12 năm 1979, khi được tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, đồng chí giữ cấp bậc Thượng úy, chức vụ Đại đội phó, Đại đội 3 bộ đội Biên phòng tỉnh Cao Bằng. Trong chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc năm 1979, đồng chí cùng đơn vị lập nhiều chiến công; tiêu biểu là trận đánh ngày 18 tháng 02, chỉ huy 1 Trung đội chi viện cho phân đội giữ chốt đồi Chông Mu (xã Đình Phong, huyện Trùng Khánh) tiêu diệt được 77 tên địch đồng thời làm tan rã 1 tiểu đoàn địch, trận đánh ngày 14 tháng 3 tại nhà máy thủy điện Thoong Cót (xã Chí Viễn, huyện Trùng Khánh), tiêu diệt hơn 100 tên địch... Là cán bộ gương mẫu về mọi mặt, chỉ huy dũng cảm, đạt hiệu quả chiến đấu cao đồng chí đã được tặng thưởng: 01 Huân chương Chiến công hạng nhất, 01 Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì, hai Huân chương chiến sĩ Giải phóng hạng Nhất, Nhì, Ba; 03 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba. Hai năm đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua (1966,1967) ba năm là Chiến sĩ giỏi (1964,1965,1968) và được tặng huy chương (Tuổi trẻ anh hùng bảo vệ Tổ quốc). Ngày 20/12/1979 được Nhà nước tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân.  *(Nguồn: Đơn vị và cá nhân Anh hùng tỉnh Cao Bằng - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Cao Bằng năm 1994)* | |
| **18** | **Dương Đức Thùng** | **Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân:**  Dương Đức Thùng sinh năm 1954, người dân tộc Nùng.  Quê quán: Xã Quốc Toản, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.  Nhập ngũ tháng 5/1974, khi được tuyên dương Anh hùng là Chuẩn úy, Đại đội trưởng công binh thuộc Tiểu đoàn 4, Lữ đoàn 25, Quân đoàn 4. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.  Năm 1975 với cương vị là Tiểu đội trưởng, đồng chí đã dũng cảm chiến đấu đạt hiệu suất cao ở các trận Bến Cát, Xuân Lộc và cuộc tiến công vào khu vực căn cứ của bọn thủy quân lục chiến ở Sóng Thần. Hoàn thành xuất sắc trong công tác địch vận ở Campuchia. Với những thành tích đạt được trong chiến đấu và công tác đồng chí đã được tặng thưởng 01 Huân chương Chiến công hạng Ba, hai năm liền đạt Chiến sĩ thi đua, 18 bằng khen trong thời gian giúp đỡ cách mạng campuchia, đồng chí được Chính phủ Campuchia tặng 01 Huân chương và 03 bằng khen. Năm 1983 được tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân. Năm 1985 tặng thưởng 01 Huân chương Chiến công hạng Nhì, 03 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang (Nhất, Nhì, Ba) và 3 năm đạt Chiến sĩ thi đua.  *(Nguồn: Đơn vị và cá nhân Anh hùng tỉnh Cao Bằng - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Cao Bằng năm 1994)* | |
| **19** | **Trương Hữu Dem** | **Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân**:  Trương Hữu Dem sinh năm 1932, người dân tộc Tày.  Quê quán: Xã Minh Tâm, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.  Nhập ngũ tháng 1/1954, xuất ngũ tháng 4/1960, tái ngũ năm 1966, Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam cấp bậc Trung úy, nghỉ hưu tháng 1 năm 1977. Trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tháng 2/1979, đồng chí đã nêu tinh thần dũng cảm mưu trí chủ động đánh địch bảo vệ quê hương và bảo vệ dân, diệt 125 tên, thu 1 súng cối 82mm, 1 ĐKZ 82mm, 1 đại liên, 2 khẩu B40 và 4 hòm đạn súng bộ binh, phối hợp cùng dân quân và lực lượng vũ trang đang chiến đấu tại địa bàn bắt 24 con lừa và ngựa. Tháng 12/1979 đồng chí được tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân.  *(Nguồn: Đơn vị và cá nhân Anh hùng tỉnh Cao Bằng - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Cao Bằng năm 1994)* | |
| **20** | **Bàn Thượng Đức** | **Anh hùng Lao động**:  Bàn Thượng Đức (1932 - 1989), người dân tộc Dao.  Quê quán: Xã Thành Công, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.  Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, là Ủy viên ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Ủy, Bí thư Huyện ủy Nguyên Bình khóa X. Đồng chí sớm giác ngộ cách mạng ngay từ khi tuổi đời mới 17. Sống trong vùng dân tộc Mông, Dao tuy chưa được qua lớp đào tạo lý luận chính trị nhưng qua nhận thức về đường lối của Đảng, đồng chí thấy muốn quê hương giàu mạnh Nhân dân được ấm no hạnh phúc chỉ đi theo con đường hợp tác hóa. Ông Đức là người đầu tiên chặt cây, vỡ đất lập làng, đã đưa toàn dân xã Thành Công đến cuộc sống ổn định, số đông gia đình có lương thực dự trữ, số người có trình độ văn hóa không ngừng tăng lên; được Đảng, Nhà nước tặng 2 Huân chương Lao động hạng Nhất, Ba, được Chủ tịch nước tặng danh hiệu Anh hùng Lao động do có thành tích xuất sắc trong công tác góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.  *(Nguồn: Đơn vị và cá nhân Anh hùng tỉnh Cao Bằng - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Cao Bằng năm 1994)* | |
| **21** | **Hoàng Thị Miên** | **Anh hùng Lao động**:  Hoàng Thị Miên (1942 - 2020), người dân tộc Nùng.  Quê quán: Xã Quang Long, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, năm 1985 được tuyên dương Anh hùng Lao động khi là Trưởng cung Cao Sơn, Hạt 7 đoạn quản lý đường bộ, ngành giao thông vận tải tỉnh Cao Bằng.  Trong thời gian làm nhiệm vụ sửa chữa đường bộ đồng chí đã có nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật có ý thức trách nhiệm cao, chủ động trong công việc và có tinh thần tương trợ giúp đỡ đơn vị bạn khi gặp khó khăn. Với phương châm và đề ra khẩu hiệu “ướt áo, ráo đường”; Các sáng kiến cải tiến đều đạt nang suất tù 200 đến 300% trong một ngày.  *(Nguồn: Đơn vị và cá nhân Anh hùng tỉnh Cao Bằng - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Cao Bằng năm 1994)* | |
| **22** | **Lân Thị Hò** | **Mẹ Việt Nam anh hùng:**  Lân Thị Hò (1890 - 1972).  Quê quán: Bản Kép Ké, xã Nà Sác (nay là xã Trường Hà), huyện Hà Quảng.  Mẹ có 5 người con, đó là: Nông Thị Nhằm, Nông Thị Lằng, Nông Văn Dấu (tức Phục Quốc), Nông Văn Dền (Dèn) (tức Kim Đồng) và Nông Thị Slấn.  Gia đình khó khăn, thiếu thốn, cơm không đủ ăn phải lên rừng đào củ mài, củ nâu ăn cho qua bữa; thóc lúa và ngay cả con gà trong nhà nuôi chưa kịp mọc lông đã bị cướp đi. Chồng của mẹ Hò bị bắt đi phu và, bao nhiêu việc trong nhà đều dồn lên đôi vai gầy của mẹ Hò - một người phụ nữ nông thôn nghèo chịu thương chịu khó, tần tảo kiếm từng bữa ăn qua ngày. Chính cuộc sống khó khăn vất vả và tận mắt chứng kiến sự tàn ác của quân cướp nước, hai con trai của mẹ đã tin và đi theo cách mạng.  Anh Nông Văn Dấu lên đường đi hoạt động cách mạng với tên gọi Phục Quốc; còn Dền từ nhỏ đã sớm được cán bộ Việt Minh giáo dục, giác ngộ. Anh đã vận động các bạn cùng trang lứa trong bản làm nhiệm vụ liên lạc, đưa đón cán bộ, bảo vệ cán bộ, đưa thư. Khi biết các con hoạt động cách mạng, với bản năng của một người mẹ, mẹ Hò cũng cảm thấy lo lắng cho con, sợ những hiểm nguy trên đường con đi liên lạc, sợ khi địch phát hiện. Dầu vậy, tuy lo lắng khi biết con đang đi trên con đường đầy gian nan, vất vả, khó khăn, hiểm nguy rình rập nhưng mẹ không làm nhụt chí con, mẹ luôn biết cách giúp đỡ và động viên con hoàn thành nhiệm vụ đoàn thể giao. Mẹ dù chân vẫn thường xuyên đau nhức nhưng đã luôn cố gắng thu xếp việc việc nhà để các con yên tâm làm cách mạng. Đó là lòng nhân hậu, cố gắng bảo vệ, nuôi dạy con thành người có ích cho đất nước, là sự hi sinh thầm lặng và cao cả của mẹ.  Rạng sáng ngày 15/2/1943, khi biết quân địch vào lùng sục cán bộ, Nông Văn Dền đã mưu trí, nhanh nhẹn đánh lạc hướng địch, bảo vệ cán bộ, bảo vệ cuộc họp của Tổng bộ Việt Minh. Anh đã hi sinh anh dũng khi vừa mới 15 tuổi. Cũng trong quá trình hoạt động cách mạng, anh Phục Quốc là đội viên giải phóng quân, chiến đấu và đã hi sinh ở Chợ Đồn - Bắc Kạn (tháng 6/1945).  Năm 1972 do tuổi cao, sức khỏe yếu mẹ đã qua đời. Phần mộ của mẹ được chôn cất gần mộ của anh Dèn - con trai út của mẹ, nằm trong Quần thể Khu di tích lịch sử Kim Đồng.  Ngày 24/4/1995, mẹ Lân Thị Hò được truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.  *(Nguồn: Trang thông tin điện tử của BQL các di tích Quốc gia đặc biệt tỉnh Cao Bằng - Pacbo.vn )* | |
| **4.5** | **Lãnh đạo tỉnh tiêu biểu chủ chốt của Tỉnh thời kỳ trước năm 1975; Lãnh đạo tỉnh tiểu biểu thời kháng chiến; Lão thành cách mạng tiêu biểu: 43 tên** | | |
| 1 | **Hoàng Văn Nọn (Hoàng Như)** | Đồng chí Hoàng Văn Nọn **(1906 - 1968), bí danh:** Hoàng Tú Hưu, Tú Hưu, Hoàng Ngọc Như, Hoàng Như, Văn Tân, Hoàng Lương Hữu, Thiết, Hoàng Vĩnh Tuy.  **Quê quán: Làng Nà Toàn, xã Xuân Phách (nay thuộc phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng)**  Chức vụ: Bí thư Chi bộ Đảng cộng sản đầu tiên ở Cao Bằng (1/41930), Bí thư Tỉnh ủy (1931 - 1934), Bí thư Liên Xứ ủy Trung - Bắc Kỳ (1937 - 1938); **đã cống hiến trọn vẹn cuộc đời cho sự nghiệp cách mạng, có nhiều đóng góp cho Cao Bằng và sự nghiệp cách mạng của cả nước.**  **Năm 1998, ông được truy tặng Huân chương Hồ Chí Minh**  *(Nguồn: Lịch sử Đảng bộ tỉnh Cao Bằng (1930 - 2020) - NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội - 2020)* | |
| 2 | **Lê Đoàn Chu** | Đồng chí Lê Đoàn Chu (? - ?), tức Nam Cao, Lê Mới.  Quê quán: Xã Hoàng Tung, châu Hòa An, tỉnh Cao Bằng (nay là xã Hoàng Tung, huyện Hòa An).  Ngày vào Đảng 01/4/1930, là một trong ba đảng viên Chi bộ đảng cộng sản đầu tiên của tỉnh Cao Bằng  Chức vụ: Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng (1934 - 1940); Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện Hòa An  (1955 - 1963).  Khen thưởng: Truy tặng Huân chương Hồ Chí Minh.  *(Nguồn: Lịch sử Đảng bộ huyện Hòa An 1930 - 2010. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2015)* | |
| 3 | **Nông Văn Đô** | Đồng chí Nông Văn Đô (1905 - ?), bí danh Bích Giang, Cát Lợi, người dân tộc Tày.  Quê quán: Xã Xuân Phách, châu Hòa An, tỉnh Cao Bằng (nay là phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng).  Ngày vào Đảng 01/4/1930, là một trong ba đảng viên Chi bộ đảng cộng sản đầu tiên của tỉnh Cao Bằng  Chức vụ: Bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ lâm thời (1935); Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện Bắc Sơn, Lạng Sơn (1955-1960); Trưởng ban Kiểm tra Đảng huyện Bắc Sơn, Lạng Sơn.  Khen thưởng: Truy tặng Huân chương Hồ Chí Minh.  *(Nguồn: Lịch sử Đảng bộ tỉnh Cao Bằng. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2020)* | |
| 4 | **Bùi Bảo Vân** | Đồng chí Bùi Bảo Vân (? - ?)  Chức vụ: Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng khóa I (năm 1935). Bí thư Tỉnh ủy năm 1946 và 1948 - 1949.  *(Nguồn: Lịch sử Đảng bộ tỉnh Cao Bằng. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật năm 2020)* | |
| 5 | **Bùi Văn Giao** | Đồng chí Bùi Văn Giao (? - ?)  Chức vụ: Bí thư chi bộ Mỏ thiếc Tĩnh túc (Chi bộ cộng sản đầu tiên của huyện Nguyên Bình)  Ngày 21/10/1930, tại đền Ông Búa, được sự chỉ đạo của đồng chí Lê Đoàn Chu, đồng chí Bùi Văn Giao triệu tập cuộc họp có các đồng chí đại diện của tỉnh đến dự, tuyên bố thành lập Chi bộ ở khu công nhân Mỏ Thiếc Tĩnh Túc, đồng chí Bùi Văn Giao được bầu làm Bí thư.  Từ đây phong trào công nhân đã có sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng, đưa công nhân vào cuộc đấu tranh mới vững vàng và quyết liệt hơn. Phong trào đấu tranh của công nhân diễn ra sôi nổi, các tổ chức Công hội đỏ ra đời, đoàn kết công nhân chống lại sự bóc lột dã man của chủ mỏ. Nhất là khi nhận được Chỉ thị của Tỉnh ủy nhân dịp kỷ niệm Ngày Quốc tế Lao động 1/5/1931, Chi bộ mỏ đã tổ chức kỷ niệm và rải truyền đơn khắp nơi, cờ đỏ búa liềm được treo trên các cột điện.  Tháng 2/1935, Chi bộ Mỏ Thiếc Tĩnh Túc vinh dự được cử đại biểu đi dự Hội nghị cán bộ Bắc Kỳ ở Long Châu. Hội nghị quyết định xây dựng mỏ thành một đặc khu gọi là đặc khu Kim Sơn do Tỉnh ủy trực tiếp lãnh đạo.  *(Nguồn: Báo Cao Bằng điện tử- baocaobang.vn )* | |
| 6 | **Hoàng Tô** | Hoàng Văn Chài (1909 - 1978), bí danh Hoàng Tô, người dân tộc Tày.  Ngày 20/6/1931, chi bộ Cộng sản đầu tiên huyện Hà Quảng ra đời; đồng chí được bầu làm Bí thư chi bộ.  Năm 1935 được Bầu vào ban chấp hành tỉnh Đảng bộ Cao Bằng.  1941 - 1945 lãnh đạo xây dựng thí điểm Việt Minh ở Hà Quảng. Phát triển sang các huyện Hoà An, Nguyên  Năm 1942 tiếp tục tham gia vào Ban chấp hành tỉnh Đảng bộ Cao Bằng.  Năm 1945 - 1946 Bí thư Huyện uỷ kiêm Chủ tịch Uỷ ban hành chính huyện Hà Quảng.  Năm 1946 - 1948 Ủy viên Ban thường vụ Tỉnh uỷ - Phó chủ tịch UBHC tỉnh Cao Bằng.  -Năm 1949 - 1952 Tỉnh uỷ viên, Bí thư Huyện kiêm Chủ tịch UBHC huyện Hà Quảng.  Năm 1955 - 1959 Uỷ viên Ban tổ chức, kiêm Trưởng phòng tổ chức UBHC Khu tự trị Việt Bắc.  Năm 1960 - 1963 Phó chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Khu tự trị Việt Bắc.  Năm 1964 - 1974 Chủ tịch Mặt trận tổ quốc Khu tự trị Việt Bắc, kiêm bí thư Đảng, Đoàn mặt trận Tổ quốc Khu tự trị Việt Bắc.  *(Nguồn: Lý lịch các đồng chí Lão thành cách mạng, BQL các di tích Quốc gia đặc biệt tỉnh Cao Bằng)* | |
| 7 | **Hồng Việt** | Đồng chí Hoàng Văn Lịch (1905 - 1943), bí danh: Hồng Việt, Hai Cao.  Quê quán: Làng Gia Cung, xã Ngọc Xuân, thị xã Cao Bằng (nay là phường Ngọc Xuân, thành phố Cao Bằng).  Ông là Bí thư Chi bộ Gia Cung, Ủy viên Xứ ủy Bắc Kỳ, ; Từ lúc mới 16 tuổi, được đồng chí Hoàng Đình Giong giác ngộ cách mạng; cuối năm 1930, Hoàng Hồng Việt được cử sang Long Châu (Trung Quốc) dự các lớp huấn luyện chính trị, đầu năm 1931, đồng chí được kết nạp vào Đảng tại Chi bộ hải ngoại Long Châu. Sau đó, được đồng chí Hoàng Đình Giong cử về nước, tuyên truyền, xây dựng cơ sở cách mạng, chỉ đạo các hoạt động cách mạng ở làng Gia Cung và vùng xung quanh thị xã Cao Bằng.  Ông được tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh.  *(Nguồn: Lịch sử Đảng bộ Thành phố Cao Bằng (1930 - 1912). Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật năm 2012)* | |
| 8 | **Ma Trung Lâm** | Đồng chí Ma Trung Lâm (1909 - 1978), tên thật là Ma Kiên Kiện.  Quê quán: Xã Chí Thảo, huyện Quảng Hòa.  Ông là Bí thư Chi bộ đầu tiên của huyện Quảng Hòa (1932 - 1941).  Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp đồng chí là thanh niên tích cực, tiến bộ và là hạt nhân của phong trào cách mạnh. Đồng chí là tổ trưởng do đồng chí Dương Công Hoạt tuyển chọn.  *(Nguồn: Lịch sử Đảng bộ huyện Quảng Uyên 1930 - 2010. Nxb Chính trị quốc gia, năm 2000)* | |
| 9 | **Hoàng Đức Thạc** | Đồng chí Hoàng Đức Thạc (1905 - ?), bí danh thời kỳ hoạt động của đồng chí là Nam Vang, Bác Vọng, Lã Minh Giang - thường gọi là Lã, người dân tộc Tày.  Quê quán: Xã Hồng Việt, huyện Hòa An.  Chức vụ: Bí thư Tỉnh ủy (1942 - 1943), Bí thư Liên Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng (1943 - 1945), Chủ tịch UBND lâm thời tỉnh (6/1945 - 3/1946); Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng (1957 - 1958). Đồng chí là một chiến sĩ cộng sản lỗi lạc, luôn gắn bó với phong trào cách mạng, có nhiều cống hiến đóng góp cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc, nhất là quê hương Cao Bằng; được truy tặng Huân chương Hồ Chí Minh  *(Nguồn: Địa chí Cao Bằng. Nxb Chính trị quốc gia, năm 2000)* | |
| 10 | **Nguyễn Văn Mô** | Đồng chí Nguyễn Văn Mô (? - ?), bí danh Khoát Hổ.  Chức vụ: Bí thư chi bộ đầu tiên của huyện Thạch An (tháng 2/1933).  Năm 1993, đồng chí Nguyễn Văn Mô xin ý kiến cấp trên triệu tập cuộc họp tại hang đá Nà Mẹc, xóm Phạc Sliến - xã Vân Trình gồm các đồng chí Khoát Hổ, Nguyễn Văn Lịch, Bế Ngọc Cung, Nông Văn Đạt. Tại cuộc họp này, đồng chí Nguyễn Văn Mô được ủy nhiệm của cấp trên kết nạp đảng các đồng chí Nguyễn Văn Lịch (bí danh Vạn Xuân, sau là Việt An), Bế Ngọc Cung (bí danh Trung Kiên, sau là Tiến Bộ), Nông Văn Đạt (bí danh là Khoát Đặng) chi bộ đảng đầu tiên của châu Thạch An do đồng chí Nguyễn Văn Mô làm bí thư. Chi bộ đảng xã Vân Trình ra đời tháng 2 năm 1993 đã đánh dấu bước phát triển mới của phong trào cách mạng châu Thạch An.  (Nguồn: Lịch sử Đảng bộ huyện Thạch An (1930-2000)-BCH Đảng bộ huyện Thạch An, 2005) | |
| 11 | **Vọng Bình**  **(Hoàng Thị Nghiêm )** | Đồng chí Vọng Bình tên thật là Hoàng Thị Nghiêm (1915 - 2010)  Quê quán: Xã Phúc Tăng (nay là xã Hồng Việt), huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.  Tháng 8/1932, bà được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương.  Đầu năm 1936, bà Vọng Bình được giao nhiệm vụ cùng đồng chí Hoàng Đình Giong đi tới Hải Phòng hoạt động tạo dựng thêm đường dây liên lạc giữa ban chỉ huy ở ngoài của Đảng với phong trào cách mạng trong nước. Do sự theo dõi, bám sát gắt gao của bọn mật thám bà Hoàng Thị Nghiêm đến Hải Phòng thì bị địch bắt cùng với đồng chí Hoàng Đình Giong, bà đã bị giải đi các nhà tù Hỏa Lò, Phú Thọ, Tuyên Quang...  Cuối năm 1937, khi Nhật đảo chính Pháp, bà vượt ngục rồi nhanh chóng tìm bắt liên lạc với cách mạng.  Bà đã gia nhập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân và đã được đồng chí Võ Nguyên Giáp cử về Cao Bằng làm Trưởng trạm Giao thông kiêm Trưởng trạm tiếp tế của tỉnh Cao Bằng.  Tháng 6/1940, bà Hoàng Thị Nghiêm bị bắt lần thứ 2, thực dân Pháp giam giữ bà tại các nhà tù Hỏa Lò (Hà Nội), Bắc Mê (Hà Giang). Đến tháng 3/1945 bà tham gia phá tù thoát khỏi sự giam giữ của địch, tiếp tục hoạt động giành chính quyền cách mạng.  Những năm 1946 - 1947, bà giữ chức vụ Bí thư Phụ nữ Cứu quốc và Ủy viên Ban Việt Minh tỉnh Cao Bằng, Ban phụ vận khu Việt Bắc, Bí thư Đoàn Phụ nữ tỉnh Cao Bằng, Ủy viên Ban Liên Việt khu Việt Bắc.  Năm 1950, bà được cử làm cán bộ Bộ Ngoại giao (Biện sự xứ), rồi Chi ủy viên Trường Thanh thiếu nhi Việt Nam ở Quế Lâm - Trung Quốc. Năm 1960, khi đang làm Khu ủy viên, Phó ban kiểm tra Đảng, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ khu tự trị Việt Bắc, Vọng Bình về làm Phó ban Nông nghiệp Trung ương.  Năm 2001 bà được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương độc lập hạng Nhất, Huân chương kháng chiến hạng Nhất.  *(Nguồn:Đề tài nghiên cứu khoa học cấp đơn vị Bảo tàng tỉnh, một số gương mặt phụ nữ tiêu biểu*  *của Cao Bằng qua các thời kỳ lịch sử - 2016)* | |
| 12 | **Lâm Cẩm Như** | Đồng chí Lâm Cẩm Như (1920 - 1979), tên thật là Lâm Kính, người dân tộc Kinh.  Quê quán: Đông Khê, Thạch An, Cao Bằng.  Năm 1934, ông làm giao liên cho Văn phòng của các đồng chí Hà Huy Tập và Phùng Chí Kiên tại Nam Ninh. Mùa hè năm 1935, ông vinh dự tham gia tổ chức Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ nhất tại Ma Cao (Trung Quốc). Mùa xuân năm 1944, ông về nước và ngày 22 tháng 12 năm 1944 gia nhập Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân. Cách mạng Tháng Tám bùng nổ, ông chỉ huy Chi đội 4 Việt Nam Giải phóng quân về tham gia cướp chính quyền ở Hà Nội, sau đó giữ chức Chủ tịch ủy ban Bảo vệ Hà Nội.  Trong kháng chiến chống Pháp, ông giữ các chức vụ Tham mưu trưởng Đại đoàn 308 (1949 - 1951); Tham mưu trưởng Đại đoàn 312 (1/51/1953), Tư lệnh phó Đại đoàn 304 (1953 - 1955). Cuối năm 1955, ông được cử đi học tại Học viện Quân sự Nam Ninh (Trung Quốc). Sau khi về nước, ông gắn bó với sự nghiệp giáo dục, đào tạo, huấn luyện trong các nhà trường quân đội; năm 1957, ông làm hiệu trưởng Trường Văn hóa quân đội; cuối năm 1964, ông được cử làm Hiệu phó Trường Cán bộ Chính trị quân đội; tháng 3 năm 1966, ông được bổ nhiệm làm Phó Giám đốc kiêm Cục trưởng Cục quân sự Học viện Chính trị Quân sự và từ năm 1976 là Phó Giám đốc Học viện này.  Ông đã được Nhà nước tặng thưởng: Huân chương Độc lập hạng Nhì; Huân chương kháng chiến hạng Nhất; huân chương Quân công hạng Nhất.  *(Nguồn: Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân. Nxb Quân đội nhân dân 2003)* | |
| 13 | **Chí Viễn** | Đồng chí Nguyễn Văn Mân (? - ?) (tức Chí Viễn); quê quán: ?  Chức vụ: Bí thư Chi bộ Đảng đầu tiên của huyện Trùng Khánh (9/1939 - 10/1942)  Ngày 16/9/1939, Chi bộ Đảng cộng sản đầu tiên huyện Trung Khánh được thành lập tại Ngườm Mạ, Bản Đà, xã Đình Minh. Chi bộ phân công Đồng chí Nguyễn Văn Mân làm Bí thư.  Trong quá trình tham gia hoạt động cách mạng, tháng 3/1945, đồng chí Nguyễn Văn Mân bị địch phục kích bắn và hy sinh. Để tưởng nhớ công lao của ông, nhân dân đổi tên phố Co Sầu thành tên phố Chí Viễn cho đến năm 1949. Sau năm 1949, phố Chí Viễn được gọi là phố Trùng Khánh thuộc xã Lăng Hiếu. Đến ngày 05/10/1958, phố Trùng Khánh được tách khỏi xã Lăng Hiếu và được gọi là thị trấn Trùng Khánh.  Hiện nay, tại huyện Trùng Khánh, có xã mang tên Chí Viễn.  *(Nguồn: Địa chí Thị trấn Trùng Khánh, Đài Phát thanh - Truyền hình Cao Bằng)* | |
| 14 | **Dương Đại Lâm** | Đồng chí Dương Đại Lâm (1914 - 1990), người dân tộc Nùng.  Quê quán: Xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.  TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG:  Tham gia cách mạng năm 1938, đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam; Cấp bậc: Đại tá; Năm 1938, đồng chí Dương Đại Lâm tham gia tiếp tế gạo, thức ăn hàng ngày cho cán bộ hoạt động cách mạng và làm liên lạc đưa thư, đưa đón cán bộ trong khu vực hang Pác Bó. Nhiều lần bị bọn phản động châu đoàn Vằng vây bắt nhưng nhờ có sự mưu trí linh hoạt đồng chí đã đưa cán bộ thoát khỏi vòng vây an toàn.  Năm 1941, khi Bác Hồ về nước lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam, đồng chí đã lãnh đạo vận động thanh niên nam, nữ và các hội viên cứu quốc tham gia đội bảo vệ cán bộ hoạt động cách mạng, bảo vệ Bác, đồng thời vận động Nhân dân các dân tộc đứng lên chống thực dân Pháp khủng bố, thực hiện triệt để vườn không nhà trống, cất giấu gạo, lúa ngô và các tài sản khác.  Năm 1947, khi Pháp nhảy dù xuống Cao Bằng với cương vị trung đoàn phó Trung đoàn 74 Cao Bằng, đồng chí đã chỉ huy đơn vị bí mật, bất ngờ tập kích tiêu hao nhiều sinh lực địch.  Từ năm 1945 - 1951, trên cương vị Tỉnh đội trưởng Tỉnh đội Cao Bằng, đồng chí đã nêu cao vai trò người cán bộ chỉ huy, nắm chắc âm mưu thủ đoạn của kẻ thù, tìm thời cơ tập kích nhanh gọn gây cho chúng thiệt hại về người và của. Cùng với việc tổ chức đánh địch, đồng chí thường xuyên quan tâm xây dựng lực lương dân quân du kích tập trung, tự vệ có đầy đủ số lượng và chất lượng trang bị thêm vũ khí để chiến đấu với kẻ thù.  Từ năm 1951 - 1960, đồng chí được chuyển sang tỉnh Hà Giang với cương vị Tỉnh đội trưởng- Phó bí thư tỉnh uỷ Hà Giang và là Đảng uỷ viên Liên Khu Việt Bắc. Tại Yên Bái đồng chí làm trong ban cán sự khu Lào-Hà, rồi giữ chức vụ Tham mưu trưởng Quân khu Việt Bắc.  Năm 1960 - 1975 là Phó chính uỷ Quân khu Việt Bắc.  *(Nguồn: Lý lịch các đồng chí Lão thành cách mạng, BQL các di tích Quốc gia đặc biệt tỉnh Cao Bằng)* | |
| 15 | **Đàm Minh Viễn** | Đồng chí Đàm Minh Viễn (1919 - 1956), tên thật là Đàm Văn Lân (các bí danh: Kỳ Sư, Đức Thanh, Minh Viễn), người dân tộc Tày.  Quê quán: Làng Nà Nghiềng, xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng.  TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG:  Từ nhỏ, đồng chí Đàm Minh Viễn đã sớm giác ngộ cách mạng, năm 11 tuổi, đồng chí đã tham gia các phong trào đấu tranh yêu nước của quê hương. Cơ duyên đã đưa đồng chí trở thành một trong những người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, được Bác Hồ trực tiếp rèn luyện và tin tưởng, giao phó nhiều nhiệm vụ quan trọng. Với khả năng thuyết phục của mình trong công tác binh vận, trí thông minh và sự linh hoạt trong xử lý các tình huống, đồng chí đã được Bác Hồ tin tưởng giao nhiệm vụ lựa chọn, bồi dưỡng tinh thần cách mạng, khơi dậy lòng yêu nước cho các thiếu niên nhi đồng tại Hà Quảng.  Thực hiện nhiệm vụ do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc giao, đồng chí Đàm Minh Viễn không quản ngại khó khăn, vất vả tiếp cận thanh niên, thiếu niên, nhi đồng để tuyên truyền, vận động các em để tìm ra những người ưu tú tham gia tổ chức của mình, tham gia các phong trào cách mạng. Ngày 15/5/1941 đồng chí Đàm Minh Viễn đã tổ chức kết nạp các em nhỏ vào Đội Nhi đồng cứu quốc trong đó Kim Đồng làm đội trưởng – đây là tiền thân của Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh  Bên cạnh đó, đồng chí Đàm Minh Viễn còn trực tiếp tham gia các hoạt động cách mạng vũ trang, trở thành đội viên Đội du kích Pác Bó, được tín nhiệm bầu vào Ban Việt Minh châu SR phụ trách Hội thanh niên cứu quốc, Hội nhi đồng cứu quốc,đồng chí là Bí thư chi đoàn thanh niên cứu quốcđầutiênvùngmiềnnúi.Với khả năng quân sự, tác phong hoạt động linh hoạt, dũng cảm, đặc biệt là biệt tài trong công tác vận động quần chúng tại cơ sở, đồng chí Đàm Minh Viễn đã được Bác Hồ cử trực tiếp là người mang Chỉ thị "Kháng chiến kiến quốc" vào Miền Nam và tham gia chiến đấu tại mặt trận Sài Gòn - Chợ Lớn. Ngày 10/12/1945 đồng chí được cử làm Chủ nhiệm Tham mưu quân giải phóng Miền Nam do Cao Hồng Lĩnh làm chủ tịch. Ngày 25/9/1959, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký truy tặng Huân chương Chiến thắng hạng Nhất cho 05 liệt sỹ, trong đó có ghi "Đàm Minh Viễn, Tư lệnh Phó Ủy ban Kháng chiến miền Nam Liên khu V.  *(Nguồn: Tỉnh đoàn Cao Bằng - tinhdoan.caobang.gov.vn)* | |
| 16 | **Đào Thế An** | Đồng chí Đào Mạnh Vy (1912 - 1951), bí danh: Xô Liên, Thế An.  Quê quán: Xã Sóc Giang, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.  Năm 1936 - 1937: Tham gia cách mạng。  Năm 1940: Bí mật sang Trung Quốc học và hoạt động bí mật sau đó quay trở về địa phương hoạt động  Ngày 28/01/1941: Cùng đồng chí Nguyễn Ái Quốc trở về nước và hoạt động các mạng ở xóm Pác Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.  Ngày 02/02/1941: Chủ tịch Hồ Chí Minh giao phụ trách con đường giao thông từ biên thùy về tỉnh lỵ  Tháng 11/1941: Tham gia đội du kích Pác Bó  Năm 1942: Vào đội du kích bảo vệ cơ quan Hồ Chí Minh, tuyên truyền tổ chức Hội cứu quốc và tự vệ ở các vùng quanh cơ quan.  Năm 1943: Phụ trách huấn luyện viên tự vệ ở Tổng và các Xã, đồng thời cũng phụ trách đội vũ trang châu Bảo Lạc, thuộc tỉnh Cao Bằng.  Ngày 22/12/1944: Vào đội Tuyên truyền Việt Nam giải phóng quân, phụ trách Trung đội phó đi tuyên truyền và đánh các đồn lẻ thuộc tỉnh Cao Bằng và tỉnh Bắc Kạn.  Năm 1945: Chỉ huy Trung đội, Đại đội trưởng rồi được lệnh vào Nam Tiến.  Ngày 29/9/1945: Đến Trung bộ được đồng chí Vũ Đức cử làm chi đội trưởng chỉ huy 3 Đại đội vào Nam Bộ.  Năm 1946: Phó trung đoàn Độc lập thuộc Ủy ban kháng chiến Miền Nam Trung Bộ .  Năm 1948: Phụ trách tiểu đoàn Hoàng Hoa Thám thuộc khu IX ở Tây Nguyên.  Năm 1949: Nhận công tác tại Trung đoàn Cao Bằng, chỉ huy bộ đội chủ lực của tỉnh.  Năm 1950: Phụ trách huyện đội trưởng ở Trấn Biên thuộc tỉnh Cao Bằng.  *(Nguồn: Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân. Nxb Quân đội nhân dân, năm 2004)* | |
| 17 | **ĐoànNguyên Nhật**  **(Hồng Kỳ)** | Đồng chí Đoàn Nguyên Nhật (1913 - 1989), bí danh Hồng Kỳ, người dân tộc Tày.  Quê quán: Xã Vĩnh Quang, huyện Hòa An.  Năm 1932, tham gia phong trào cách mạng trong tổ chức Cộng sản Đoàn.  Năm 1933 được kết nạp vào Đảng tháng.  Năm 1934: Bí thư Chi bộ xã Tượng Cần (thuộc xã Vĩnh Quang).  Năm 1935: Ban chấp hành Tổng bộ Tổng Tượng Yên (châu Hòa An), Bí thư Chi bộ xã Tượng Cần.  Năm 1936: Huyện ủy viên, phụ trách giao thông từ Tượng Yên sang Long Châu (Trung Quốc); Tỉnh ủy cử sang Long Châu gặp đồng chí Năm (tức Hoàng Văn Thụ) để huấn luyện và sau đó nhận chỉ thị về đấu tranh công khai. Đến cuối năm đã vận động thành một phong trào quần chúng khá rộng trong Tổng Tượng Yên và Xuân Yên.  Năm 1937: Lãnh đạo cuộc đón tiếp và trao đơn cho Đại biểu Mặt trận Bình dân Pháp (JUSTIN GODARD) tại ngã ba đường Cao Bằng - Nguyên Bình (tam kỷ lộ).  Năm 1938: Tham gia vận động Đông Dương Đại hội, chống thuế, chống bắt phu.  Năm 1939 - 1943: Bị địch bắt giam tại nhà tù Sơn La.  Năm 1944, ra tù về quê nhà tham gia ngay phong trào Việt Minh, đầu năm 1945 làm Ủy viên Chấp hành Việt Minh huyện; sau khi cướp chính quyền được chỉ định làm Chủ nhiệm Ủy ban nhân dân tỉnh lâm thời, sau đó bầu chính thức làm ủy viên phụ trách Liêm phóng Tỉnh.  1946 - 1947: Chủ tịch Ủy ban kháng chiến tỉnh.  1948 - 1950: Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh.  Năm 1952: Về Khu phục vụ lớp chỉnh Đảng.  1953 - 1954: Làm Đảng Đoàn dân vận Tỉnh, phụ trách Nông hội Tỉnh, Phó chủ tịch Liên Việt Tỉnh.  1957 - 1959: Thường vụ Khu ủy, Giám đốc Sở Công thương Khu tự trị Việt Bắc  1959 - 1963: Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng.  1964 - 1965: Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh Cao Bằng.  *(Nguồn: Ban Tổ chức Tỉnh ủy Cao Bằng - Bộ phận lưu trữ hồ sơ)* | |
| 18 | **Lê Tòng** | Đồng chí Lê Tòng (? - ?)  Chức vụ: Bí thư Tỉnh ủy lâm thời năm 1941. Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh (1954 - 1955), Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh (1956 - 1958)  *(Nguồn: Lịch sử Đảng bộ tỉnh Cao Bằng. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật năm 2020)* | |
| 19 | **Hoàng Tuấn Sơn** | Đồng chí Hoàng Tuấn Sơn (1918 - 2015), tên thật là Hoàng Văn Lộc, Bí danh Bảo An, người dân tộc Tày.  Quê quán: Xã Hồng Việt, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.  Tháng 6/1936 được kết nạp vào Đảng Cộng sản.  Năm 1941 - 1942: Bí thư Thanh niên xã Hồng Việt.  Năm 1943 - 1944: Bí thư thanh niên huyện Hòa An.  Năm 1944 - 1945: Ủy viên Châu ủy lâm thời, phụ trách Tổng C.  Đầu năm 1945 - 8/1945: Phụ trách Đội Tuyên truyền Giải phóng quân ở Lạng Sơn.  Cuối năm 194 5 - 1946: Phó bí thư Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Lạng Sơn.  Cuối năm 1946 đến đầu năm 1947: ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy kiêm Phái viên chính trị phụ trách Đảng ở Trung đoàn bộ Lạng Sơn.  Đầu năm 1947 - 1948: Ủy viên Ban dân quân khu I, Ủy viên phòng Quốc dân miền ngược Liên khu Việt Bắc.  Tháng 1/1949 - 3/1949: Quyền Bí thư Huyện ủy Quảng Uyên.  Tháng 3/1949 - 8/1949: Tham gia phái đoàn củng cố huyện Bảo Lạc.  Tháng 8/1949 - 2/1950: Bí thư Huyện ủy Bảo Lạc.  Tháng 2/1950 - 10/1950: Phụ trách Dân vận tỉnh kiêm Ủy viên Mặt trận Liên Việt tỉnh.  Tháng 10/1950 - 11/1951: Bí thư Nông hội tỉnh.  Tháng 11/1951 - 7/1956: Bí thư Huyện ủy Nguyên Bình.  Tháng 7/1956 - 3/1959: Tỉnh ủy viên, phụ trách Kiểm tra Đảng, Thanh tra chính quyền.  Tháng 3/1959 - 5/1961: Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Hòa An, phụ trách tòa án tỉnh.  Tháng 5/1961 - 1/1963: Ủy viên Ban thường vụ Tỉnh ủy kiêm Trưởng ban Tổ chức Đảng.  Tháng 1/1963 - 8/1963: Phó Bí thư Tỉnh ủy kiêm Trưởng ban Tổ chức Đảng.  Tháng 8/1963 - 5/1965: Phó Bí thư Tỉnh ủy.  Tháng 5/1965 - 7/1967: Phó Bí thư Tỉnh ủy kiêm Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh Cao Bằng.  Năm 1967 - 9/1975: Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Cao Bằng.  Đồng chí đã được tặng thưởng: Huân chương Độc lập hạng Nhất; Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng Hai; Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất.  *(Nguồn: Ban Tổ chức Tỉnh ủy Cao Bằng - Bộ phận lưu trữ hồ sơ)* | |
| 20 | **Phan Mạnh Cư** | Đồng chí Phan Mạnh Cư (1918 - 2002), tên thật là Phan Văn Lễ, người dân tộc Tày.  Quê quán: Xã Vĩnh Quang, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.  Lãnh đạo chủ chốt của Tỉnh thời kỳ trước năm 1975.  Tham gia cách mạng từ năm 1942, được kết nạp Đảng tháng 2/1945  Tháng 2/1942 - 2/1943: Công tác tại xã, phụ trách làm tổ trưởng Nông hội Cứu quốc, Bí thư Việt Minh xã, ủy viên Nông dân Tổng.  4/1943 - 2/1945: Phụ trách tổng Đức Xuân và xã Đức Chính.  2/1945 - 9/1946: Phụ trách các huyện Bình Gia, Cao Lộc, Thị xã Lạng Sơn.  10/1946 - 9/1947: Tỉnh ủy viên, Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn;  10/1947 - 2/1948: Phó bí thư, Phó Chủ tịch phụ trách vùng Đông tỉnh Lạng Sơn.  3/1948 - 8/1949: Phó bí thư Thường trực Tỉnh ủy phụ trách kinh tế - tài chính.  9/1949 - 12/1949: phụ trách vùng biên giới Trung - Việt (thuộc tỉnh Lạng Sơn).  1/1950 - 5/1950: Học tại Trường Nguyễn Ái Quốc Trung ương.  6/1950 - 2/1951: Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy.  3/1951 - 4/1952: Phụ trách kinh tế, tài chính.  4/1952 - 8/1952: Tham dự chỉnh huấn Trung ương.  8/1952 - 8/1954: Quyền Bí thư Tỉnh ủy - Chủ tịch Ủy ban KCHC tỉnh Lạng Sơn.  9/1954 - 9/1956: Tham gia công tác cải cách ruộng đất.  10/1956 - 8/1957: Giám đốc Kim nông lâm (Cao + Bà, yên).  9/1957 - 6/1959: Học trường Nguyễn Ái Quốc.  7/1959: Công tác tại Ủy ban dân tộc Trung ương đến tháng 3/1963 lên Lạng Sơn ...  1968 - 1976: Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh Cao Bằng.  *(Nguồn: Ban Tổ chức Tỉnh ủy Cao Bằng - Bộ phận lưu trữ hồ sơ)* | |
| 21 | **Thu Sơn** | Đồng chí Thu Sơn (1919 - 1998), tên thật là Nguyễn Văn Càng.  Quê quán: Xã Hồng Việt, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.  Tham gia cách mạng từ năm 1936, năm 1941 được kết nạp vào Đảng và được cử đi học tại Trường quân sự Hoàng Phố (Trung Quốc).  Năm 1944, ông trở về nước tham gia Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, được giao nhiệm vụ Tiểu đội trưởng. Trong trận đánh đầu tiên tại đồn Phai Khắt, Tiểu đội trưởng nhập vai “đội xếp” để tập hợp binh lính trong đồn, tạo điều kiện cho anh em trong Đội hạ đồn giặc chỉ trong vòng 30 phút. Cách mạng Tháng Tám năm 1945, ông tham gia lãnh đạo, chỉ huy giành chính quyền tại tỉnh Bắc Kạn (21/8/1945). Sau đó, ông chỉ huy một Chi đội tham gia đoàn quân “Nam tiến” hoạt động tại mặt trận Nha Trang;  Cuối năm 1946, Chi đội trưởng Thu Sơn được cử làm Trung đoàn trưởng Trung đoàn 79 Phú Yên vừa mới thành lập, một thời gian sau được điều lên làm Phân khu trưởng Bắc Tây Nguyên.  Đến năm 1950, giữ chức Tỉnh đội trưởng Cao Bằng. Năm 1953 giữ chức Tỉnh đội trưởng Tuyên Quang, rồi năm 1958 làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh kiêm Tỉnh đội trưởng.  Tháng 2 năm 1962, ông chuyển về làm Chánh án Tòa án nhân dân Khu tự trị Việt Bắc, nghỉ hưu sớm năm 1971. Ông được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhì; Huân chương Chiến thắng hạng Nhất; Huân chương Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng Nhất.  *(Nguồn: Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân. Nxb Quân đội nhân dân 2004)* | |
| 22 | **Dương Đại Long** | Đồng chí Dương Đại Long (1911 - 1979), tên thật Dương Văn, người dân tộc Nùng.  Quê quán: Pác Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.  1936 - 1930: Là hội viên trung kiên trong hoạt động phong trào phản đế ở Pác Bó, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.  Giai đoạn 1941 - 1944: ông là một trong những cán bộ nòng cốt của Đội tự vệ xã Trường Hà; Đội vũ trang Châu Hà Quảng. Là một trong 34 chiến sĩ trong Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân.  Sau cách mạng Tháng Tám 1945 ông được cử làm Đại đội trưởng Việt Nam giải phóng quân thay cho đồng chí Thu Sơn đi Nam tiến. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ ông được điều về làm tiểu đoàn phó Tiểu đoàn Độc lập ở Bắc Kạn. Sau sự kiện quân Pháp nhảy dù xuống Cao Bằng, ông được điều lên làm Tiểu đoàn trưởng một tiểu đoàn thuộc Trung đoàn 174 (Cao Bằng). Trong những năm cuối của kháng chiến chống Pháp ông lần lượt làm huyện đội trưởng các huyện Hà Quảng, Trà Lĩnh, Phục Hòa. Năm 1955, ông được phong quân hàm Đại úy. Tháng 7 năm 1959 chuyển ra làm Phó chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh Cao Bằng cho đến khi nghỉ hưu (tháng 12 năm 1969). Ông đã được tặng thưởng: Huân chương quân công hạng nhất; Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Ba; Bằng có công với nước.  *(Nguồn: Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân. Nxb Quân đội nhân dân, năm 2004)* | |
| 23 | **Vũ Ngọc Linh** | Đồng chí Vũ Ngọc Linh (1920 - ?), tên thật là Nguyễn Văn An, người dân tộc Kinh.  Quê quán: Xã Tri Phương, huyện Tiên Du, huyện Hà Bắc (nay là tỉnh Bắc Ninh).  Được kết nạp vào Đảng giữa năm 1944.  1943 - 1944: Từ trại tập trung Bá Vân về quê hoạt động; Bí thư Việt Minh huyện Tiên Du.  1945 - 1946: Bí thư Việt Minh tỉnh Vĩnh Phúc; sau khi cướp chính quyền là Tỉnh ủy viên.  1947 - 1948: Tỉnh đội trưởng; Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Vĩnh Yên; Bí thư tỉnh ủy.  1949 - 1951: Khu ủy viên Khu Việt Bắc; Phó ban Kiểm tra Khu; Bí thư tỉnh ủy Vĩnh Phúc.  1952 - 1955: Giám đốc Công an Liên khu Việt Bắc; Ủy ban hành chính Liên khu Việt Bắc.  1956 - 1959: Thường vụ Khu ủy Khu tự trị Việt bắc; Phụ trách Thường trực, Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính (UBHC).  1960 - 1961: Phó Bí thư Khu ủy Khu tự trị Việt bắc; Phụ trách Thường trực.  1962 - 1963: Đi học Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc.  1963 - 1976: Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng.  Khen thưởng: Huân chương Kháng chiến hạng Nhất.  *(Nguồn: Ban Tổ chức Tỉnh ủy Cao Bằng - Bộ phận lưu trữ hồ sơ)* | |
| 24 | **Dương Mạc Thạch** | Đồng chí Dương Mạc Thạch (1915 - 1979), tên thật là Dương Mạc Cam, bí danh Xích Thắng, người dân tộc Tày.  Quê quán: Xã Minh Tâm, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.  Năm 193 được kết nạp vào Đảng.  1934 - 1940, ông hoạt động ở Nguyên Bình, là hạt nhân lãnh đạo tiêu biểu, trực tiếp thành lập hai Chi bộ Đảng đầu tiên ở huyện Nguyên Bình.  Năm 1940, Ủy viên Ban Chấp hành lâm thời Tỉnh ủy Cao Bằng.  Ngày 22/12/1944, Đội Việt Nam tuyền truyền giải phóng quân thành lập, ông là chính trị viên của Đội.  Trong cách mạng Tháng Tám năm 1945, ông cùng đơn vị tham gia giải phóng thị xã Bắc Kạn; thành lập chính quyền ở các huyện Chợ Rã, Bạch Thông.  Từ năm 1945 đến năm 1948, ông hoạt động chủ yếu ở Bắc Cạn và đã có thời kỳ làm Bí thư kiêm Chủ tịch Ủy ban hành chính kháng chiến Bắc Kạn.  Năm 1949, ông được điều về Bộ Quốc phòng, được bổ nhiệm làm Trưởng phòng quốc dân miền núi của Liên khu 1.  Năm 1950, ông được cử đi học tập tại Trường Chính trị Hà Nam (Trung Quốc); sau khi về nước ông được Trung ương cử lên Hà Giang, lần lượt đảm trách các chức vụ Tỉnh ủy viên rồi Phó Bí thư tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban hành chính kháng chiến tỉnh.  Năm 1970, ông làm Bí thư Đảng ủy Trường Đại học Nông nghiệp III Bắc Thái.  Ông được Nhà nước tặng thưởng: Huân chương Hồ Chí Minh; Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng Nhất.  *(Nguồn: Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân. Nxb Quân đội nhân dân, năm 2004)* | |
| 25 | **Tô Vũ Dâu** | Đồng chí Tô Vũ Dâu **(**1922 **-** 2002)**,** Bí danh: Thịnh Nguyên, người dân tộc Tày.  Quê quán: Xã Vĩnh Quang, huyện Hòa An (nay là thành phố Cao Bằng), tỉnh Cao Bằng.  Đầu năm 1937, đưa bản “dân nguyện” cho vị đại diện Chính phủ Mặt trận bình dân Pháp.  Trong những năm 1941 - 1944, Tô Vũ Dâu xây dựng phát triển phong trào Việt Minh, tổ chức các đoàn thể Cứu quốc ngay tại địa phương và làm Chủ nhiệm Việt Minh xã Vệ Linh.  Ngày 22/12/1944, ông là một trong 34 chiến sĩ Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, tham gia hai trận đánh đồn Phai Khắt và Nà Ngần.  Sau đó Thịnh Nguyên được phân công về cơ quan Liên Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng, ngày 01/01/1945, ông được kết nạp vào Đảng.  Sau ngày Nhật đảo chính Pháp (9/3/1945), ông được phái xuống Trà Lĩnh tham gia khôi phục phong trào cách mạng ở địa phương, đồng thời chỉ đạo cướp chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám (1945 - 4/1946):  Ngày 19/8/1945, thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy ông tham gia Ban cán sự huyện Trà Lĩnh do đồng chí Dương Công Hoạt làm Trưởng Ban.  Ngày 19/5/1946, tại cơ quan Ủy ban hành chính huyện ở phố Hạ Lang (xã Thanh Nhật), Chi bộ Đảng đầu tiên huyện Hạ Lang ra đời, gồm có đồng chí Thịnh Nguyên, Lưu Minh, Hồng Tâm, Thế Xương, đồng chí Thịnh Nguyên được chỉ định là Bí thư chi bộ làm nhiệm vụ như Huyện ủy.  Tháng 6/1946, ông công tác tại Huyện ủy huyện Hạ Lang, giữ chức vụ Bí thư Huyện Hạ Lang.  Tháng 3/1947, ông công tác tại Huyện ủy Trà Lĩnh, giữ chức vụ Bí thư Huyện Trà Lĩnh.  Tháng 12/1949, ông làm Phó Bí thư Huyện ủy Hòa An. Sau đó, công tác tại Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy Cao Bằng.  Ông được tặng thưởng: Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng Nhì.  (Nguồn: Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân . Nxb Quân đội nhân dân, năm 2004; Lịch sử Đảng bộ huyện Hạ Lang (1930 - 2000). Nxb Chính trị quốc gia, năm 2003; Lịch sử Đảng bộ huyện Hòa An (1930 - 2010. Nxb Chính trị quốc gia, năm 2015) | |
| 26 | **Xuân Trường** | Đồng chí Xuân Trường(? - 1945), tên thật là Hoàng Văn Nhủng , người dân tộc Tày.  Quê quán: Xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.  Tham gia cách mạng từ năm 1936, với bí danh Xuân Trường, từ một liên lạc viên, ông đã trở thành một cán bộ có kinh nghiệm trong phong trào thành niên phản đế của châu Hà Quảng.  Giữa năm 1940, cùng với một số cán bộ tiêu biểu của Cao Bằng, ông được cử đi học quân sự ở Liễu Châu, Trung Quốc.  Đầu năm 1944, ông về nước và hoạt động chủ yếu ở vùng Lục Khu - Hà Quảng.  Ngày 22/12/1944, Xuân Trường là một trong 34 đội viên Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân.  Đầu tháng 2/1945, toàn Đội tiến quân vào Bảo Lạc, đánh đồn Đồng Mu. Tại đây trận đánh diễn ra không như dự kiến, do bị lộ, địch đã chuẩn bị đối phó. Tiểu đội trưởng Xuân Trường anh dũng hy sinh (ngày 04/02/1945). Xuân Trường trở thành người Liệt sĩ đầu tiên của Quân đội Nhân dân Việt Nam.  (***Nguồn: Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân. Nxb Quân đội Nhân dân 2003)*** | |
| 27 | **Lê Thị Minh Cầm** | Đồng chí Lê Minh Cầm (? - ?), tên thật là Lê Thị Chói, người dân tộc Tày.  Quê quán: Hà Quảng.  Đầu năm 1944, bà được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương, Bà đã vinh dự được chứng kiến ngày Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân ra đời vào ngày 22/12/1944 . Bà được giao nhiệm vụ tham gia bộ phận nấu ăn cho đội, gồm có 3 phụ nữ là Minh Cầm, Nhật Thành và Nhật Tâm (tên bí danh).  Khu giải phóng quân được mở rộng, bà nằm trong tiểu đội Việt Nam giải phóng quân do đồng chí Văn phụ trách tiến về chợ Chu sáp nhập với Cứu quốc quân do đồng chí Chu văn Tấn chỉ huy sau khi đánh chiếm xong Thị xã Thái Nguyên bà được cử đi học lớp quân chính kháng Nhật tại Tân Trào. Sau khi có lệnh tổng khởi nghĩa dành chính quyền, bà nhận được lệnh tham gia đơn vị tiến về thủ đô Hà Nội cướp chính quyền.  Sau này bà trở thành Hội trưởng Hội phụ nữ Khu tự trị Việt Bắc; Đại biểu Quốc hội khóa II.  Bà được Đảng, Nhà nước trao tặng Huân chương Hồ Chí Minh.  *(Nguồn: Đề tài nghiên cứu khoa học cấp đơn vị Bảo tàng tỉnh, một số gương mặt phụ nữ tiêu biểu*  *của Cao Bằng qua các thời kỳ lịch sử - 2016)* | |
| 28 | **Nông Thị Triểu** | Đồng chí Nông Thị Triểu (? - ?), tức Nhân Tương.  Ngày 15/4/1945, chi bộ cộng sản đầu tiên ở châu Bảo Lạc đã ra đời tại xóm Lũng Sáu (nay thuộc xã Hồng An). Chi bộ gồm có 03 đảng viên: Nông Thị Triểu (tức Nhân Tương), Lê Long, Đỗ Quang Soan (tức Đỗ Quang Thắng), do đồng chí Nông Thị Triểu làm Bí thư. Sự ra đời của Chi bộ Đảng cộng sản đầu tiên của Bảo Lạc, đánh dấu thời kỳ phát triển mới của phong trào cách mạng ở châu Bảo Lạc. Từ đây, cuộc đấu tranh của nhân dân trong vùng đã có sự lãnh đạo trực tiếp của tổ chức Đảng, nhân tố có ý nghĩa đặc biệt quan trọng bảo đảm thắng lợi của công cuộc giải phóng dân tộc trên quê hương Bảo Lạc.  (Nguồn: Lịch sử Đảng bộ huyện Bảo Lạc (1930 - 2005). Nxb Lao động, năm 2010) | |
| 29 | **Hà Hưng Long** | **Đồng chí Hà Hưng Long (1924 - 2013), người dân tộc Tày.**  **Quê quán:Xã Nam Tuấn, huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng.**  Năm 1941, là đội viên Đội tự vệ châu Hoà An, từ 1941 - 1944, ông hoạt động chủ yếu tại Hoà An, Hà Quảng. Ngày 22/12/1944, ông là một trong 34 chiến sĩ Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân. Sau khi tham gia đánh ba đồn Phai Khắt, Nà Ngần, Đồng Mu, Ông được đi với đoàn đồng chí Võ Nguyên Giáp, Hoàng Văn Thái xuống Chợ Rã, Chợ Đồn (Bắc Kạn), Sơn Dương (Tuyên Quang). Sau Nhật đảo chính Pháp, ông làm Tiểu đội trưởng chống Nhật ở Bắc Kạn, rồi Chính trị viên Đại đội. Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, Bắc Kạn thành lập Đại đội do ông chỉ huy lên đường sang Yên Bái, Tuyên Quang tước vũ khí Quốc dân đảng. Tháng 10/1945, ông chỉ huy đơn vị lên Hà Giang đánh phỉ, tháng 8/1946, được kết nạp vào Đảng. Năm 1947, ông làm Chính trị viên Tiểu đoàn 3, Trung đoàn Hà Tuyên thuộc Liên khu 10. Từ tháng 10/1948 làm Trưởng ban cán bộ Liên Khu 10.  Để chuẩn bị Chiến dịch Biên giới 1950, ông về làm Chủ nhiệm vận tải mặt trận, Phó Chủ nhiệm ban tiếp nhận viện trợ tại Tà Lùng - Thuỷ Khẩu.  Trong những năm 1951 - 1954, ông lần lượt làm Binh trạm trưởng vận tải các chiến dịch lớn. Năm 1958, ông về Bộ Công nghiệp, sau đó, làm Bí thư Đảng uỷ Sở công nghiệp Hà Tuyên đến năm 1976.  Ông Hà Hưng Long đã được tặng thưởng: Huân chương Độc lập hạng Ba, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Huân chương Chiến công hạng Nhì, Huân chương Chiến thắng hạng Nhì.  *(Nguồn: Bộ Quốc Phòng, Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân. Nxb Quân Đội Nhân dân, Hà Nội-2003)* | |
| 30 | **Nông Thị Trưng** | Đồng chí Nông Thị Trưng (1920 - 2003), tên thật là Nông Thị Bày, dân tộc Tày.  Quê quán: xã Phù Ngọc (nay là Ngọc Đào), huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.  Cuối năm 1937, đầu năm 1938 tại Hà Quảng, thực dân Pháp khủng bố, truy bắt cán bộ cách mạng, một số đảng viên thoát ly gia đình đi vào hoạt động bí mật. Các chị em phụ nữ, tiêu biểu là Nông thị Trưng đã tìm cách để bắt liên lạc, bí mật tiếp tế lương thực.  Năm 1940, bà tổ chức được một tổ phụ nữ gồm có 5 chị em do bà làm tổ trưởng, tổ của bà làm nhiệm vụ liên lạc với các đồng chí hoạt động bí mật như Hoàng Quốc Vân, Đàm Minh Viễn, Phúc Kiến. Tháng 8 năm 1941 bọn mật thám đến lục soát nhà bà, bà bị bắt sau đó bà đã trốn thoát sang Bình Mãng (Trung Quốc), bà được đồng chí Vũ Anh và đồng chí Lê Quảng Ba đã đưa về Pác Bó (thuộc xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng). Tại đây, Nông Thị Trưng đã được gặp Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, được Người đặt tên Trưng với mong muốn là bà đi theo tấm gương của bà Trưng, bà Triệu. Bà vinh dự được Người tặng cho cuốn sách “Binh Pháp Tôn Tử” và có đề thơ ngoài bìa:  “Vở này ta tặng cháu yêu ta  Tỏ chút lòng yêu cháu gọi là  Mong cháu ra công mà học tập  Mai sau cháu giúp nước non nhà’’  Tháng 11/1941, Đội du kích đầu tiên được thành lập (Đội du kích Pác Bó), bà là một trong 12 đội viên du kích của Đội.  Tháng 12/1942, bà được kết nạp vào Đảng cộng Sản Việt Nam.  Ngày 20/8/1942, Đại hội Việt Minh châu Hà Quảng họp tại Lũng Loỏng, xã Nà Sác bầu ra ban Việt Minh châu, Nông Thị Trưng được bầu vào ban chấp hành Việt Minh, Bí thư Phụ nữ cứu quốc châu Hà Quảng.  Năm 1942 - 1945: giữ chức vụ Bí thư phụ nữ cứu quốc.  1964 - 1980, bà được phân công làm Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.  **(Nguồn: Lịch sử phong trào phụ nữ cứu quốc tỉnh Cao Bằng (1930 - 2010). *Nxb Chính trị quốc gia, năm 2011)*** | |
| 31 | **Đàm Thị Loan** | Đồng chí Đàm Thị Loan (1926 - 2010), tên thật là Đàm Thị Nết, với các bí danh: Thanh Xuân, Minh Phượng, Minh Nhật, người dân tộc Tày.  Quê quán: Thôn Ảng Giàng, xã Bình Long, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.  Là một trong những đội viên nữ đầu tiên của đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng; bà vinh dự là một trong 2 đội viên nữ tham gia kéo cờ trong lễ thượng cờ tại Quảng Trường Ba Đình, Hà Nội ngày 2/9/1945 .  Năm 1958, bà được thăng quân hàm Thượng úy. Năm 1967, thăng quân hàm Đại úy. Năm 1975, phong quân hàm Thiếu tá, năm 1977 bà được phong quân hàm Trung tá. Bà nghỉ hưu với quân hàm Đại tá.  Bà được nhà nước tặng thưởng Huân chương độc lập, Huân chương kháng chiến hạng Nhất.  *(Nguồn: Đề tài nghiên cứu khoa học cấp đơn vị Bảo tàng tỉnh, một số gương mặt phụ nữ tiêu biểu*  *của Cao Bằng qua các thời kỳ lịch sử - 2016)* | |
| 32 | **Trung Ngọc** | Đồng chí Bế Văn Hồng (? - ?), bí danh Trung Ngọc.  Chức vụ: Bí thư Chi bộ đầu tiên của huyện Phục Hòa (tháng 3/1945 - tháng 6/1946)  *(Nguồn: Lịch sử đảng bộ huyện Phục Hòa 1930 - 2010. Nxb Lao động, năm 2010)* | |
| 33 | **Cường Linh** | Đồng chí Hoàng Văn Thức (? - ?), tức Cường Linh.  Đồng chí được bầu giữ chức Bí thư Chi bộ đảng đầu tiên của huyện Trấn Biên (tức huyện Trà Lĩnh cũ), giai đoạn (5/1946 - 11/1946).  *(Nguồn: Lịch sử Đảng bộ huyện Trà Lĩnh 1930 - 2015)* | |
| 34 | **Lê Thành** | Đồng chí Lê Thành (? - ?).  Chức vụ: Bí thư Tỉnh ủy năm 1947.  *(Nguồn: Lịch sử Đảng bộ tỉnh Cao Bằng. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2020)* | |
| 35 | **Lê Khắc** | Đồng chí Lê Khắc - Phó Bí thư Tỉnh ủy năm 1947.  *(Nguồn: Lịch sử Đảng bộ tỉnh Cao Bằng. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2020)* | |
| 36 | **Dương Công Hoạt** | Đồng chí Dương Công Hoạt(1912 - 2001), bí danh Cao Cường, người dân tộc Tày.  Quê quán: Xã Hưng Đạo, huyện Hòa An (nay là thành phố Cao Bằng).  Chức vụ: Trưởng Ban cán sự huyện Trà Lĩnh 1945; Chủ tịch Ủy ban kháng chiến tỉnh (1947-1948); Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh (1951-1953); Bí thư Tỉnh ủy (1950 - 1957).  *(Nguồn: Lịch sử Đảng bộ tỉnh Cao Bằng. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2020)* | |
| 37 | **Khuất Duy Tiên** | Đồng chí Khuất Duy Tiên (? - ?), bí danh của Quang Mỹ.  Chức vụ: Bí thư Ban cán sự huyện Phục Hòa từ tháng 3/1947 - 7/1947  *(Nguồn: Lịch sử Đảng bộ huyện Phục Hòa 1930 - 2010. Nxb Lao động, năm 2010)* | |
| 38 | **Triệu Nguyên** | Đồng chí Triệu Nguyên (1922 - 1948), tên thật là Triệu Văn Chính.  Quê quán: Nước Giáp, Hợp Giang, thị xã Cao Bằng (nay là thành phố Cao Bằng), tỉnh Cao Bằng.  Ông làm công nhân mỏ thiếc Tĩnh Túc. Tại đây ông sớm giác ngộ Cách mạng, đấu tranh cho quyền lợi công nhân và được mọi người tin yêu. Ngày 22/6/1948 tỉnh Cao Bằng thống nhất các võ trang tuyên truyền của bộ đội và dân quân. Ông Triệu Nguyên được đề bạt làm Đại đội trưởng, sau làm chính trị viên đại đội võ trang tuyên truyền, đa số quân là người Mông, Dao. Ông đã phân từng tổ đi các làng, các vùng tạm chiếm, gây cơ sở phá tề, trừ gian, diệt phản động. Bọn địch rất căm tức, treo giải thưởng cho ai bắt sống Triệu Nguyên được thưởng 3 tạ muối, ai nộp đầu ông Triệu Nguyên được thưởng 2 tạ muối. Ông Triệu Nguyên đi họp Hội nghị ở Bản Hoàng xã Dân Chủ, huyện Hòa An, Khi trở về qua Khau Công, Mã Quỷnh vào Thông Nông đi Táp Ná ông bị Pháp và bọn phản động phục kích, ông đã hy sinh.  Ông được tặng thưởng Huân chương Chiến thắng hạng Ba và nhận bằng Tổ Quốc ghi công.  Tên của ông đã được đặt tên cho xã Triệu Nguyên, huyện Nguyên Bình.  *(Nguồn: Lịch sử đảng bộ huyện Nguyên Bình 1930-2010, Nxb Chính trị quốc gia, năm 2010)* | |
| 39 | **Hoàng Bảo Minh** | Đồng chí Hoàng Bảo Minh (? - ?), bí danh Hoàng Bảo Bối.  Chức vụ: Bí thư chi bộ đầu tiên của huyện Bảo Lâm.  Từ năm 1949, Tỉnh ủy và Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Cao Bằng đã cử các đồng chí Hoàng Bảo Minh (Hoàng Bảo Bối), Hoàng Văn Kháng, Hoàng Nguyễn Kim vào khu Nùng Vân, gồm 5 xã: Tân Việt, Mông Ân, Nam Quang, Thái Học, Yên Thổ để tuyên truyền, vận động quần chúng, gây cơ sở cách mạng. Sau một thời gian gây dựng phong trào, phát triển cơ sở và quần chúng cốt cán, phát triển đảng viên, ở khu Nùng Vân đã có những điều kiện để thành lập Chi bộ đảng đầu tiên.  Ngày 21/11/1949, Chi bộ đảng đầu tiên ở khu Nùng Vân được thành lập ở xã Mông Ân, gồm các đảng viên: Hoàng Bảo Minh, Bí thư Chi bộ; Hoàng Văn Kháng, Hoàng Nguyễn Kim (xã Nam Quang); Hoàng Văn Thuận, Nông Văn Tung, Hoàng Văn Ý (xã Mông Ân); Giàng A Lự, Lý Tờ Phà (xã Tân Việt); Nông Văn Lịch (xã Thái Học). Đây là chi bộ đảng cộng sản đầu tiên ở miền Tây Nam của Bảo Lạc (huyện Bảo Lâm ngày nay), còn gọi là Chi bộ E5. Hoạt động của Chi bộ lúc bấy giờ có tính chất liên xã. Sự ra đời của Chi bộ Đảng cộng sản đầu tiên ở Bảo Lâm mở ra bước ngoặt mới đối với phong trào cách mạng  (Nguồn: Lịch sử Đảng bộ huyện Bảo Lâm (1930-2005). Nxb Lao động, năm 2010) | |
| 40 | **Triệu Thị Soi** | Triệu Thị Soi (1927 - 2011), dân tộc Nùng, quê quán xã Đoài Dương nay là xã Thân giáp huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Được kết nạp vào Đảng tháng 11 năm 1963.  TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG:  Quá trình công tác của bà Triệu Thị Soi đã trải qua nhiều cương vị khác nhau: Năm 1945, bà làm tiểu đội phó du kích xã, ủy viên chấp hành phụ xã Thân Giáp. Từ năm 1946-1949 bà phụ trách dân quân vận chuyển gạo cho chiến dịch Đông Khê. Năm 1949 - 1950: Ủy viên chấp hành phụ nữ xã. Từ năm 1950 - 1951: Bà tham gia dân công vận chuyển tà vẹt ở Phục Hòa, Cao Bằng. Triệu Thị Soi đã có nhiều thành tích đặc biệt xuất sắc trong Chiến dịch Biên giới, chiến dịch làm gỗ tà vẹt và trong lao động sản xuất xây dựng Chủ nghĩa xã hội là tấm gương sáng để chị em phụ nữ học tập và noi theo.  Đầu năm 1951, Trung ương giao cho Cao Bằng phải sản xuất 200.000 thanh gỗ tàvẹt để làm đường xe lửa từ Nam Ninh đến Hữu Nghị Quan. Đây là một nhiệm vụ quan trọng và là chiến dịch đột xuất của tỉnh. Phục vụ chiến dịch này, đa số là chị em phụ nữ, điển hình là chị Triệu Thị Soi vác tà vẹt nặng gấp 4 lần các chị em khác, chị đã được bầu là Chiến sĩ thi đua toàn quốc, được Bác Hồ gửi thư khen ngợi. Với những cống hiến và thành tích của bà, bà đã được tặng thưởng huân chương chiến sĩ hạng Ba, Huy chương chiến sĩ hạng Nhất.  (*Nguồn: Báo điện tử Cao Bằng; Lịch sử tỉnh Cao Bằng. Nxb Chính trị quốc gia, năm 2009)* | |
| 41 | **Đinh Thị Đậu** | Đồng chí Đinh Thị Đậu (1927 - 2010); quê quán: Nà Pá, xã Đức Xuân, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.  Bà tham gia hoạt động cách mạng từ năm 14 tuổi.Năm 23 tuổi bà tham gia dân công tải đạn trong chiến dịch Biên Giới 1950, Đinh Thị Đậu nhiều lần vượt qua bom đạn tiếp tế đạn cho bộ đội và dùng thắt lưng cõng thương binh vượt qua lửa đạn về hậu cứ cứu chữa. Được Bác Hồ tuyên dương và được Chính phủ tặng Huân chương Chiến công hạng Hai. Ủy Ban Kháng chiến hành chính Liên Khu Việt Bắc tặng giấy khen có nhiều thành tích trong khi phục vụ chiến dịch Lê Hồng Phong.  Năm 1998 bà được nhận Huân chương kháng chiến hạng Nhì.  *(Nguồn: Bản ghi chép hiện vật - Bảo tàng tỉnh)* | |
| 42 | **Nhất Tam** | Đồng chí Nhất Tam(? - ?), tức Phạm Khắc Tuân.  Chức vụ: Bí thư - Chủ tịch huyện Phục Hòa năm 1950-1951  *(Nguồn: Lịch sử đảng bộ huyện Phục Hòa 1930-2010. Nxb Lao động, 2010)* | |
| 43 | **Đào Duy Tùng** | Đồng chí Đào Duy Tùng (1924 - 1998), ông sinh ra trong một gia đình nhà nho yêu nước tại xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.  Chức vụ: Phó Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng, khóa III (1951 - 1959); Thường trực Bộ Chính trị - Ban Bí thư Trung ương Đảng (1/1994); Trưởng ban Tuyên huấn Trung ương (1986); Tổng Biên tập Tạp chí Học tập (1965 - 1982), (nay là Tạp chí Cộng sản - cơ quan lý luận và chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng).  Tặng thưởng: Huân chương Độc lập hạng Nhất; Huân chương Hồ Chí Minh.  Hiện nay, tên ông đã được đặt tên đường ở huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội (đường Đào Duy Tùng rộng 17,5m, dài 2400m và tên phố tại thành phố Nam Định (phố Đào Dung Tùng rộng 20m, dài 287m).  *(Nguồn: Lịch sử Đảng bộ tỉnh Cao Bằng. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2020; tuyengiao.vn)* | |
| **4.6.** | **Văn nghệ sỹ tiêu biểu: 12 tên** | | |
| 1 | **Nguyễn Du** | Nhà văn, nhà thơ Nguyễn Du (1765 - 1820), tự Tố Như, hiệu Thanh Hiên.  Quê quán: Phường Bích Câu, Thăng Long (nay là Hà Nội) trong một dòng họ khoa bảng nổi tiếng bậc nhất thời bấy giờ ở xứ Nghệ.  Ông sinh ra và học hành ở kinh đô. Sau khi Gia Long lên ngôi, Nguyễn Du trở lại chốn quan truờng, ông từng giữ các chức quan: Tri huyện; tri phủ; Đông các học sĩ, tước Du Đức hầu; Cai bạ (hàm Tứ phẩm); Cần chánh điện học sĩ (Chính Tam phẩm); Lễ bộ hữu Tham tri (tòng Nhị phẩm).  Những tác phẩm tiêu biểu: Ba tập thơ chữ Hán: Thanh Hiên thi tập, Nam Trung tạp ngâm, Bắc hành tạp lục; các tác phẩm thơ Nôm: Văn tế thập loại chúng sinh, Văn tế sống Trường Lưu nhị nữ, Thác lời trai phường nón. Đặc biệt nhất là Truyện Kiều - đỉnh cao của văn học cổ điển Việt Nam.  Ông được các thế hệ người Việt Nam tôn vinh là Đại thi hào dân tộc, Hội đồng Hòa bình thế giới vinh danh ông là Danh nhân văn hóa thế giới. Hiện nay, Truyện Kiều đã được dịch ra hơn 30 thứ tiếng trên thế giới, trong đó tiếng Pháp có trên 10 bản dịch, tiếng Anh và tiếng Hàn Quốc , tiếng Nhật…  Ngày 25/10/2013, tại kỳ họp lần thứ 37 của Đại Hội đồng Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp Quốc (UNESCO) họp ở Paris đã chính thức ban hành Quyết định số 37C/15 vinh danh Đại thi hào Nguyễn Du cùng với 107 danh nhân văn hóa toàn thế giới.  *(Nguồn: Báo Cao Bằng điện tử - baocaobang.vn)* | |
| 2 | **Hoàng Triều Ân** | **Nhà văn Hoàng Triều Ân (1931 - 2019).**  **Quê quán: Lam Sơn, Hồng Việt, Hòa An. Ông là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, nguyên Ủy viên BCH Hội văn nghệ Khu tự trị Việt Bắc, Ủy viên BCH Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, hội viên Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh Cao Bằng.**  **Những cuốn** sách đã xuất bản gồm: Thơ: *Tung còn và suối đàn* - 1963; *Nắng ngàn* - 1974; *Bốn mùa hoa* -1974; *Kin mác* (thơ Tày) - 1975; *Chốn xa xăm* - 1990; *Hoa Vông* - 1994; *Hoa và nắng* - 2000; *Một lần thăm Trung Quốc* - 2005; *Thơ Triều Ân* - 2007. Tiểu thuyết: *Nắng vàng bản Dao* - 1992; *Nơi ấy biên thùy* - 1994*; Dặm ngàn rong ruổi* - 2000; *Triều Ân văn tuyển* - 2007; *Tiểu thuyết Triều Ân* - 2009; *Trên vùng mây trắng* - 2011. Truyện ngắn: *Tiếng hát rừng xa* - 1969; *Tiếng khèn A Pá* - 1980; *Như cánh chim trời* - 1982; *Đường qua nẻo mây* - 1988; *Xứ sương mù* - 2000; *Chuyện đời thường* 2011 và 28 công trình nghiên cứu văn nghệ dân gian, 3 từ điển.  Hơn 50 đầu sách văn học ông đã viết (gồm Giải thưởng Nhà nước) không chỉ tôn vinh trí tuệ, tâm huyết lao động của ông mà để lại giá trị văn hóa, Văn học dân gian quê hương cho thế hệ mai sau**. Ông được nhận giải thưởng Nhà nước về văn học - văn hóa dân gian năm 2012, Huân chương Độc lập hạng Nhì, Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng Nhì, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì.**  *(Nguồn: Tuyển tập thơ văn Triều Ân, Nxb Văn học, năm 2006; Báo điện tử Cao Bằng – caobang.vn)* | |
| 3 | **Nông Quốc Chấn** | Nhà thơ Nông Quốc Chấn (1923 - 2002), dân tộc Tày. Thuở nhỏ có tên là Nông Văn Đăm, tên khai sinh là Nông Văn Quỳnh, tên bí mật từ năm 1941 đến 1944 khi tham gia cách mạng là Quốc Bảo. Từ 1944 đến nay, tên thường dùng là Nông Quốc Chấn, ngoài ra ông còn bút danh khác như: Sông Cầu, Xiêng Xa Lỳ.  Quê quán: Bản Nà Cọt (còn gọi là Bó Slảng) thuộc xã Châu Khê, Bằng Đức, Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.  Năm 1947, sáng tác trường ca *Việt Bắc tức slấc* (Việt Bắc đánh giặc). Năm 1948, tham gia Ban chấp hành tỉnh đảng bộ Bắc Kạn, kiêm chủ bút tờ báo Tin tức Bắc Kạn.  Năm 1949, tham gia Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Kạn  Năm 1957, ông là Uỷ viên tiểu ban Văn nghệ của Trung ương Đảng.  Từ năm 1958 đến năm 1964, ông là Khu ủy viên Đảng bộ Khu tự trị Việt Bắc, phó ban Tuyên huấn Khu ủy, Chủ tịch Hội văn nghệ Việt Bắc, Giám đốc Sở Văn hóa Việt Bắc, Chủ nhiệm Nhà xuất bản Việt Bắc.  Năm 1970, là Thứ trưởng Bộ Văn hóa; Năm 1973, Giám đốc Nhà xuất bản Văn hóa; Từ năm 1973 - 1975, Tổng Biên tập Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật; Năm 1979 - 1980, Giám đốc Nhà xuất bản Văn học  Năm 1983 - 1985, Hiệu trưởng trường viết văn mang tên Nguyễn Du  Năm 1984, Hiệu trưởng trường Đại học Văn hóa Hà Nội.  Những tác phẩm tiêu biểu: *Dọn về làng* (đạt giải nhì cuộc thi thơ tại Đại hội liên hoan thanh niên và sinh viên thế giới lần thứ hai ở Berlin); tập ký sự bằng thơ *Pây Bá Linh mà* (Đi Bá Linh về) xuất bản năm 1952; các tác phẩm đã xuất bản thành sách: *Tiếng ca người Việt Bắc, Tiếng lượn cần Việt Bắc, Cần Phia Bjoóc*, *Đèo Gió, Dám Kha Pác Bó (bước chân Pác Bó), Dòng Thác, Suối và biển*, và các tập tiểu luận phê bình văn *học Đường ta đi, Một vườn hoa nhiều hương sắc, Chặng đường mới.*  Ông được tặng: Huân chương Độc lập hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Huân chương Lao động hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất.  *(Nguồn: Tuyển tập Nông Quốc Chấn, Nxb Văn hóa dân tộc, năm 1998)* | |
| 4 | **Hoa Cương** | Nhạc sĩ Hoa Cương (1930 - 2009), tên thật là Hoàng Hoa Cương.  Quê quán: Làng Nà Toàn, phường Đề Thám, TP Cao Bằng. Trưởng đoàn Văn công tỉnh Cao Bằng (Sở Văn hóa - Thông tin Cao Bằng). Ông đã sáng tác và công bố khá nhiều bài then nổi tiếng: "*Ba Bể cảnh tiên", "Hái nụ hái hoa", "Chồng bộ đội vợ dân quân", "Trăng soi đường Bác", "Non xa xa nước xa xa"*... Ông dựng những bài hát then cho Đoàn nghệ thuật tỉnh Cao Bằng và đi công diễn ở nhiều nơi.  Ông là người chắp cánh cho nghệ thuật hát Then đến gần với công chúng. Là người có nhiều đóng góp trong sự nghiệp bảo tồn di sản hát Then. Với tư cách Trưởng đoàn Văn công tỉnh Cao Bằng, ông đã mở trường dạy hát then tại Cao Bằng. Ông đã dạy cho hơn 300 học trò. Ông đã truyền lại nghệ thuật hát then - đàn tính cho con em địa phương, góp phần cho công tác bảo tồn nghệ thuật hát then - đàn tính của tỉnh Cao Bằng.  *(Nguồn: Báo Cao Bằng)* | |
| 5 | **Bàn Tài Đoàn** | **Nhà thơ Bàn Tài Đoàn (1913 - 2007), tên thật là Bàn Tài Tuyên, người dân tộc Dao Tiền.**  **Quê quán: Bản Sí Kèng, xã Quang Thành, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.**  **Trước Cách mạng Tháng Tám 1945, ông sống ở Nà Sang, xã Tam Kim (Nguyên Bình). Tại khu rừng Slam Cao, ông đã được gặp các “anh cách mạng” là anh Văn (Đại tướng Võ Nguyên Giáp), anh Đinh (Lê Thiết Hùng), anh Trọng Khánh (Dương Văn Long), anh Việt Xô (Mạc Văn Úc)... Được các anh giác ngộ cách mạng, Bàn Tài Tuyên hăng hái tham gia.** Anh Văn bố trí Tài Tuyên làm tuyên truyền, khuyến khích làm thơ, đặt tên bí danh là Đoàn Kết, các bài thơ làm ra đều lấy tên là Tài Đoàn, nghĩa là người đoàn kết rộng lớn. Từ đó cái tên Bàn Tài Đoàn gắn bó với người Dao, người Nguyên Bình và cả người Việt Bắc, rồi cả nước.  Các bài thơ của ông như: *Muối cụ Hồ, Sáng cả hai miền, Bác Hồ sống mãi trong ta, Mình ơi*..., đi vào tâm thức của mọi người yêu thơ.  Suốt hơn 60 năm lao động sáng tạo nghệ thuật, ông đã cho xuất bản hơn 20 tác phẩm thơ, tiểu luận, được nhận Giải thưởng Nhà nước về Văn học - Nghệ thuật (đợt I) năm 2001.  *(Nguồn: Bàn Tài Đoàn tuyển tập thơ, văn. Nxb Văn hóa dân tộc, năm 2006; Báo điện tử Cao Bằng – caobang.vn)* | |
| 6 | **Y Phương** | Nhà thơ Y Phương (1948 - 2022), tên thật là Hứa Vĩnh Xước, người dân tộc Tày.  Quê quán: xã Lăng Hiếu, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.  Ông nhập ngũ năm 1968, phục vụ trong quân đội đến năm 1981. Sau đó, ông theo học và tốt nghiệp khóa II (1982-1986) trường Viết văn Nguyễn Du. Năm 1986, ông về công tác tại Sở Văn hóa Thông tin Cao Bằng. Từ năm 1991, ông là Phó Giám đốc Sở Văn hóa Thông tin Cao Bằng.  Năm 1993 đến 2021, ông là Chủ tịch Hội Văn học nghệ thuật Cao Bằng, Ủy viên Ban Chấp hành, Trưởng Ban Kiểm tra Hội Nhà văn Việt Nam khóa VI.  Ông bắt đầu sự nghiệp thơ ca từ năm 1973, khi những tác phẩm được in trên báo như "*Bếp nhà trời*", "*Dáng một con sông*". Trong hơn 30 năm cầm bút của mình, nhà thơ Y Phương đã xuất bản nhiều tác phẩm gồm: Tập kịch "*Người của núi*" (1982); các tập thơ gồm "*Người Núi Hoa*" (1982), "*Tiếng hát tháng Giêng*" (1986), "*Lửa hồng một góc*" (1987), "*Lời chúc*" (1991), "*Đàn Then*" (1996), "*Thơ Y Phương*" (2002),... Bên cạnh, ông đó còn có 2 tập song ngữ "*Vũ khúc Tày*" (*Tủng Tày*) và "*Hoa quả chuông" (Bjooc ăn lình*); 2 tập tản văn: "*Tháng Giêng - tháng Giêng một vòng dao quắm*" (2009) và "*Kungfu người Co Xàu"* (2010).  Các giải thưởng đã đạt được: Giải A cuộc thi thơ tạp chí văn nghệ quân đội 1984 với hai bài: *Tên làng*, *Phòng tuyến Khau liêu*; Giải A của Hội nhà văn Việt Nam 1987 với tập thơ: *Tiếng hát tháng giêng*; giải A của Hội đồng văn học Dân tộc thiểu số Hội nhà văn Việt Nam. 1992 với tập thơ: *Lời chúc*.  Tập thơ: *Tiếng hát tháng giêng* đã được tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật năm 2007.  *(Nguồn: Sách "Núi mọc trong mặt gương" của Hội VHNT các dân tộc thiểu số Việt Nam. Nxb Văn hóa dân tộc, năm 1998; báo điện tử Dân tộc và miền núi : Dantocmiennui.vn)* | |
| 7 | **Đàm Thanh** | Nhạc sỹ Đàm Thanh (1939 - 2003), người dân tộc Tày.  Quê quán: Thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.  Nhạc sĩ Đàm Thanh học sáng tác tại Trường Âm nhạc Việt Nam từ năm 1957. Năm 1961, ông về công tác ở ĐoànVăn công Nhân dân Khu tự trị Việt Bắc, là nhạc sĩ sáng tác. Năm 1963, ông chuyển về Đoàn Văn công Đắk-Lắk tham gia sáng tác và chỉ đạo nghệ thuật. Từ năm 1987, ông lại trở về Đoàn Ca Múa Dân gian Việt Bắc (tên gọi mới của ĐoànVăn công Nhân dân Khu tự trị Việt Bắc). Ông viết khá nhiều ca khúc và một số tác phẩm đã có sức phổ biến rộng, trở thành những bài ca đi cùng năm tháng.  Ngoài ra ông còn tham gia viết nhạc cho múa, nhạc cho kịch nói tiếng Tày (như các vở *Kim Đồng, Bác Kỹ sư*). Ca khúc tiêu biểu của ông: *Cánh chim báo tin vui, Anh quân bưu vui tính, Tôi là Lê Anh Nuôi, Con trâu* (Animô), *Cánh đồng mùa gặt, Con voi một ngà, Bài ca lái xe đêm.*  Đã xuất bản *Tuyển chọn ca khúc Đàm Thanh* và Album Đàm Thanh (DIHAVINA, Hội Nhạc sĩ Việt Nam, 1996).  *(Nguồn: Sách Nhạc sĩ Việt Nam hiện đại, Hội nhạc sĩ Việt Nam, xuất bản năm 1997)* | |
| 8 | **Nguyễn Tài Tuệ** | Nhạc sỹ Nguyễn Tài Tuệ (1936 - 2022).  Quê quán: Xã [Đại Đồng](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1i_%C4%90%E1%BB%93ng,_Thanh_Ch%C6%B0%C6%A1ng), huyện [Thanh Chương](https://vi.wikipedia.org/wiki/Thanh_Ch%C6%B0%C6%A1ng), tỉnh [Nghệ A](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ngh%E1%BB%87_An)n.  Nhạc sĩ Nguyễn Tài Tuệ là một trong những nhạc sĩ gạo cội của nền âm nhạc Việt Nam. Là một nhạc sĩ nổi tiếng, tiêu biểu của dòng nhạc truyền thống cách mạng. Những tác phẩm của ông có đời sống riêng và để lại dấu ấn sâu đậm trong lòng khán giả, được đông đảo đồng nghiệp đánh giá cao. Trong số những tác phẩm của nhạc sĩ Nguyễn Tài Tuệ có ca khúc “Tiếng hát giữa rừng Pác Bó” được tác giả viết dựa vào dân ca của dân tộc Nùng. Đây là ca khúc được tác giả viết bằng trái tim của mình, thể hiện đậm nét hình ảnh Bác Hồ - Người lãnh tụ vĩ đại của dân tộc trong thời gian hoạt động tại Pác Bó, Hà Quảng, Cao Bằng.  Với những cống hiến cho nền âm nhạc Việt Nam, nhạc sĩ Nguyễn Tài Tuệ đã được trao tặng Giải thưởng Nhà nước đợt I (2001) về Văn học Nghệ thuật; Huân chương Lao động hạng Nhì; Huy chương Vì sự nghiệp Âm nhạc Việt Nam và một số giải thưởng của Hội Nhạc sĩ Việt Nam…  *(Nguồn: Báo điện tử quân đội nhân dân: qdnd.vn)* | |
| 9 | **Văn Cao** | Nhạc sĩ Văn Cao, tên thật là Nguyễn Văn Cao (1923 - 1995); quê quán: Lạch Tray, Hải Phòng.  Văn Cao là người nhạc sĩ tài năng của nền âm nhạc Việt Nam, với nhiều ca khúc nổi tiếng và bất hủ như: “*Buồn tàn thu”,* “*Thiên thai*”, “*Suối Mơ*”, “*Trương Chi”*, “*Bến xuân”, “Cung đàn xưa”, “Đàn chim Việt”, “Làng tôi”,* “*Ngày mùa”, “Tiến về Hà Nội”, “Ca ngợi Hồ Chủ tịch”...*Đặc biệt, tại Đại hội Quốc dân họp ở Tân Trào (Tuyên Quang) quyết định chọn “*Tiến quân ca*” làm Quốc ca nước Việt Nam.  Với những cống hiến trọn đời cho nền âm nhạc dân tộc, năm 1993, Văn Cao đựợc Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất. Năm 1996, ông được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh.  *(Nguồn: Văn Cao cuộc đời, tác phẩm. Nxb Văn học, 1998; Báo Tin tức - baotintuc.vn)* | |
| 10 | **Tô Ngọc Vân** | Họa sĩ Tô Ngọc Vân (1906 - 1954); quê quán: Làng Xuân Cầu, huyện Vân Giang, tỉnh Hưng Yên.  Tô Ngọc Vân là một trong những họa sĩ đầu tiên tiếp thu nghệ thuật phương Tây một cách sáng tạo, có kế thừa truyền thống dân tộc để tạo nên những tác phẩm chất lượng cao, tiêu biểu như: "*Thuyền trên sông Hương", "Thiếu nữ bên hoa huệ", "Thiếu nữ bên hoa sen"*... Riêng bức tranh *"Thiếu nữ và hai em bé"* của ông được xếp hạng là bảo vật quốc gia (2013). Ông có 62 tác phẩm có mặt tại Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam đã được xếp vào hàng kho báu của nghệ thuật hội hoạ nước nhà.   Không chỉ là một danh họa tài ba, Tô Ngọc Vân còn uyên bác về học thuật, một trong những người đầu tiên đặt nền móng cho ngành lý luận, phê bình mỹ thuật ở Việt Nam, một nhà giáo mỹ thuật xuất sắc. Tô Ngọc Vân cũng là một trong số rất ít hoạ sĩ Việt Nam đã sớm vẽ tem ngay từ thời Pháp thuộc. Mẫu tem Apsara của ông là mẫu tem thứ 23 của Bưu điện Đông Dương kể từ khi Pháp phát hành tem thư ở Việt Nam. Và cũng là tem duy nhất ông góp vào nền nghệ thuật tem thư ở Việt Nam.  Họa sĩ Tô Ngọc Vân đã Đảng và Nhà nước tặng Huân chương Độc lập hạng Nhất; Huân chương Kháng chiến hạng Nhì; được Bác Hồ gửi thư khen và tặng áo; Huy chương Vì sự nghiệp Văn họa Nghệ thuật Việt Nam; Huy chương Vì sự nghiệp Mỹ thuật Việt Nam…  Năm 1996, ông được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật .  *(Nguồn: Các bậc thầy hội họa Việt Nam, Nxb Mỹ thuật Hà Nội; Báo điện tử Thể thao & Văn hóa - TTXVN)* | |
| 11 | **Chế Lan Viên** | Nhà thơ Chế Lan Viên (1920 - 1989), tên thật là Phan Ngọc Hoan; quê quán: Cam Lộ, Quảng Trị.  Năm 17 tuổi, với bút danh Chế Lan Viên, ông xuất bản tập thơ đầu tay *"Điêu tàn".* Từ đây, tên tuổi của ông vụt sáng trên thi đàn Việt Nam. Cách mạng Tháng Tám nổ ra, Chế Lan Viên tham gia phong trào cách mạng tại Bình Định, Thừa Thiên - Huế, viết bài và làm biên tập cho các báo "Quyết thắng", "Cứu quốc", "Kháng chiến". Năm 1949, Chế Lan Viên gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương. Năm 1954, Chế Lan Viên tập kết ra Bắc làm biên tập viên báo "Văn học". Ông từng là Ủy viên Thường vụ Hội Nhà văn Việt Nam, là đại biểu Quốc hội các khóa IV, V, VI, VII; Ủy viên Ban Văn hóa - Giáo dục của Quốc hội.  Trong cuộc đời sáng tác, nhà thơ Chế Lan Viên để lại nhiều tác phẩm giá trị ở cả thể loại thơ, văn, tiểu luận phê bình. Đáng chú ý là các tập thơ: "*Điêu tàn", "Ánh sáng và phù sa", "Hoa ngày thường - Chim báo bão", "Những bài thơ đánh giặc", "Đối thoại mới", "Hoa trên đá", các tập văn "Vàng sao", "Những ngày nổi giận", "Bác về quê ta", "Giờ của đô thành".*.. Trong đó, có nhiều bài thơ được các thế hệ độc giả yêu mến như "*Người đi tìm hình của nước","Tiếng hát con tàu", "Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng?"...*  Năm 1996, ông được Nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học Nghệ thuật.  ***(Nguồn: Chế Lan Viên toàn tập. Nxb Văn học; Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam - dangcongsan.vn)*** | |
| 12 | **Thâm Tâm** | Nhà thơ Thâm Tâm (1917 - 1950), tên thật là Nguyễn Tuấn Trình.  Quê quán: Thị xã Hải Dương (nay là thành phố Hải Dương), tỉnh Hải Dương.  Từ những năm 1940, ông tham gia viết báo, viết văn và thường được đăng tải trên *Tiểu thuyết thứ bảy, ngày nay, Tiểu thuyết thứ năm và Truyền bá quốc ngữ...*Ông từng thử sức trên nhiều thể loại nhưng thành công hơn cả vẫn là thơ.  Sau cách mạng Tháng Tám 1945, Thâm Tâm tham gia văn hóa cứu quốc, ở trong Ban biên tập báo Tiên Phong (1945 - 1946), sau đó ông nhập ngũ, làm Thư ký tòa soạn báo Vệ quốc quân (sau là báo Quân đội Nhân dân).  Ông mất sau một cơn bệnh đột ngột ngày 18 tháng 8 năm 1950 trên đường đi công tác trong Chiến dịch Biên giới, được đồng đội và nhân dân địa phương mai táng tại bản Pò Noa, xã Phi Hải, huyện Quảng Hòa, Cao Bằng.  Thâm Tâm nổi tiếng với bài thơ Tống biệt hành. Sinh thời ông chưa in thơ thành tập. Sáng tác thơ của ông được xuất bản năm 1988 trong sưu tập Thơ Thâm Tâm.  Nhà thơ Thâm Tâm được truy tặng giải thưởng Nhà nước về văn học Nghệ thuật năm 2007.  *(Nguồn: Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Cao Bằng)* | |

**C. Danh mục tên công trình công cộng: 13 tên**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Danh mục tên dự kiến** | **Ghi chú** |
| 1 | **Hồ Chí Minh** | Lãnh tụ cách mạng: Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 02/9/1969 ), tên lúc nhỏ của Bác là Nguyễn Sinh Cung, tên khi đi học là Nguyễn Tất Thành, trong nhiều năm hoạt động cách mạng lấy tên là Nguyễn Ái Quốc.  Quê quán: Làng Kim Liên, xã Nam Liên (nay là xã Kim Liên), huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.  Chủ tịch Hồ Chí Minh là một nhà ái quốc chân chính, nhà cách mạng sáng suốt, vị lãnh tụ thiên tài. Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Người gắn liền với lịch sử vẻ vang của dân tộc Việt Nam. Người đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của Nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hòa bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội.  Năm 1987, Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) đã tôn vinh Hồ Chí Minh là “Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam”.  *(Nguồn: Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam - dangcongsan.vn)* |
| 2 | **Pác Bó** | Địa danh lịch sử: **Di tích lịch sử Pác Bó nằm trên địa bàn xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Đây là địa điểm từng gắn với hoạt động của Bác trong giai đoạn đầu trở về Tổ quốc lãnh đạo Cách mạng (1941 - 1945).** Đầu năm 1941, Nguyễn Ái Quốc cùng 5 đồng chí đã về nước và ở tại nhà ông Lý Quốc Súng, sau đó chuyển vào hang Cốc Bó, hang Lũng Lạn và lán Khuổi Nặm. Từ ngày 10 đến ngày 19/5/1941, đã diễn ra Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8. Hội nghị đã nhận định rõ tình hình trong nước và thế giới, quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh, xây dựng căn cứ địa cách mạng, phát triển chiến tranh du kích, khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền trong cả nước.  *(Nguồn: Cục Di sản văn hóa - dsvh.gov.vn)* |
| 3 | **28 tháng 01** | Sự kiện lịch sử: Ngày 28/01/1941 (tức ngày mùng 2 Tết Tân Tỵ), Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã vượt qua mốc 108 ở biên giới Việt Nam - Trung Quốc, đặt bước chân đầu tiên lên mảnh đất Pác Bó, xã Trường Hà, châu Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, nơi có địa thế hiểm trở, núi non hùng vĩ, có quần chúng nhân dân đã được giác ngộ, kiên cường đấu tranh, trung thành với Đảng, với cách mạng... Người ở hang Cốc làm việc tại bàn đá bên bờ suối Lênin. Từ đấy, Pác Bó với ngọn núi Các Mác và dòng suối Lênin tại nơi Người làm việc và do Người đặt tên, thể hiện tư tưởng, mục tiêu, đường lối cách mạng, niềm tin tất thắng, đã vinh dự đi vào trang sử vẻ vang hiện đại của Đảng và dân tộc ta, gắn bó với sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Chủ tịch Hồ chí Minh kính yêu.  (*Nguồn: Lịch sử Đảng bộ tỉnh Cao Bằng (1930 - 2020). Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, năm 2020*) |
| 4 | **22 tháng 8** | Sự kiện lịch sử: Ngày 21/8/1945, dưới sự lãnh đạo của Ủy ban khởi nghĩa tỉnh, đứng đầu là đồng chí Hoàng Đình Giong, với nòng cốt là một Đại đội Giải phóng quân, được sự hỗ trợ của nhân dân lực lượng cách mạng đã buộc quân Nhật phải đầu hàng vô điều kiện. Ngày 22/8/1945, sau cuộc tuần hành thị uy, Ủy ban khởi nghĩa tổ chức mít tịnh tại chùa Phố Cũ, tuyên bố thành lập Ủy ban nhân dân lâm thời thị xã Cao Bằng và Ủy ban nhân dân lâm thời tỉnh Cao Bằng. Ngày 22/8/1945 là ngày lịch sử đáng ghi nhớ của nhân dân các dân tộc, ngày tỉnh Cao Bằng sạch bóng quân phát xít Nhật.  (*Nguồn: Lịch sử Đảng bộ tỉnh Cao Bằng (1930 - 2020). Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2020*) |
| 5 | **21 tháng 02** | Sự kiện lịch sử: Tháng 2/1961 Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm và làm việc tại tỉnh Cao Bằng. Sáng ngày 21/2/1961 Chủ tịch Hồ Chí Minh nói chuyện, huấn thị với với cán bộ, nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng tạisân vận động thị xã, người căn dặn “*Bác mong tỉnh Cao Bằng sớm trở thành một trong những tỉnh gương mẫu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của miền Bắc như trước đây cao Bằng là một trong những tỉnh đi đầu trong công cuộc cách mạng giải phóng dân tộc*”, cuộc nói chuyện lịch sử tại cuộc mít tinh có tác động sâu sắc đến nhận thức của cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân, là động lực, định hướng, là kim chỉ nam cho nhân dân các dân tộc Cao Bằng hăng hái thi đua lao động sản xuất, chiến đấu, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.  *(Nguồn: Lý lịch di tích - Bảo tàng tỉnh, năm 2001)* |
| 6 | **Thiên Văn** | Địa danh lịch sử: Thiên Văn: Tên một ngọn đồi nằm ở phía Tây Nam thị xã Cao Bằng (nay là thành phố); nơi đây, trong chiến dịch Việt Bắc Thu đông 1947, trận đánh ngày 9/10 - Khẩu đội súng phòng không của Trung đoàn 24 do xạ thủ Nông Văn Diên chỉ huy đã lập chiến công xuất sắc, bắn rơi một máy bay JU-52 của Pháp xuống làng Pác Cáy (xã Hòa Chung, thị xã Cao Bằng). Tất cả 12 sĩ quan tham m­ưu, trong đó có tên Đại tá Lăm-be, Phó tham mư­u trưởng quân đội viễn chinh Pháp ở Bắc Bộ đi trên máy bay đã bị tiêu diệt. Ta thu đ­ược toàn bộ bản kế hoạch tấn công Việt Bắc của thực dân Pháp. Tài liệu đặc biệt quan trọng này sau đó đã đư­ợc chiến sĩ liên lạc Nguyễn Danh Lộc đi bộ liên tục suốt 4 ngày, 3 đêm về đến Định Hóa, Thái Nguyên để giao cho cơ quan Bộ Tổng Tham mưu. Nhờ đó, Bộ Tổng chỉ huy của ta có thêm cơ sở vững chắc để hoàn chỉnh ph­ương án đánh địch, quyết phá tan cuộc tiến công lên Việt Bắc của thực dân Pháp.  (*Nguồn: Lịch sử Cao Bằng. Nxb Chính trị quốc gia, năm 2000*) |
| 7 | **Mục Mã** | Địa danh lịch sử: Mục Mã: Tên gọi xưa của phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng. Thời Nhà Mạc lên Cao Bằng (1594 - 1677), Mục Mã là nơi chăn thả và huấn luyện ngựa chiến. Sau khi Nhà Mạc bị diệt, chính quyền Lê - Trịnh chuyển trấn lỵ từ Cao Bình (Hưng Đạo) về Mục Mã, xây thành kiên cố, gọi là “Mục Mã trấn dinh”. Thời Nguyễn đổi tên là “Cao Bằng tỉnh thành”. Thời Pháp thuộc, Thị xã Cao Bằng là thủ phủ của “Đạo quan binh thứ hai”. Từ khi cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công và sau ngày giải phóng (03/10/1950), phường Hợp Giang là trung tâm của thị xã Cao Bằng (nay là thành phố Cao Bằng.  *(Nguồn: Địa chí Cao Bằng. Nxb Chính trị quốc gia, năm 2000)* |
| 8 | **2 tháng 2** | Ngày mùng 02/02 Âm lịch hàng năm là ngày diễn ra lễ hội tranh đầu pháo thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa. Trải qua bao thăng trầm, biến thiên của lịch sử, với bao sự đổi thay của cuộc sống, lễ hội tranh đầu pháo đã đi sâu vào tiềm thức của người dân huyện Quảng Hòa nói riêng, cộng đồng các dân tộc trên địa bàn tỉnh Cao Bằng nói chung. Lễ hội tranh đầu pháo đã trở thành một lễ hội truyền thống và được người dân địa phương bảo tồn, gìn giữ gần như nguyên vẹn các giá trị truyền thống. Hàng năm lễ hội đã thu hút đông đảo người dân địa phương và du khách thập phương về tham dự. Đây cũng chính là nét văn hóa đặc sắc, là niềm tự hào của người dân Cao Bằng.  Lễ hội tranh đầu pháo thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa được đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia theo Quyết định số 2745/QĐ-BVHTTDL ngày 30/9/2020. |
| 9 | **19 tháng 5** | Ngày 19/5, kỷ niệm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh; Người đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hòa bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội. |
| 10 | **Hưng Long - Nà Thắm** | Tên gọi xóm Hưng Long, thị trấn Tà Lùng và xóm Nà Thắm, xã Mỹ Hưng, huyện Quảng Hòa. |
| 11 | **Quảng Uyên** | Tên địa danh, là một đơn vị hành chính thuộc huyện Quảng Hòa, tên gọi quen thuộc của người dân địa phương |
| 12 | **Phục Hòa** | Phục Hòa là tên huyện cũ (từ năm 2002 đến năm 2020). **Lấy tên Quảng trường theo tên gọi nhằm giữ lại tên gọi truyền thống, giữ lại giá trị lịch sử vốn có của địa phương từ xa xưa.** |
| 13 | **Hữu nghị** | Hữu nghị là tính từ chỉ mối quan hệ thân thiện (bạn bè) hoặc chỉ tình hữu nghị thân thiết, nồng nàn (quan hệ giữa các nước). |